



Số: 93 /KH - TrMN

An Châu, ngày 26 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2025 – 2026

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) về việc Ban hành Điều lệ Trường Mầm non.

Quyết định số 2641/QĐ-UBND ngày 18/8/2025 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Nghệ An về việc Ban hành khung thời gian năm học 2025 - 2026 đối với GDMN, GDPT và GDTX.

Công văn số 2525/SGDĐT-GDMN ngày 03/9/2025 của Sở GD&ĐT Nghệ An về việc Hướng dẫn thực nhiệm vụ năm học 2025 - 2026 đối với GDMN.

Căn cứ Công văn số 486/UBND-VHXXH ngày 12/9/2025 của UBND xã An Châu về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non năm học 2025-2026 trên địa bàn xã An Châu.

Căn cứ công văn số 2675 /SGD&ĐT- GDMN. Ngày 15/9/2025 của Sở GD&ĐT Nghệ An.V/v Hướng dẫn thực hiện quy chế chuyên môn giáo dục mầm non. Năm học 2025-2026 đối với;

Căn cứ Công văn số 2379/SGD&ĐT-GDNN-GDTX của Sở GD&ĐT Nghệ An, ngày 21/8/2025 về việc hướng dẫn thực hiện Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ mẫu giáo và Chương trình tăng cường trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ vào kế hoạch số 87 /KHCL-MNĐT ngày 22/9/2025, kế hoạch chiến lược phát triển trường Mầm non giai đoạn 2025-2030 và tầm nhìn đến năm 2035;

Căn cứ vào kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2024 - 2025 và tình hình thực tế của nhà trường và địa phương, trường mầm non Diên Thỉnh xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025- 2026 với những nội dung sau:

II. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:

1.Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương

- Xã An Châu là xã mới, được thành lập ngày 16/6/2025 theo Nghị quyết 1678/NQ-UBTVQH15, từ việc sáp nhập 4 xã cũ: Diên An, Diên Tân, Diên Trung, Diên Thỉnh

Diện tích: 34,87 km².

- Dân số khoảng 43.437 người.

- Có 36 thôn/xóm (mỗi xã cũ chia thành nhiều xóm) sau sáp nhập.

Vị trí địa lý & đặc điểm tự nhiên

- Phía Đông xã giáp Biên Đông; có đường ven biển.

- Có sự đa dạng về địa hình: vừa có đồng bằng, vừa đồi núi và biển - điều này tạo nên nguồn lợi phong phú nhưng cũng có thách thức trong phát triển hạ tầng, giao thông.

- Vị trí thuận lợi giao thông, nằm trong tỉnh Nghệ An, tiếp cận được các tuyến đường quan trọng (đường ven biển, Quốc lộ) để phát triển dịch vụ, thương mại.

Văn hóa – lịch sử – xã hội

- Đền Cuông là di tích quốc gia, thờ Thục An Dương Vương; gắn với truyền thuyết Mỵ Châu – Trọng Thủy.

- Có Đình Xuân Ái và Đình Nguyệt Tiên là di tích cấp tỉnh.

- Biển Cửa Hiền là tiềm năng du lịch sinh thái biển.

• Tôn giáo: có 5 cơ sở tôn giáo (Giáo xứ, Giáo họ) với tổng tín đồ khoảng 7.662 người, tập trung ở các phân xã cũ Diễn Tân, Diễn Thịnh, Diễn Trung.

Kinh tế & định hướng phát triển

- An Châu có nền kinh tế đa ngành: nông nghiệp, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ.

- Trong nông nghiệp: có xu hướng chuyển mạnh sang mô hình hữu cơ, công nghệ cao, gắn với chuỗi tiêu thụ.

- Thủy sản (nuôi trồng, đánh bắt gần bờ) phát triển ổn định.

- Thương mại – vận tải – dịch vụ phát triển theo các trục đường lớn (ven biển, Quốc lộ 1A, đường cao tốc Bắc-Nam) để tận dụng lợi thế giao thông.

- Định hướng phát triển du lịch: tập trung cụm Đền Cuông – Cửa Hiền – phát triển du lịch sinh thái ven biển, du lịch tâm linh.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2025 - 2026

2.1. Đặc điểm các độ tuổi của trẻ

- Tổng số học sinh trường có 21 lớp với 588 học sinh. Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi ra lớp Chưa đạt so với kế hoạch phê duyệt 204 /216 đạt 96,2 % (Vẫn còn 08 cháu học tại nhà thờ giáo xứ Trung Song).

+ Nhóm trẻ: **04 nhóm** với **100/364** trẻ tỷ lệ **20,2%**;

+ Lớp mẫu giáo: **17 lớp** với **488/579** trẻ, tỷ lệ **84,2%**.

- Bố trí nhóm, lớp

+ Nhóm trẻ 24 - 36 tháng: 04 nhóm, 100 cháu

+ Lớp mẫu giáo 3 - 4 tuổi: 05 lớp, 139 cháu

+ Lớp mẫu giáo 4 - 5 tuổi 06 lớp, 160 cháu

+ Lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi 06 lớp, 189 cháu học tại trường

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

- Về số lượng: Tổng số cán bộ, viên chức: 57 đ/c Trong đó:

+ Cán bộ quản lý : 03 đ/c; trình độ Thạc sỹ: 01/03 đ/c. Đại học: 3/3 đ/c.

+ Giáo viên có 38 đ/c; biên chế 38 đ/c.

+ Nhân viên 16 đ/c (01 nhân viên y tế, 01 nhân viên kế toán, 12 cô nuôi và 02 nhân viên bảo vệ). Trong đó: Đại học: 01 đ/c; Cao đẳng: 01 đ/c. Trung cấp: 12 đ/c

- Về chất lượng :

Cán bộ quản lý, đội ngũ giáo viên đều đạt chuẩn nghiệp vụ sư phạm, trong đó: trên chuẩn 32/43, đạt 74,4%

- Số lượng đảng viên là 24 đ/c đạt tỷ lệ 55,8%.

2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; điểm trường; cơ sở vật chất thực hiện bán trú.

Tổng số phòng học có 21 phòng học trong đó: kiên cố 14 phòng; bán kiên cố là 7 phòng. Đủ để tổ chức cho học sinh học 2 buổi/ngày. Hiện tại có 6 phòng học và 2 phòng chức năng đang tu sửa nên phải nhập 3 lớp để đảm bảo cho việc dạy và học của nhà trường.

Trường mầm non Diên Thịnh là trường Hạng I. Trường có 2 điểm trường; điểm 1 (cụm Nam Thịnh) đóng tại xóm Tân Phúc, có tổng diện tích sử dụng 3700m²; điểm 2 (cụm Bắc Thịnh) đóng tại xóm Nam Thịnh. Có tổng diện tích sử dụng 2954m²

3. Đánh giá chung

Thuận lợi:

- Được sự chỉ đạo trực tiếp và sự quan tâm hỗ trợ về nhiều mặt của SGD&ĐT Nghệ An. Cấp ủy Đảng, chính quyền, các ban ngành đoàn thể và nhân dân xã An Châu thật sự quan tâm, chăm lo cho giáo dục xã nhà nói chung cho giáo dục mầm non nói riêng.

- Trường được công nhận lại trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên hầu hết trẻ, khỏe, có lập trường tư tưởng vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, trình độ đạt trên chuẩn cao, năng lực chuyên môn khá đồng đều, nhiệt tình, yêu nghề, đoàn kết.

- 100% trẻ 3 tuổi, 4 tuổi, 5 tuổi trong độ tuổi Mầm non có nhu cầu đã được tiếp nhận vào trường.

- Kết quả thực hiện chuyên đề , chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ các năm học trước tương đối tốt.

- Có nhiều phụ huynh trong trường nhận thức rõ về tầm quan trọng của công tác CS&GD cho trẻ MN, nên rất quan tâm và ủng hộ về mọi mặt cho nhà trường.

- Các đoàn thể trong trường duy trì tốt nề nếp hoạt động và hưởng ứng các phong trào một cách mạnh mẽ.

Khó khăn:

- Trường còn có 2 điểm trường nên còn gặp nhiều khó khăn trong việc phân công giáo viên, xếp lớp cho trẻ, tổ chức các ngày lễ hội..vv

- Cơ sở vật chất nhà trường nhiều hạng mục đã xuống cấp như. Dãy nhà 8 phòng học phía sau của cụm Nam hiện nay các cánh cửa window đã hư hỏng, gãy bản lề, các khóa cửa không còn có giá trị sử dụng gây mất an toàn cho trong việc bảo quản tài sản của nhóm lớp:

- Dãy 7 phòng học cụm Bắc cũng đã xuống cấp, tường bong tróc, có lớp bị nứt dột...không đảm bảo cho việc trang trí các bài tập trên mảng tường cho trẻ hoạt động.

Đồ dùng, đồ chơi trang thiết bị dạy học theo thông tư 01/2017/TT- BGDĐT của các nhóm lớp dưới 5 tuổi còn thiếu về số lượng.

- Khối phòng học của trẻ 3 tuổi và 4 tuổi chưa có công trình vệ sinh khép kín, chưa có phòng kho riêng nên rất khó khăn trong công tác quản lý dạy và học.

- Chưa đủ các phòng chức năng như phòng tin học, phòng thư viện nên còn khó khăn trong việc bố trí cho trẻ học các môn tăng cường.

- Số lượng giáo viên biên chế chưa đủ theo yêu cầu, vì vậy cường độ làm việc của CBGV luôn quá tải. Một số ít giáo viên còn hạn chế trong việc đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động CSGD trẻ.

- Đời sống của nhân viên hợp đồng trường còn khó khăn, mức lương thấp chưa đáp ứng được yêu cầu.

III. MỤC TIÊU CHUNG:

1. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã an châu lần thứ I nhiệm kỳ 2025-2030; thực hiện Chiến lược xây dựng và phát triển trường mầm non Diên Thịnh giai đoạn 2025-2030. Nghị quyết của Đảng ủy về Đề án "Nâng cao chất lượng giáo dục trên địa bàn xã, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

2. Triển khai đầy đủ chính sách phát triển GDMN; củng cố phổ cập cho trẻ 5 tuổi, tiến tới phổ cập 3-5 tuổi theo Nghị quyết 218/2025/QH15.

3. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước, đổi mới công tác quản trị nhà trường; tăng cường phối hợp thực hiện hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục trong bối cảnh sáp nhập địa giới hành chính và thực hiện chính quyền địa phương hai cấp. Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền đảm bảo đúng quy định.

4. Bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trong các cơ sở GDMN; đẩy mạnh phát triển chương trình GDMN phù hợp với điều kiện địa phương. Tăng cường tổ chức cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh, học múa Aerobic....

5. Tiếp tục thực hiện hiệu quả các mô hình: “Phối hợp giữa gia đình, nhà trường và cộng đồng trong chăm sóc, giáo dục trẻ”; “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” cho trẻ 5 tuổi trong giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học”; Chương trình “Xã giúp xã, trường giúp trường”

6. Tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng; rà soát, sắp xếp, quy hoạch, phát triển mạng lưới trường lớp, nâng cao chất lượng, phát triển đội ngũ. Tập trung huy động các nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, giữ vững trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1;

7. Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho trẻ em và giáo viên, nhân viên, bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục, quan tâm giáo dục trẻ em khuyết tật học hòa nhập.

8. Đẩy mạnh và ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số

9. Xây dựng Trường đạt danh hiệu: Tập thể lao động Tiên Tiến.

B. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

I. Các chỉ tiêu cơ bản

1. Quy mô trường lớp

a) Chỉ tiêu:

- Thực hiện kế hoạch phát triển theo Căn cứ QĐ số 262/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của Ủy ban nhân dân huyện Diễn châu về phê duyệt kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục năm học 2025 - 2026 là 21 nhóm lớp, Tổng số học sinh 588; trong đó:

+ Nhóm trẻ: **04 nhóm** với **100/364** trẻ tỷ lệ **20,2%**;

+ Lớp mẫu giáo: **17 lớp** với **488/579** trẻ, tỷ lệ **84,2%**.

- Bố trí nhóm, lớp

+ Nhóm trẻ 24 - 36 tháng: 04 nhóm, 100 cháu

+ Lớp mẫu giáo 3 - 4 tuổi: 05 lớp, 139 cháu

+ Lớp mẫu giáo 4 - 5 tuổi 06 lớp, 161 cháu

+ Lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi 06 lớp, 189 cháu học tại trường. Trong đó trẻ 5 tuổi **204/216** tỷ lệ ra lớp 96,2% .Tiếp tục vận động trẻ ra lớp đạt kế hoạch .

- Chuyên cần của trẻ mẫu giáo các độ tuổi đạt 90% trở lên, MG 5 tuổi đạt: 95-97%;

- Huy động ngoài công lập 2 nhóm trẻ 1-3 tuổi: 37 cháu.

b) Biện pháp:

- Phân công cho giáo viên điều tra, rà soát nắm bắt, lập danh sách báo cáo chính xác trẻ từ 0-5 tuổi (trẻ sinh năm :2020, 2021, 2022,2023,2024,2025) trẻ từ nơi khác chuyển đến và trẻ chuyển đi nơi khác.

- Thực hiện nghiêm túc công tác tuyển sinh; Phối hợp với các đoàn thể, các cơ sở xóm làm tốt công tác tuyên truyền, động viên phụ huynh đưa trẻ đến trường đúng độ tuổi, đi học chuyên cần.

- Phân công GV có trình độ đạt chuẩn, có năng lực sư phạm tốt; Bố trí giáo viên cho lớp 5 tuổi đủ 2 GV/lớp; nhà trẻ 2 GV/nhóm trẻ; phân công GV chủ nhiệm lớp.

- Khảo sát, phân loại và huy động hầu hết trẻ khuyết tật học hòa nhập trong trường MN. Trẻ khuyết tật học hòa nhập phải được đối xử công bằng, được theo dõi đánh giá sự tiến bộ của trẻ.

- Rà soát, tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh để hoàn thành hồ sơ thực hiện đầy đủ chế độ chính sách cho cô và trẻ.

2. Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ .

2.1 Đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ;

a) Chỉ tiêu.

- 100% nhóm, lớp đảm bảo an toàn cho trẻ trong năm học. Trong đó 100% trẻ được đảm bảo an toàn về thể chất, tinh thần. Thực hiện nghiêm túc Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 về trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích. Làm tốt công tác phòng dịch bệnh theo mùa. Đảm bảo ba “yên”; “trẻ yên vui, cô giáo yên tâm, phụ huynh yên lòng.”, “ Đẩy mạnh phòng chống bạo hành trẻ trong trường mầm non”, “xây dựng Trường học hạnh phúc” , “ Tôi yêu Việt Nam”, “Nâng cao kỹ năng giao tiếp ứng xử trong trường mầm non”,

b) Biện pháp

- Phân công nhiệm vụ, giao trách nhiệm rõ ràng cụ thể cho tập thể, bộ phận, cá nhân phụ trách, nhà trường chủ động phối hợp chặt chẽ với ngành y tế, chính quyền địa phương, các ban ngành, đoàn thể đảm bảo các điều kiện phòng, chống dịch bệnh, ứng phó với thiên tai. Phối hợp với phụ huynh hướng dẫn, chăm sóc trẻ đảm bảo an toàn cho trẻ;

- Làm tốt công tác tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng, trách nhiệm cho CBQL, GVNV và cam kết chịu trách nhiệm khi để xảy ra mất an toàn và có hành vi bạo hành trẻ.

- Thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra, giám sát bán trú, việc xuất nhập thực phẩm, chất lượng thực phẩm, đảm bảo an toàn thực phẩm, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm, rà soát kịp thời phát hiện và có biện pháp khắc phục các yếu tố, nguy cơ gây mất an toàn cho trẻ như đồ dùng đồ chơi các thiết bị, CSVC. Giám sát chặt chẽ việc chăm sóc trẻ không để ra tình trạng bạo hành trẻ, không để xảy ra tai nạn thương tích, đuối nước, phòng chống cháy nổ, an ninh trong nhà trường.

- Phối hợp với công an xã, đoàn thanh niên đảm bảo an ninh, an toàn trường học, thực hiện công trường an toàn giao thông, giải tán hàng rong công trường.

2.2. Nâng cao chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho trẻ

a) Chỉ tiêu:

+ 100% nhóm, lớp tổ chức ăn bán trú ăn đủ định lượng, ngủ đủ giấc, uống sữa học đường, trong đó 100% trẻ ăn bán trú và 95 % trẻ tham gia uống sữa học đường tại trường; bảo đảm mức ăn tối thiểu 19.000đ/ngày/trẻ, Thực hiện đầy đủ các chế độ cho trẻ theo quy định.

+ 100% nhóm, lớp tổ chức cân, đo theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng, kiểm tra, khám theo dõi sức khỏe tại trường, trong đó 100% trẻ được cân đo theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định (nhà trẻ; MG: Cân, đo 3 lần/năm). Riêng trẻ suy dinh dưỡng, trẻ thừa cân, trẻ ốm cân hàng tháng. 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe 1 lần/năm học. Phần đầu cuối năm tỉ lệ trẻ SDD thể nhẹ cân dưới 2,5%; tỷ lệ trẻ SDD thể thấp còi dưới 3,5% , béo phì dưới 2%. Có 80% trẻ suy dinh dưỡng. thừa cân, béo phì can thiệp bằng những biện pháp phù hợp

b) Biện pháp

- Nâng cao chất lượng bữa ăn bán trú: Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn cho trẻ cân đối, đa dạng theo quy định trong Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành. Thực đơn xây dựng theo mùa, không trùng lặp giữa các thứ trong 02 tuần.

+ Bữa ăn bán trú đáp ứng các tiêu chuẩn: Khuyến khích bữa chính có trên 10 loại thực phẩm và có từ 3 đến 5 loại rau, củ; thực đơn bữa chính của trẻ mẫu giáo gồm: Cơm, món xào, món mặn, canh.

+ Đối với bữa chính chiều cho trẻ nhà trẻ, tổ chức cho trẻ ăn bữa chính chiều theo chương trình GDMN; tuy nhiên có thể cho trẻ ăn thay đổi 01 tuần 1 - 2 bữa ăn cháo hoặc phở/miến, nhưng phải đảm bảo tỷ lệ dưỡng chất theo qui định của Chương trình GDMN (25 - 30% năng lượng cả ngày).

- Chế biến món ăn hàng ngày phải theo đúng thực đơn, đủ định lượng theo mức tiền ăn của trẻ; công khai kịp thời về thực phẩm thay thế khi có sự thay đổi vì lý do khách quan.

- Tăng cường làm vườn rau dinh dưỡng cung cấp bữa ăn cho trẻ tại trường.

- Thực hiện tốt công tác quản lý bán trú: Đảm bảo an toàn thực phẩm; đảm bảo công khai minh bạch trong chế độ ăn, thực đơn của trẻ; thực hiện các khoản thu, chi bán trú theo quy định hiện hành.

- 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của đơn vị được tham gia các lớp tập huấn về chăm sóc sức khỏe và đảm bảo an toàn phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ; Tập huấn vệ sinh an toàn thực phẩm và công tác y tế trường học.

- Tăng cường chỉ đạo công tác vệ sinh răng miệng, vệ sinh cá nhân rửa tay bằng xà phòng, 100% trẻ 5 tuổi và 4 tuổi biết giữ gìn vệ sinh răng miệng, đánh răng sau khi ăn đúng thao tác; trẻ 3 tuổi và nhà trẻ biết súc miệng.

- Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng vệ sinh cho các nhóm lớp, 100% trẻ có đồ dùng vệ sinh cá nhân có ký hiệu riêng (cốc, khăn, bàn chải đánh răng, gối...) thường xuyên rèn các thao tác vệ sinh cho trẻ, đảm bảo các thao tác trở thành kỹ năng.

- Đảm bảo đủ nước uống cho trẻ phù hợp với thời tiết. Nước uống cho trẻ là nước đun sôi để nguội (Kể cả nước lọc) và đựng trong bình ủ nước, phải đảm bảo cho trẻ uống đủ lượng nước theo quy định của Chương trình GDMN.

- Hợp đồng nhân viên nấu ăn có bằng cấp chuyên môn, có đủ sức khỏe. Bố trí NVNA đủ số lượng theo quy định, NVNA thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ, nghiêm túc chấp hành các quy định đối với NVNA, đảm bảo an toàn trong khi chế biến. Bồi dưỡng thêm cho NVNA về kỹ năng nghiệp vụ chế biến các món ăn cho trẻ, về kiến thức VSATTP.

- Hàng ngày giặt khăn bằng xà phòng, phơi khăn nơi có ánh nắng mặt trời, một tuần giặt bằng nước sôi muối 01 - 02 lần. Khu vực vệ sinh của các cháu phải được lau rửa hàng ngày theo từng khu vực lớp, đảm bảo khô thoáng, không để tình trạng khu vực vệ sinh có mùi hôi khai. Sàn nhà luôn đảm bảo sạch sẽ, khô thoáng, tránh tình trạng trơn trượt...

- CB, GV, NV khi chế biến thức ăn, trực tiếp chia thức ăn cho trẻ hoặc cho trẻ ăn phải mặc quần áo đồng phục, đeo khẩu trang, tạp dề và đội mũ. GV, NV trực tiếp CSGD các cháu móng tay không để dài, thực hiện rửa tay bằng xà phòng theo quy định.

- CBQL tăng cường công tác kiểm tra hàng ngày, hàng tuần về công tác vệ sinh.

- Xây dựng tủ thuốc để mua thuốc sơ cứu tại trường và một số dụng cụ như: bông, băng, gạc...

- Làm tốt công tác vệ sinh, phòng dịch: Phòng, nhóm, sân vườn sạch sẽ, khơi thông cống rãnh để phòng các dịch bệnh xảy ra. Xử lý tốt rác thải hàng ngày. Một năm phun thuốc diệt ruồi, muỗi 01 - 02 lần để phòng chống dịch bệnh. Quán triệt các nhóm, lớp tổ chức bán trú cho trẻ vệ sinh răng miệng hàng ngày theo quy định.

- Xây dựng các giải pháp phục hồi; tuyên truyền, phối hợp với gia đình trẻ xây dựng chế độ dinh dưỡng, vận động hợp lý đối với những trẻ suy dinh dưỡng, trẻ thừa cân, béo phì.

- Tuyên truyền, xây dựng kế hoạch và thỏa thuận với phụ huynh để có kinh phí tổ chức bán trú cho trẻ như: Bổ sung thiết bị bếp, đồ dùng ăn, uống, chi phí phát sinh do thực hiện công tác bán trú theo quy định.

- Hiệu trưởng thành lập ban chăm sóc sức khỏe; xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác y tế trường học theo Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT; Cập nhật thông tin về dịch bệnh theo mùa, để xây dựng kế hoạch thực hiện đáp ứng các kịch bản xảy ra do dịch bệnh;

- Phối hợp với trạm y tế Diên Thịnh thực hiện theo dõi, kiểm tra sức khỏe định kỳ cho trẻ 1-2 lần / năm học;

Nhân viên y tế cân đo đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của tổ chức Y tế thế giới 3 lần/ năm học đối với trẻ 24 tháng trở lên, đối với trẻ dưới 24 tháng và trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì thì thực hiện cân 1 lần/1 tháng. Trẻ trên 60 tháng trở lên thì được theo dõi chỉ số cơ thể BMI.

- Chỉ đạo cô nuôi thực hiện nghiêm túc quy định về vệ sinh, an toàn thực phẩm; Đảm bảo an toàn tuyệt đối về nguồn cung ứng thực phẩm, các khâu chế biến, soạn chia, bảo quản thức ăn, chuyển thức ăn đến các các nhóm lớp; thực hiện nghiêm túc quy trình bếp một chiều; thực hiện nghiêm túc chế độ kiểm thực 3 bước và lưu mẫu thức ăn theo quy định tại Quyết định số 1246/QĐ-BYT ngày 31/03/2017 của Bộ Y tế; tổ chức hội thi "cô nuôi giỏi" để nâng cao tay nghề;

- Chỉ đạo giáo viên tổ thực hiện nghiêm quy trình vệ sinh, tổ chức tốt bữa ăn cho trẻ dưới nhiều hình thức như: trang trí bàn ăn đẹp mắt, bữa ăn gia đình, ăn khay, ăn tự chọn... để khuyến khích trẻ ăn ngon miệng.

- Nhà trường thỏa thuận với phụ huynh thực hiện các khoản thu, chi dịch vụ bán trú theo Nghị quyết số 31/2020/HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND) và các văn bản hướng dẫn về quản lý tài chính theo quy định hiện hành; công khai minh bạch thực đơn, chế độ ăn hàng ngày của trẻ;

- Hiệu trưởng phân công lịch, thực hiện tiếp nhận, xuất nhập đánh giá chất lượng thực phẩm hàng ngày rõ ràng gồm Ban giám hiệu, y tế, kế toán, cô nuôi và ban đại diện cha mẹ học sinh, lập biên bản tiếp nhận và lưu hồ sơ tiếp nhận hàng ngày; công khai minh bạch trong chế độ ăn, thực đơn của trẻ;

- Phát huy vai trò giám sát thường xuyên Ban đại diện cha mẹ học sinh đối với công tác nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe học sinh, lập biên bản giám sát và đề xuất kiến nghị với nhà trường những vấn đề cần xử lý;

- Ứng dụng hiệu quả phần mềm quản lý bán trú trong việc cân đối dưỡng chất, khẩu phần ăn của trẻ; thực hiện tốt chức năng kiểm tra bán trú của cấp Xã, Sở qua hệ thống phần mềm quản lý bán trú;

- Thực hiện Chương trình sức khỏe học đường, phụ huynh tự nguyện đăng ký

2.3. Nâng cao chất lượng giáo dục trẻ.

a) Chỉ tiêu:

- 100% nhóm, lớp được phân chia phù hợp số lượng trẻ, đúng độ tuổi, được học Chương trình giáo dục mầm non sau sửa đổi. Trẻ được học ngày 2 buổi.

100% nhóm, lớp tiếp tục thực hiện nội dung chuyên đề; “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” giai đoạn 2021-2025; Chuyên đề: “Kế hoạch phối hợp Gia đình - Nhà trường và Cộng đồng” trong công tác NDCSGD trẻ. Khai thác hiệu quả “thư viện xanh” giúp trẻ làm quen với việc “đọc sách”. “Giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học”.

- Tổ chức cho trẻ khối 4-5 tuổi; 5-6 tuổi thực hành trải nghiệm “Tôi yêu Việt Nam” với chủ đề Giao thông.

- 100% nhóm, lớp thực hiện tốt công tác đánh giá trẻ: nội dung đánh giá trẻ hàng ngày, đánh giá cuối chủ đề và 100% trẻ được đánh giá: cuối giai đoạn đối với trẻ nhà trẻ, cuối độ tuổi đối với trẻ mẫu giáo trong đó phân đầu:

+ Lĩnh vực phát triển thể chất: Nhà trẻ đạt 92-95%; mẫu giáo đạt: 95-97%.

+ Lĩnh vực phát triển nhận thức: Nhà trẻ đạt 91-93%; mẫu giáo đạt: 94-97%.

+ Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ: Nhà trẻ đạt 92-94%; mẫu giáo đạt: 95-97%.

+ Lĩnh vực phát triển TCKNXH: Nhà trẻ đạt 93-95%; mẫu giáo đạt: 95-97%.

+ Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ: Mẫu giáo đạt: 95-97%.

- Phụ huynh tự nguyện đăng ký cho trẻ tham gia học các môn tăng cường như tiếng Anh và múa, Aerobic

- 100% nhóm lớp Đổi mới đánh giá sự phát triển của trẻ: Giáo viên thực hiện nghiêm túc quy định về đánh giá trẻ : Đánh giá trẻ cuối ngày, cuối chủ đề và cuối giai đoạn kịp thời, thực chất. đánh giá sự tiến bộ của từng trẻ dựa trên mức độ đạt so với mục tiêu. Sử dụng kết quả đánh giá để xây dựng KHGD, điều chỉnh KHGD và tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp với khả năng, nhu cầu, sở thích, kinh nghiệm sống của trẻ

b) Biện pháp:

- Ban giám hiệu, TTCM, GV chủ động xây dựng kế hoạch GD nhà trường; kế hoạch giáo dục năm học của các độ tuổi phù hợp với thực tế của trường, khả năng, nhu cầu, hứng thú của học sinh; phối hợp phụ huynh góp ý về các mục tiêu, nội dung trong kế hoạch giáo dục đề; Chỉ đạo, hướng dẫn các lớp đổi mới, sáng tạo trong việc xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình, phát triển chương trình giáo dục nhà trường; lựa chọn, áp dụng các hình thức, phương pháp, mô hình giáo dục tiên tiến phù hợp với quan điểm, mục tiêu của Chương trình GDMN nhằm hướng tới phát triển kỹ năng thực hành trải nghiệm và năng lực toàn diện cho trẻ.

- Tập trung xây dựng kế hoạch giáo dục các độ tuổi theo Văn bản hợp nhất 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 Thông tư ban hành chương trình giáo dục mầm non

- Đầu tư bổ sung CSVC, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, trang bị tài liệu hướng dẫn thực hiện Chương trình GDMN đầy đủ, kịp thời từ đầu năm học.

- Giao quyền chủ động cho giáo viên trong việc áp dụng các hình thức, phương pháp, mô hình giáo dục tiên tiến; lựa chọn, bổ sung những nội dung, phương pháp giáo dục phù hợp với quan điểm, mục tiêu của Chương trình GDMN, bảo đảm tính khoa học, hiệu quả, phù hợp với văn hóa, điều kiện của địa phương, của nhóm, lớp, khả năng và nhu cầu của trẻ, theo quy định của pháp luật để phát triển chương trình giáo dục nhà trường, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ em;

- Tiếp tục xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, chú trọng việc tạo môi trường trong và ngoài nhóm lớp theo hướng “mở”, không tạo môi trường theo hướng trang trí, trưng bày; thiết kế các bài tập mở ở các mảng tường; tăng cường các khu phát triển vận động, trải nghiệm với thiên nhiên; Chỉ đạo giáo viên khai thác, tận dụng triệt để ĐDDC theo TTHN số 01/2020 thiết kế môi trường giáo dục trong và ngoài nhóm lớp; tận dụng nguyên vật liệu sẵn có địa phương để cô và trẻ tự làm.

- Tổ chức Hội thảo các hoạt động thực hành, thăm lớp dự giờ để nâng cao năng lực cho giáo viên trong đổi mới các hoạt động CSGD trẻ; nâng cao kỹ năng lập kế hoạch và kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm phù hợp với điều kiện địa phương.

- Đa dạng hóa các hình thức sinh hoạt chuyên môn (SHCM), tăng cường SHCM sâu theo tổ, khối theo hướng “Sinh hoạt chuyên đề” nhằm giúp giáo viên có nhiều cơ hội trao đổi, giao lưu, học tập, rút kinh nghiệm trong việc xây dựng môi trường, tổ chức nội dung giáo dục, nâng cao năng lực đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp giáo dục, đánh giá của giáo viên theo quan điểm giáo dục “Lấy trẻ làm trung tâm”.

- Đổi mới đánh giá sự phát triển của trẻ theo quan điểm đánh giá sự tiến bộ của từng cá nhân trẻ dựa trên mức độ đạt được so với kết quả mong đợi của chương trình; từ đó giáo viên xây dựng, điều chỉnh kế hoạch giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp với khả năng, nhu cầu, kinh nghiệm của trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường. Không tạo áp lực về thành tích; không so sánh, xếp loại trong đánh giá trẻ.

- Triển khai thực hiện chương trình làm quen Tiếng Anh cho trẻ mẫu giáo theo đúng tinh thần các văn bản hướng dẫn. Xây dựng kế hoạch cụ thể, làm việc với phụ huynh theo hình thức 03 bên cùng bàn bạc, thỏa thuận, thống nhất hợp đồng cam kết. Chỉ tổ chức thực hiện sau khi được sự đồng thuận của phụ huynh.

- Phối hợp với trung tâm tiếng Anh NEWLIGHT trung tâm MASTERKIDS năng khiếu múa, Trung tâm Eropich Sao Vàng, đã được Sở GD & Đào tạo thẩm định tổ chức Chương trình ngoài chính khóa cho trẻ mẫu giáo: Chương trình làm quen với

tiếng Anh theo Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT và Quyết định số 2272/QĐ-BGD&ĐT ngày 17/8/2022 về việc Phê duyệt danh mục Tài liệu làm quen tiếng Anh dành cho trẻ mẫu giáo sử dụng trong các cơ sở GDMN trên tinh thần tự nguyện; dự kiến trong năm học thực hiện 60 hoạt động, trong đó có 10% hoạt động làm quen với người nước ngoài.

- Tổ chức giao lưu “Bé với ATGT” cấp trường vào tháng 3/2026.

- Mạnh dạn thay đổi về nội dung và hình thức tổ chức các ngày lễ hội, hướng tới cô, trẻ, phụ huynh tham gia tích cực vào các hoạt động lễ hội với nhiều hình thức khác nhau: Tết trung thu, 20/10, 20/11, 22/12, Lễ hội mừng xuân, 08/3, sinh nhật Bác Hồ và tổng kết năm học.

- Chỉ đạo giáo viên chủ động xây dựng, điều chỉnh kế hoạch giáo dục chủ đề phù hợp với điều kiện thực tế của lớp, giúp trẻ đạt mục tiêu, kết quả mong đợi cuối độ tuổi theo quy định tại Chương trình GDMN; lựa chọn, áp dụng các hình thức, phương pháp, mô hình giáo dục tiên tiến phù hợp với quan điểm, mục tiêu của Chương trình GDMN, bảo đảm tính khoa học, hiệu quả, phù hợp với văn hóa, điều kiện của địa phương, nhà trường, khả năng của trẻ, theo quy định của pháp luật; giao quyền chủ động, khuyến khích giáo viên sáng tạo đổi mới trong tổ chức các hoạt động theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm, chú ý đến năng lực cá nhân của trẻ.

- Chỉ đạo tăng cường tổ chức các hoạt động học bằng phương pháp trải nghiệm, học qua chơi; linh hoạt trong hình thức tổ chức và phương pháp giáo dục tôn trọng sự phát triển riêng của từng cá nhân trẻ.

- Tập trung chỉ đạo triển khai chủ đề “Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ em làm trung tâm”. gắn với cuộc thi trường đẹp; Tổ chức cuộc thi “Thiết kế và xây dựng môi trường trải nghiệm theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm, năm học 2025-2026” cấp trường

- Chỉ đạo GV đánh giá sự phát triển của trẻ đúng với khả năng của trẻ, mục tiêu, kết quả mong đợi, sự tiến bộ của trẻ để xây dựng, điều chỉnh kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục; Đánh giá thực hiện Chương trình GDMN gồm các nội dung đánh giá đội ngũ thực hiện chương trình, đánh giá trẻ, đánh giá sự phối hợp với gia đình cộng đồng...thông qua các hình thức, phương pháp đánh giá như đánh giá trực tiếp, gián tiếp, quan sát, phỏng vấn, thông qua bộ tiêu chí đánh giá... theo đúng mục đích nhằm điều chỉnh, nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình phù hợp với điều kiện và bối cảnh thực tế.

3. CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ DẠY HỌC, ĐỒ DÙNG ĐỒ CHƠI.

a) Các chỉ tiêu:

- Tham mưu xây dựng CSVC theo *Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT* ngày 26/5/2020; Sửa đổi bổ sung theo TT 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024, *TT 19 trường chuẩn quốc gia KĐCL*. Sửa đổi bổ sung theo TT 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10/12/2024 Mua sắm bổ sung đủ đồ dùng, đồ chơi thiết bị cho trẻ theo *Thông tư số 01/VBHN-BGD&ĐT* ngày 23/3/2015 của Bộ GD&ĐT.

- Mua bổ sung đồ dùng thiết bị các phòng chức năng. Sử dụng các phòng chức năng hiện có hiệu quả.

- Giáo viên khai thác, bảo quản, sử dụng đồ dùng đồ chơi hiệu quả.

- 100% trẻ có đủ đồ dùng cá nhân, đồ dùng học liệu để học.

b) Các nhiệm vụ, giải pháp

- Rà soát, thống kê, kiểm kê xây dựng kế hoạch mua sắm đồ dùng đồ chơi, thiết bị đảm bảo phục vụ việc dạy và học. Tuyên truyền và thỏa thuận với phụ huynh để mua sắm bổ sung đồ dùng phục vụ bán trú đầy đủ hiện đại.

- Tham mưu có hiệu quả với địa phương về xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất đáp ứng trường chuẩn quốc gia.

- Thực hiện tốt công tác kiểm kê hàng năm. Mua bổ sung thay thế kịp thời những đồ dùng hư hỏng mất an toàn. Chi từ các nguồn tài chính ngân sách, học phí, bổ sung kịp thời.

- Tuyên truyền vận động tài trợ giáo dục, từ phụ huynh, tập thể doanh nghiệp, các nhà hảo tâm. Phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh và các ban ngành đoàn thể, các doanh nghiệp, các cá nhân, các nhà hảo tâm.

- Huy động ngày công lao động của phụ huynh, các tổ chức đoàn thể, cộng đồng cùng chăm lo cho giáo dục, phụ huynh góp nguyên vật liệu cho trẻ hoạt động

- Quản lý, bảo quản và sử dụng có hiệu quả CSVC hiện có.

- Đảm bảo 100% nhóm, lớp, giáo viên và trẻ em có đủ tài liệu, học liệu cần thiết để dạy học theo quy định; Hướng dẫn CBQL, GV, NV khai thác, sử dụng hiệu quả tài liệu, học liệu đã lựa chọn; Thực hiện công tác mua sắm thiết bị đồ dùng đồ chơi theo *Thông tư 47/2020/TT-BGDĐT* ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT Quy định việc lựa chọn đồ chơi, học liệu được sử dụng trong các cơ sở giáo dục mầm non.

4. Phát triển đội ngũ CBQLGVNV

4.1. Bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ nhà giáo, CBQL (BDTX)

a) Chỉ tiêu:

- 100% CBGVNV được đánh giá xếp loại theo Nghị định 48 ngày 17/7 2023 sửa đổi Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức. Phần đầu 100% đạt HTTNV trở lên, trong đó 20% đạt THXSNV;

- 100% CBQL, GV tự đánh giá xếp loại theo chuẩn nghề nghiệp *Thông tư 25/2018/TT-BGDĐT* đối với CBQL; *Thông tư 26/2018/QĐ-BGDĐT* ngày 08/10/2018 đối với giáo viên mầm non; trong đó phần đầu đạt 100% CBGV tự đánh giá loại khá trở lên, không có loại trung bình, đạt yêu cầu.

- 100% cán bộ giáo viên tham gia tự bồi dưỡng theo nội dung chương trình quy định tại *Thông tư 11/2019/TT-BGD&ĐT ban hành chương trình BDTX cán bộ quản lý mầm non; Thông tư 12/2019/TT-BGD&ĐT ngày 26/8/2019 ban hành chương trình BDTX giáo viên mầm non*. Phần đầu 100% đạt khá trở lên trong đó 80-85% đạt loại giỏi. 100% CBGV được tập huấn bồi dưỡng chuyên môn trong năm học.

- 100% CBGV có Biện pháp sáng tạo trong CSGD trẻ, đăng ký đạt 5 - 6 bản SKKN được công nhận cấp cơ sở;

- 100% CBGV UDCNTT, 100% GV soạn bài bằng máy vi tính;

- 100% NVND tham gia tập huấn chế biến món ăn cho trẻ và tập huấn kiến thức về VSATTP.

- 4-5 giáo viên tham gia thi và đạt giáo viên dạy giỏi cấp Xã theo Thông tư 22/2019/TT-BGD&ĐT.

b) Biện pháp

- Bố trí sắp xếp nắm được năng lực, sở trường của giáo viên “*nhìn việc đặt người chứ không nhìn người đặt việc*” bảo đảm công tác CSGD trẻ đạt hiệu quả cao. Thực hiện phân công chức năng nhiệm vụ cho CB, GV, NV cụ thể rõ ràng phù hợp điều kiện cá nhân và theo yêu cầu công việc.

- Chăm lo công tác chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật trong nhà trường.

- Đổi mới công tác đào tạo bồi dưỡng giáo viên, biến quá trình đào tạo thành tự đào tạo bồi dưỡng. Tạo điều kiện thuận lợi về CSVC, trang thiết bị, môi trường giúp đội ngũ giáo viên có ý thức tự học mọi lúc mọi nơi. Trao đổi, chia sẻ, hợp tác phát huy năng lực chuyên môn. Tích cực bồi dưỡng cho giáo viên yếu, thiếu, mới.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của giáo viên nhân viên.

- Tổ chức tập huấn cho CBGV các nội dung trong năm học bằng nhiều hình thức trực tiếp online, Zoom, tài liệu, youtube,...

- Bồi dưỡng giáo viên thi giáo viên giỏi cấp xã tháng 12 đạt hiệu quả.

4.2. Đổi mới quản lý, phương pháp chăm sóc giáo dục trẻ.

- Phân công bố trí CBGVNV hợp lý, phát huy năng lực, sở trường của từng cán bộ, giáo viên, nhân viên phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ được giao.

- Giao quyền chủ động, khuyến khích giáo viên Lựa chọn, ứng dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến, STEM, Montessori, phải đảm bảo đáp ứng mục tiêu, nội dung Chương trình GDMN, phù hợp độ tuổi, điều kiện trường, lớp, địa phương. thực hiện và ứng dụng linh hoạt, phù hợp hoạt động “Trò chuyện sáng” theo phương pháp giáo dục Unis mỗi chủ đề 1 hoạt động.

- Chỉ đạo đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn, sinh hoạt chuyên đề, hội thảo theo cụm trường, xã. Tổ chức tham quan học tập, vận dụng phù hợp, hiệu quả tại cơ sở; tạo môi trường để CBQL, GV sáng tạo, chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm trong thực hiện đổi mới GDMN;

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong nhà trường, kịp thời phát hiện những thiếu sót, sai phạm để có biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời...

4.3. Đổi mới sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn

a) Chỉ tiêu:

- Thành lập tổ chuyên môn theo quy định, phân các bộ phận sinh hoạt.
- Quy định về thời gian sinh hoạt. Sinh hoạt thường kỳ mỗi tháng 2 buổi chiều vào thứ tư tuần 1, tuần 3. Các thành viên trong tổ chuyên môn, các bộ phận sẽ được triệu tập sinh hoạt bất thường, đột xuất vào cuối buổi chiều (nếu có công việc cần).
- Hồ sơ đảm bảo chất lượng, nội dung, hình thức sinh hoạt phong phú đa dạng.
- Mỗi tổ chuyên môn thực hiện 5-6 hoạt động minh họa/năm học trong đó: nội dung các lĩnh vực thành viên trong tổ yêu cầu, thấy còn yếu.

b) Biện pháp

- Hiệu trưởng ra Quyết định thành lập tổ chuyên môn, tổ trưởng tổ phó, có trách nhiệm phân công, giao nhiệm vụ, đào tạo, bồi dưỡng, cho giáo viên có năng lực và phân công hoàn thành một số nhiệm vụ khác, tạo điều kiện để cán bộ rèn luyện, phấn đấu, nhằm tạo nguồn cán bộ để bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó. Lựa chọn giáo viên có đủ tiêu chuẩn, có năng lực, để bồi dưỡng. Đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn qua nội dung, hình thức, nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ chuyên môn.
- Phân công cán bộ phụ trách các tổ chuyên môn, bộ phận.
- Xây dựng kế hoạch rõ ràng, đáp ứng các vấn đề thực tế dựa trên kế hoạch giáo dục của nhà trường.
- Nội dung phong phú đảm bảo chuyên sâu về chuyên môn. Nâng cao năng lực đội ngũ, năng lực CSGD trẻ, đảm bảo chất lượng, triển khai chuyên đề, đảm bảo an toàn, đổi mới nội dung, phương pháp hình thức, các bài thơ, truyện, hát,... chưa biết chưa thuộc, làm đồ dùng đồ chơi, tổ chức các hoạt động, thiết kế môi trường trong, ngoài lớp học phù hợp chủ đề...
- Phân loại giáo viên để sử dụng hiệu quả như: giáo viên lâu năm, giáo viên mới, giáo viên yếu, thiếu,...
- Hình thức sinh hoạt: trực tiếp, online, gián tiếp qua văn bản, thông tin qua thiết bị điện tử, công nghệ, kết hợp vừa online, vừa trực tiếp, vừa gián tiếp.
- Cách thức tổ chức: Thảo giảng, hội thảo, thăm quan dự giờ kiến tập, hoạt động minh họa, đẩy mạnh tự nghiên cứu tài liệu, tự bồi dưỡng, trực tuyến, trao đổi qua Zalo, vidio, Các nội dung được đóng góp ý kiến, trao đổi, tập trung thống nhất cao trong sinh hoạt. Thời gian tổ chức các hoạt động minh họa từ tháng 10/2025 đến tháng 4/2026. Nội dung lựa chọn: tổ viên lựa chọn nội dung, tổ trưởng xây dựng kế hoạch báo cáo hội đồng chuyên môn phê duyệt, nhà trường đưa vào lịch công tác hàng tháng.

5. Công tác KĐCL và xây dựng Trường Mầm non đạt chuẩn Quốc gia

a) Chỉ tiêu:

- Phân đấu giữ vững trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1, KĐCLGD cấp độ 2.
- 100% CBGVNV thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tham mưu xây dựng cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu tại Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về kiểm định

chất lượng GD và công nhận đạt chuẩn Quốc gia đối với trường MN. Sửa đổi bổ sung theo TT 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10/12/2024

b) Biện pháp:

- Kiện toàn Hội đồng tự đánh giá năm học 2025-2026 của nhà trường, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên phụ trách các tiêu chuẩn.
- Tiếp tục triển khai thực hiện công tác Kiểm định chất lượng giáo dục, hoàn thiện hồ sơ, bổ sung minh chứng đầy đủ cho năm tiếp theo.
- Trường hoàn thành công tác tự đánh giá vào cuối năm học.
- Bố trí thời gian phù hợp tạo điều kiện cho Hội đồng và tổ công tác làm việc hiệu quả.

6. Công tác phổ cập.

a) Chỉ tiêu

- Duy trì giữ vững phổ cập trẻ 5 tuổi. đạt Phổ cập giáo dục TENT năm 2025.
- Triển khai nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội và các văn bản của Chính phủ, Bộ GDĐT về phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo 3 đến 5 tuổi.

b) Biện pháp:

- Tập trung triển khai Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội và các văn bản của Chính phủ, Bộ GDĐT về phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo 3 đến 5 tuổi.

Tham mưu đưa chỉ tiêu hoàn thành phổ cập GDMN cho trẻ mẫu giáo 3 đến 5 tuổi vào Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030 của xã; triển khai kịp thời các chế độ, chính sách phổ cập theo Nghị định của Chính phủ;

- Tập trung rà soát, đánh giá thực trạng về quy mô trường lớp, tỷ lệ huy động trẻ 3-5 tuổi các điều kiện về đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; tham mưu ban hành Nghị quyết, chương trình, kế hoạch, lộ trình thực hiện phổ cập giai đoạn 2026-2030 phù hợp điều kiện thực tế địa phương, nhà trường; đảm bảo mục tiêu đến năm 2030 xã phường đạt chuẩn phổ cập

- Tham mưu với địa phương có kế hoạch xây dựng Mới 10 phòng học Cụm Bắc, Nâng cấp sửa chữa 8 phòng học cụm nam để đảm bảo bảo CSVC tiến tới phổ cập trẻ mẫu giáo

- Bố trí đủ 2 giáo viên/ lớp để đảm bảo công tác phổ cập
- Làm tốt công tác phối hợp điều tra, cập nhật, báo cáo số liệu đầy đủ, kịp thời, chính xác. Thực hiện quy trình kiểm tra, thẩm định, công nhận đạt chuẩn phổ cập đúng quy định;

tăng cường ứng dụng CNTT trong lưu trữ hồ sơ phổ cập.

7. Công tác kiểm tra nội bộ trường học.

a) Chỉ tiêu

- Kiểm tra 4 nội dung thường xuyên, 2 chuyên đề
- Tổ chức kiểm tra các nội dung: Công tác tuyển sinh; Các khoản thu đầu năm; Chế độ chính sách nhà giáo, của trẻ; Kiểm tra hồ sơ hoạt động của tổ chuyên môn,

các bộ phận: Các chuyên đề: “Tổ chức bán trú, vệ sinh ATTP”; “XD trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”;

b) Giải pháp

- Hiệu trưởng kiện toàn Ban kiểm tra nội bộ trong nhà trường;
- Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ trong nhà trường, trong đó chú trọng kiểm tra công tác đảm bảo an toàn trong CSGD; Tăng cường kiểm tra đột xuất, đảm bảo đánh giá đúng thực chất để tư vấn, giúp cán bộ, giáo viên, nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ; chú trọng kiểm tra việc thực hiện kết luận kiểm tra;
- Bồi dưỡng năng lực kiểm tra nội bộ cho thành viên trong tổ kiểm tra; tạo điều kiện cho các thành viên về mặt thời gian thực hiện nhiệm vụ;
- Tổ chức cho các thành viên trong ban kiểm tra nội bộ nắm bắt kế hoạch; tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra nghiêm túc; định kỳ đánh giá kết quả kiểm tra và báo cáo về phòng GD&ĐT (kết hợp trong báo cáo tổng kết năm học).

(Có kế hoạch riêng kèm theo)

8. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; công tác tuyên truyền về GDMN

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số
- Chỉ đạo CBGVNV lựa chọn và ứng dụng phù hợp, hiệu quả CNTT trong việc thiết kế bài giảng, phần mềm mô phỏng, trò chơi, học liệu mở... để tổ chức các hoạt động giáo dục; khai thác hiệu quả nguồn tài liệu, kho học liệu dùng chung để hỗ trợ thực hiện Chương trình GDMN;
- Sử dụng hiệu quả các phần mềm trong quản lý, quản trị nhà trường để tinh giản hồ sơ sổ sách, chuyển đổi hồ sơ giấy sang hồ sơ điện tử. Chỉ đạo cán bộ, giáo viên lựa chọn và ứng dụng phù hợp, hiệu quả CNTT trong việc thiết kế bài giảng, phần mềm mô phỏng, trò chơi, học liệu mở... để tổ chức các hoạt động giáo dục; khai thác hiệu quả nguồn tài liệu, kho học liệu dùng chung để hỗ trợ thực hiện Chương trình GDMN;
- Tăng cường các điều kiện cơ sở hạ tầng, đảm bảo triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số như: mạng Internet,
- Tăng cường tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, tổ chức hội họp, sinh hoạt chuyên môn... bằng hình thức trực tuyến; tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng ứng dụng

CNTT cho đội ngũ CBQL, GV, NV.

- Phối hợp với các cơ quan truyền thông tăng cường công tác tuyên truyền; khuyến khích CB, GV chủ động viết và đưa tin, bài về kết quả hoạt động của GDMN; truyền thông các tấm gương điển hình, tiêu biểu, các mô hình tốt, sáng kiến hay trong GDMN;
- Tăng cường phối hợp, xử lý hiệu quả các vấn đề về truyền thông, nhất là các vấn đề xã hội quan tâm, tạo sự đồng thuận, chia sẻ, ủng hộ đóng góp cho ngành GDMN.

9. Công tác huy động nguồn lực .

a) Chỉ tiêu

- Xây dựng kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung hạn để huy động các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương, như: thu từ ngân sách nhà nước, cung cấp dịch vụ theo thỏa thuận, vận động tài trợ và các nguồn thu hợp pháp khác;

- Quản lý, sử dụng tài chính đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động chăm sóc giáo dục; đảm bảo đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách cho đội ngũ CBQL, GV, NV và học sinh; kinh phí tăng cường CSVC, mua sắm bổ sung thiết bị dạy học;

b) Giải pháp

- Hiệu trưởng căn cứ các văn bản hướng dẫn thực hiện các khoản thu... để xây dựng kế hoạch thu chi tại trường ngay từ đầu năm học trình UBND xã phê duyệt trước khi triển khai thực hiện;

- Công khai các nội dung cung cấp dịch vụ phục vụ, hỗ trợ trong các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, hoạt động ngoài giờ chính khóa không sử dụng ngân sách Nhà nước để cha mẹ trẻ và người dân nắm chủ trương và tham gia trên nguyên tắc thỏa thuận

- Tuyên truyền với phụ huynh, cộng đồng về các kế hoạch thu, chi tạo được đồng thuận, ủng hộ của cộng đồng và phụ huynh về vận động tài trợ và các dịch vụ bán trú;

- Thực hiện nghiêm túc Quy chế dân chủ trường học trong thu chi tài chính. Thực hiện nghiêm túc quy định về Công khai, báo cáo, kiểm kê tài chính theo quy định.

- Thực hiện hóa đơn điện tử các khoản đóng góp của phụ huynh.

+ Sử dụng tiền tài trợ giáo dục: theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt.

- Thực hiện báo cáo, quyết toán tài chính: định kỳ báo cáo công khai quyết toán các khoản thu, chi trong nhà trường 1 quý/1 lần; cuối năm tài chính, cuối năm học báo cáo quyết toán tài chính lên cấp trên và công khai tại hội nghị của nhà trường

10. Các hoạt động GD khác

10.1. Thực hiện các cuộc vận động và các phong trào thi đua.

a) Chỉ tiêu:

- 100% cán bộ, giáo viên nhân viên tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ chính trị về “*Đẩy mạnh và học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh*”;

- 100% cán bộ, giáo viên nhân viên tiếp tục thực hiện nghiêm túc nội dung Chỉ thị của cấp trên: Chỉ thị 26/CT-TW; Chỉ thị 17/CT-TU... về kỷ luật, kỷ cương hành chính trong đơn vị. trong năm học không có cán bộ, giáo viên, nhân viên vi phạm Pháp luật, nội quy quy chế đơn vị.

- 100%CB,GV,NV thực hiện tốt các cuộc vận động “*Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo*”. Đẩy mạnh các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống, tăng cường giáo dục pháp luật, giáo dục an toàn giao thông cho giáo viên và trẻ.

- Thực hiện tốt các quy định về đạo đức nhà giáo, coi trọng việc rèn luyện phẩm chất, lối sống, lương tâm nghề nghiệp; tạo cơ hội, động viên, khuyến khích giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục học tập và sáng tạo; ngăn ngừa và đấu tranh kiên quyết với các biểu hiện vi phạm pháp luật và đạo đức nhà giáo.

-100% cán bộ, giáo viên nhân nói không với bạo lực học đường. Tất cả vì một “trường học hạnh phúc” .

100% cán bộ, giáo viên nhân viên 100% cán bộ, giáo viên nhân viên tiếp tục nâng cao trách nhiệm, thái độ phục vụ nhân dân, xây dựng văn hóa ứng xử hợp tác, thân thiện trong môi trường giáo dục.

b) Biện pháp

- Nhà trường thường xuyên bồi dưỡng nâng cao phẩm chất bản lĩnh chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên. Phân công nhiệm vụ thể, rõ ràng. Gắn trách nhiệm với đội ngũ cán bộ, đặc biệt là người đứng đầu.

- Nhà trường tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Tổ chức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên đăng ký các nội dung thiết thực, phù hợp với nhiệm vụ được phân công.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện “Quy tắc ứng xử trong trường mầm non” “Nâng cao năng lực ứng xử sư phạm, đạo đức nhà giáo vì một trường học hạnh phúc.

- Tổ chức cho tất cả cán bộ, giáo viên, nhân viên đăng ký nội dung thực hiện phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học”. Đăng ký nghiên cứu và ứng dụng các giải pháp nhằm nâng cao quản lý giáo dục, chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ. Kịp thời phát hiện và tôn vinh các cá nhân, tập thể có nhiều đổi mới, sáng tạo trong hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Thực hiện tốt các quy định về đạo đức nhà giáo, coi trọng việc rèn luyện phẩm chất, lối sống, lương tâm nghề nghiệp, thường xuyên trau dồi kỹ năng giao tiếp ứng xử phù hợp với phụ huynh. CBQL, GV, NV ký cam kết không vi phạm đạo đức nhà giáo, không vi phạm bạo lực học đường, không thu trái quy định.

- Giao cho đồng chí Nguyễn Thị Lành chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua các cuộc vận động lớn của nhà trường.

10.2. Công tác dân chủ cơ sở, công khai

a) Chỉ tiêu

Thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ theo Thông tư 11/2020/TT-BGD&ĐT và thực hiện công khai theo Thông tư 09/2024/TT- BGD&ĐT ngày 03/6/2024 quy định về công khai trong hoạt động giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

b) Giải pháp

- Hiệu trưởng phối hợp với Công đoàn xây dựng và triển khai thực hiện tốt công tác dân chủ cơ sở thông qua việc ban hành thực hiện các quy chế dân chủ, quy chế làm việc, quy chế chuyên; quy chế chỉ tiêu nội bộ; quy chế phối hợp công đoàn; đảm

bảo mọi việc trong nhà trường được bàn bạc, công khai, dân chủ; tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân phát huy trí tuệ, quyền làm chủ, tích cực tham gia đóng góp ý kiến xây dựng các quy chế, kế hoạch trong nhà trường.

- Thành lập chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ, Ban công khai, xây dựng và thực hiện nghiêm túc kế hoạch công khai theo TT36/2017/TT-BGD&ĐT của Bộ giáo dục và Đào tạo; phân công, giao trách nhiệm cụ thể cho các thành viên thực hiện công khai; thường xuyên kiểm tra việc công khai trong nhà trường; Phát huy vai trò giám sát của ban thanh tra nhân dân, Ban đại diện cha mẹ học sinh trong nhà trường.

- Thực hiện công khai, lấy ý kiến và tổ chức thực hiện các nội dung sau: Công khai về tài chính; công khai quy chế chi tiêu nội bộ; quản lý và sử dụng tài sản công; đào tạo, bồi dưỡng CB, GV, NV; đề bạt, bổ nhiệm; nâng bậc lương; đánh giá CB, GV, NV; khen thưởng, kỷ luật cán bộ, viên chức; công tác tuyển sinh; khen thưởng học sinh...

10.3. Công tác dân vận chính quyền

a) Chỉ tiêu

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến vị trí, vai trò quan trọng và trách nhiệm làm công tác dân vận chính quyền cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đơn vị. Từng cán bộ, công chức, viên chức phát huy trách nhiệm của mình trong thực thi công vụ, hết lòng hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân.

b) Giải pháp

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức về công tác dân vận chính quyền.

- Chỉ đạo thực hiện công tác dân vận chính quyền gắn với việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

- Chỉ đạo từng CBGVNV xác định rõ trách nhiệm về công tác vận động quần chúng, thông qua việc thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao; trong từng nhiệm vụ cụ thể phải xây dựng phong cách “*trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân*”, “*nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin*”; công khai và thực hiện tốt nội dung “*ba không, ba cần, ba nên*” trong thực thi công vụ.

- Biểu dương, khen thưởng những cá nhân làm tốt công tác dân vận chính quyền trong năm học.

10.4. Phòng chống cháy nổ, phòng chống tai nạn thương tích.

a) Chỉ tiêu:

- Đảm bảo an toàn con người, tài sản không có cháy nổ xảy ra trong trường học.

- Đầy đủ dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định.

b) Biện pháp:

- Vào đầu năm học cán bộ phòng cháy chữa cháy đi kiểm tra các dụng cụ thiết bị trong nhà trường.(Đường điện, bình ga)

- Mua sắm và bổ sung các dụng cụ thiết bị cho công tác phòng cháy chữa cháy đầy đủ.

- Cử cán bộ đi tập huấn, tập huấn cho CBGVNV toàn trường.

- Nhắc nhở toàn bộ CB, GV, NV, phụ huynh luôn nâng cao ý thức cảnh giác nhằm giảm thiểu cháy nổ.

- Cử cán bộ đi tập huấn, tập huấn cho CBGVNV toàn trường.

- Nâng cao ý thức cảnh giác.

- Mua sắm đầy đủ dụng cụ theo yêu cầu.

11. Công tác thi đua-khen thưởng:

a. Chỉ tiêu:

- Tập thể Hoàn thành tốt nhiệm vụ. LĐTT.

- Tổ CM đạt tiên iên xuất sắc: 2/2 Tỷ lệ 100%

- Nhóm lớp TTXS: 11/21 Tỷ lệ 52,5

** Danh hiệu cá nhân:*

- Lao động tiên tiến: 43/43 người; tỷ lệ 100%.

- CSTĐ cấp cơ sở: 12 - 13 người.

- Giấy khen của Chủ tịch UBND Xã; 01 người.

- Giáo viên giỏi trường; 38/38 người

- Giỏi cấp xã 4-5 cô.

b. Biện pháp:

- Nhà trường tổ chức phong trào thi đua nhằm động viên khuyến khích các tập thể, cá nhân đem hết tài năng, năng lực của mình để cống hiến, xây dựng trường ngày càng phát triển và lớn mạnh về mọi mặt. Khen thưởng là sự ghi nhận công lao, thành quả của cá nhân, tập thể đã đạt được. Qua đó tạo động lực mới trong phong trào thi đua nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị, đồng thời khẳng định thương hiệu chất lượng nhà trường.

- Kiện toàn Hội đồng thi đua - khen thưởng của trường.

- Triển khai các văn bản về thi đua khen thưởng của cấp trên.

- Triển khai các nội dung, tiêu chuẩn, thi đua từng đợt đến tất cả các thành viên trong trường đều rõ. Tổ chức các phong trào thi đua, hội thi đầy đủ.

- Triển khai tiêu chuẩn đánh giá thi đua ngay từ đầu năm học.

- Xét thi đua đúng quy trình, công khai, dân chủ, công bằng.

- Biểu dương khen thưởng trong các phong trào.

- Tổ chức xét duyệt SKKN, giới thiệu các sáng kiến hay, đạt kết quả cao đề nghị cấp cơ sở xét duyệt công nhận.

- Phát động phong trào các dịp ngày lễ.

- Phối hợp Đoàn thanh niên đôn đốc, theo dõi, đánh giá, xếp loại thi đua, đảm bảo công bằng, công khai dân chủ trong thi đua.

- Xây dựng cơ sở vật chất môi trường sư phạm, cảnh quang khang trang, sạch đẹp , sân chơi, vườn cây bóng mát để đáp ứng yêu cầu chăm sóc giáo dục trẻ, để đạt tiêu chuẩn.

- Xây dựng thang điểm thi đua cụ thể khoa học cho từng nội dung.

- Đổi mới thi đua khen thưởng theo hướng phục vụ thiết thực cho dạy tốt, học tốt quản lý hiệu quả, tổ chức thi đua đảm bảo nguyên tắc tự nguyện, tự giác, khen thưởng đảm bảo nguyên tắc: kịp thời, chính xác, công khai, thành tích đến đâu, khen đến đó.

- Tăng cường giám sát việc thực hiện nâng cao chất lượng giáo dục, chăm sóc giáo dục trẻ, tiếp tục thực hiện chương trình GDMN, đổi mới phương pháp, đảm bảo an toàn cho trẻ .

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chế độ công tác

Quyết định số 2641/QĐ-UBND ngày 18/8/2025 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Nghệ An về việc Ban hành khung thời gian năm học 2025 - 2026 đối với GDMN, GDPT và GDTX.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ kiểm tra định kỳ, thường xuyên và đột xuất theo kế hoạch kiểm tra nội bộ nhà trường;

- Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo: Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và kết quả thực hiện quy chế trong nhà trường với Phòng GD&ĐT, viên chức, người lao động trong nhà trường 2 lần/năm (cuối học kỳ 1 và cuối năm học); thông báo công khai cho phụ huynh và cộng đồng về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học. Thực hiện báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cấp trên.

2. Chế độ kiểm tra, giám sát :

- Phân công các bộ phận trong nhà trường hàng tháng, hàng kỳ kiểm tra việc thực hiện kế hoạch, tiến độ thực hiện, để điều chỉnh kịp thời các nhiệm vụ và chỉ tiêu cho phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học.

3. Phân công nhiệm vụ

Ban giám hiệu

Công tác xây dựng kế hoạch:

- Hiệu trưởng phối hợp Phó HT XD kế hoạch nhiệm vụ năm học và thông qua Ban giám hiệu bàn bạc thống nhất, sau đó thông qua Hội đồng nhà trường.

- Ban giám hiệu tổ chức họp giao ban Ban giám hiệu 1 tuần/lần vào chiều thứ 6 hoặc đầu giờ sáng thứ 2 hàng tuần.

- Hàng tháng XD kế hoạch và thực hiện theo kế hoạch.

- Thành lập các Hội đồng:

+ Hội đồng tuyển sinh;

+ Hội đồng thi đua khen thưởng;

+ Hội đồng khoa học của trường;

+ Hội đồng kiểm định chất lượng;

- Kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ;

- Thành lập các Tổ CM: Tổ MG; Tổ Nhà trẻ;

- Kiện toàn Ban chỉ đạo Y tế học đường;
- Thành lập Ban kiểm tra nội bộ trường học.

*** Phân công Ban giám hiệu, Tổ trưởng các khối và các đoàn thể:**

I. Cô;Phạm Thị Hương; chức vụ Hiệu trưởng

*** Nhiệm vụ và quyền hạn**

- a) Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục từng năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;
- b) Thành lập các tổ chuyên môn, các hội đồng tư vấn trong nhà trường, nhà trẻ; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó. Đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định;
- c) Phân công, quản lý, đánh giá, xếp loại; tham gia quá trình tuyển dụng, thuyên chuyển; khen thưởng, thi hành kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên theo quy định;
- d) Quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính, tài sản của nhà trường, nhà trẻ;
- đ) Tiếp nhận trẻ em, quản lý trẻ em và các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của nhà trường, nhà trẻ; quyết định khen thưởng, phê duyệt kết quả đánh giá trẻ theo các nội dung nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định;
- e) Dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; tham gia các hoạt động giáo dục hoặc dự giờ 2 giờ trong một tuần; được hưởng chế độ phụ cấp và các chính sách ưu đãi theo quy định;
- f) Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở và tạo điều kiện cho các tổ chức chính trị - xã hội trong nhà trường, nhà trẻ hoạt động nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ;
- g) Thực hiện vận động tài trợ giáo dục, phát huy vai trò của nhà trường đối với cộng đồng.

Cụ thể hóa nội dung công việc:

1. Quản lý chỉ đạo chung- công tác Đảng và các mặt tư tưởng chính trị, đối ngoại.
2. Công tác xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch.
3. Công tác TCCB, Thi đua khen thưởng, kỷ luật.
4. Công tác quản lý tài chính, tài sản, CSVC của nhà trường.
5. Công tác kiểm tra nội bộ.Hội đồng trường.
6. Công tác tiếp dân, dân chủ trường học.
7. Công tác khác mà cấp trên giao;

8. Thực hiện và quản lý các loại hồ sơ như: hồ sơ KHGD nhà trường và các quy chế; hồ sơ quản lý nhân sự; hồ sơ thanh tra, kiểm tra. Hồ sơ đánh giá xếp loại. BB hợp HĐ giáo viên) hồ sơ thi đua, hồ sơ trường chuẩn, kế hoạch phát triển...)

II. Nhiệm vụ và quyền hạn của PHT

- a) Chịu trách nhiệm điều hành công việc do hiệu trưởng phân công;
- b) Điều hành hoạt động của nhà trường khi được hiệu trưởng ủy quyền;
- c) Dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; tham gia các hoạt động giáo dục 4 giờ trong một tuần; được hưởng chế độ phụ cấp và các chính sách ưu đãi theo quy định.

Cụ thể hóa nội dung công việc:

**** Cô: Hồ Thị Trang: Phó hiệu trưởng:***

- 1. Phụ trách chính là công tác chỉ đạo chuyên môn toàn trường. xây dựng kế hoạch và chỉ đạo thực hiện. chương trình khối MG 4 - 5 tuổi và 5- 6 tuổi. phụ trách khối mẫu giáo.
- 2. Chỉ đạo giáo viên xây dựng hồ sơ tổ chuyên môn, nhóm lớp và cá nhân.
- 3. Công tác đánh giá trẻ. Chỉ đạo công nghệ thông tin, sáng kiến kinh nghiệm,.
- 4. Các hội thi, Các chuyên đề, kỹ năng sống, Ngoại ngữ.
- 5. Phụ trách công tác phổ cập. hồ sơ quản lý trẻ em. Hồ sơ quản lý chuyên môn.
- 6. Phụ trách công tác tài sản, thiết bị, CSVC. Phần mềm CSDL ngành. Thống kê Phần mềm CBCCVC, Vnedu.
- 7. Thực hiện các báo cáo liên quan đến lĩnh vực mình phụ trách và quản lý các loại hồ sơ trên.

**** Cô: Nguyễn Thị Lành: Phó hiệu trưởng:***

- 1. Phụ trách chính là công tác chỉ đạo chuyên môn khối nhà trẻ. Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo thực hiện chương trình khối MG 3-4 T, khối nhà trẻ.
- 2. Công tác nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe toàn trường, phụ trách phần mềm dinh dưỡng, Xây dựng thực đơn tính khẩu phần ăn cho trẻ. Kiểm định chất lượng, Hồ sơ trường, Ngày hội ngày lễ (VNTDĐT). Công tác BDTX.
- 3. Công tác y tế trường học, lao động, vệ sinh, công tác tuyên truyền. sữa học đường.
- 4. Phụ trách các cuộc vận động.
- 5. Phụ trách công tác PCCC, Phòng chống bão lụt.
- 6. Phụ trách công tác an ninh trường học, phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ trong trường mầm non.
- 7. Thực hiện các báo cáo liên quan đến lĩnh vực mình phụ trách và quản lý các loại hồ sơ trên.

B. CÁC BỘ PHẬN, TỔ CHUYÊN MÔN

I. Tổ chuyên môn

1. Tổ chuyên môn bao gồm giáo viên, người làm công tác thiết bị giáo dục và cấp dưỡng. Tổ chuyên môn có tổ trưởng và tổ phó.

2. Nhiệm vụ của tổ chuyên môn gồm:

a) Xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ theo tuần, tháng, năm học nhằm thực hiện chương trình, kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và các hoạt động giáo dục khác;

b) Thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường, nhà trẻ;

c) Tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non;

d) Đề xuất khen thưởng, kỷ luật giáo viên.

3. Tổ chuyên môn sinh hoạt định kỳ ít nhất hai tuần một lần.

4. Thực hiện và quản lý các loại hồ sơ 1 quyển (do tổ trưởng quản lý) gồm: Danh sách tổ viên; danh sách đăng ký thi đua và đề tài SKKN của các nhân; dự kiến kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của tổ theo từng tháng; biên bản sinh hoạt tổ.

C. GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN

I. Giáo viên:

*** Nhiệm vụ của giáo viên**

1. Bảo vệ an toàn sức khỏe, tính mạng của trẻ em trong thời gian trẻ em ở nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ.

2. Thực hiện công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em theo chương trình giáo dục mầm non: lập kế hoạch chăm sóc, giáo dục; Xây dựng môi trường giáo dục, tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; Đánh giá và quản lý trẻ em; Chịu trách nhiệm về chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; Tham gia các hoạt động của tổ chuyên môn, của nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

3. Trau dồi đạo đức, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; Gương mẫu, thương yêu trẻ em, đối xử công bằng và tôn trọng nhân cách của trẻ em; Bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của trẻ em; Đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp.

4. Tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ em cho cha mẹ trẻ. Chủ động phối hợp với gia đình trẻ để thực hiện mục tiêu giáo dục trẻ em.

5. Rèn luyện sức khỏe; Học tập văn hóa; Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

6. Thực hiện các nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và của ngành, các quy định của nhà trường, quyết định của Hiệu trưởng.

7. Thực hiện và quản lý các loại hồ sơ như: KH nhóm, lớp; KH CSGD chủ đề; sổ theo dõi trẻ; sổ BDCM; sổ theo dõi tài sản của nhóm, lớp.

II. NHÂN VIÊN

*** Nhiệm vụ**

1. Thực hiện nhiệm vụ được giao theo kế hoạch và sự phân công của Hiệu trưởng.
2. Thực hiện quy chế chuyên môn nghề nghiệp và chấp hành nội quy của nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.
3. Bảo đảm an toàn cho trẻ trong ăn uống và sinh hoạt tại nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập. Tuân thủ các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm trong chế biến ăn uống cho trẻ, đảm bảo không để xảy ra ngộ độc đối với trẻ.
4. Trau dồi đạo đức, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của bản thân và nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo; đoàn kết, tương trợ giúp đỡ đồng nghiệp.
5. Rèn luyện sức khỏe, học tập văn hóa, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.
6. Thực hiện nghĩa vụ công dân và các quy định của pháp luật và của ngành, các quy định của nhà trường, quyết định của Hiệu trưởng.

Cụ thể hóa nội dung công việc:

1. Cô Hòa: Nhân viên Kế toán: - Công tác tài chính, quản lý tài chính, quyết toán ngân sách, theo dõi các khoản thu nguồn thu – chi; các loại phí, lệ phí; theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Theo dõi cập nhật tài sản thiết bị ấn phẩm...

- Phụ trách phần mềm Misa, Pmits; Emíts

- Kiêm văn thư

- Thực hiện và quản lý các loại hồ sơ như: hồ sơ bán trú (sổ báo ăn, nạp tiền ăn, chi tiền ăn, sổ quỹ tiền mặt, tổng hợp suất ăn, quyết toán tiền ăn, công khai tài chính); hồ sơ quyết toán tiền ăn của CBGVNV (thực đơn, thu tiền ăn hàng tháng, quyết toán tiền ăn hàng tháng). Hồ sơ ban đại diện cha mẹ học sinh.

2. Cô Mai Thị Hải Yến; nhân viên y tế

- Công tác y tế học đường, Công tác vệ sinh, giám sát nguồn thực phẩm

+ Xây dựng kế hoạch hoạt động công tác y tế trường học hàng năm, trình lãnh đạo phê duyệt và tổ chức thực hiện.

+ Tổ chức thực hiện khám sức khỏe định kỳ, quản lý hồ sơ sức khỏe cho học sinh và giáo viên;

- + Sơ cứu và xử lý ban đầu các trường hợp tai nạn thương tích và bệnh tật khi xảy ra ở trường học;
- + Tham mưu cho lãnh đạo nhà trường tổ chức thực hiện các yêu cầu vệ sinh học đường, vệ sinh môi trường trong trường học, VSATTP, vệ sinh khu vực nội trú, bán trú theo các quy định đã ban hành của Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, nội quy của trường học;
- + Thực hiện công tác truyền thông giáo dục sức khỏe, phòng bệnh, phòng dịch, theo lịch hoạt động của trường và theo yêu cầu của y tế địa phương;
- + Tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng về y tế trường học do ngành y tế tổ chức cùng các yêu cầu do y tế học đường cấp quận, huyện đề ra;
- + Tham gia đánh giá tình trạng sức khỏe học sinh
- + Sơ kết, tổng kết công tác y tế trường học, báo cáo thông kê y tế trường học theo quy định
- Kiêm Thủ quỹ, thủ kho, nạp báo cáo của nhà trường.
- Công tác văn thư lưu trữ, quản lý con dấu của nhà trường.
- Thực hiện và quản lý các loại hồ sơ như: (KH hoạt động y tế trường học; KH tuyên truyền; sổ giao ban; sổ tổng hợp kết quả cân, đo, khám sức khỏe của trẻ; sổ theo dõi sức khỏe từng trẻ; sổ kiểm tra, giám sát công tác y tế hàng ngày; sổ cấp phát thuốc.

3. Nhân viên nấu ăn

- Thực hiện nhiệm vụ của người nhân viên được giao như: tiếp phẩm, chế biến món ăn, chia đưa đồ dùng và thức ăn đến tận từng nhóm lớp. Vệ sinh khu vực bếp, các dụng cụ nhà bếp, lưu mẫu thực phẩm,...

4. Nhân viên bảo vệ

- Bảo vệ tài sản của nhà trường theo hợp đồng đã ký kết.
- Trục 24/24 giờ.
- Đóng mở cửa hàng ngày.

D.Nhiệm vụ của Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh

a. Đoàn kết, tập hợp rộng rãi các tầng lớp thanh niên, thực hiện tốt vai trò nòng cốt, định hướng chính trị trong việc xây dựng Việc tập hợp lực lượng thanh niên, đưa họ vào trong các tổ chức của Hội, của Đoàn là bước khởi đầu quan trọng tạo nên sức mạnh vật chất và tinh thần của Đoàn TNCS, tạo ra mối quan hệ chặt chẽ với quần chúng thanh niên nói riêng và với quần chúng nhân dân nói chung. V.I Lênin đã cho chúng ta rằng: “Đừng quên rằng sức mạnh của một tổ chức Cách mạng là ở số lượng những mối liên hệ của nó”.

b. Giáo dục lý tưởng XHCN cho đoàn viên, thanh niên thông qua các phong trào hành động cách mạng. Mảng hoạt động giáo dục là sợi chỉ đỏ xuyên suốt quá trình hoạt động của Đoàn - đối tượng giáo dục chủ yếu là đoàn viên, thanh niên - lực lượng

to lớn, có vị trí vai trò rất quan trọng trong việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, suy cho cùng là hình thành bộ mặt nhân cách con người trong xã hội mới phù hợp với đòi hỏi của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước. Nội dung công tác giáo dục rất phong phú, bao gồm:

- Giáo dục chính trị tư tưởng.
- Giáo dục Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Giáo dục luật pháp, lối sống, nếp sống.
- Giáo dục về khoa học kỹ thuật công nghệ, về DS - SK - MT.
- Giáo dục về phát huy, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc.
- Giáo dục truyền thống Cách mạng.

c. Tham gia xây dựng Đảng, bảo vệ Đảng, coi nhiệm vụ xây dựng Đảng là một tất yếu trong xây dựng tổ chức Đoàn, ngược lại Đoàn TNCS phải là đội quân trung thành, kế tục sự nghiệp của Đảng, mang ngọn cờ, lý tưởng của Đảng đến đích cuối cùng, đưa NQ và đường lối của Đảng vào trong cuộc sống. Đoàn TNCS là nguồn cung cấp bổ sung cho Đảng lực lượng trẻ, có tri thức, đạo đức, sức khoẻ để gánh vác công việc tạo sinh lực mới cho Đảng. Quán triệt tinh thần công tác xây dựng, phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, lấy xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, Đoàn thanh niên phải là lực lượng nòng cốt trong việc tham gia xây dựng, bảo vệ Đảng, tích cực hưởng ứng cuộc vận động, xây dựng chính đồn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương VI lần 2.

Trên đây là kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025 - 2026 của trường Mầm Non Diên Thịnh, Nhà trường rất mong được sự đóng góp ý kiến, sự quan tâm của các cấp lãnh đạo để nhà trường thực hiện tốt kế hoạch giáo dục đã đề ra.

Nơi nhận 9:

An Châu, ngày 25 tháng 9 năm 2025

- Phòng VHXXH xã An Châu(để b/c);

- Trường MN (để t/h);

TRƯỞNG

- Lưu VP

HIỆU



Phạm Thị Hương

**PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Hương

KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM HỌC: 2025 - 2026

Thời gian	Nội dung công việc	Phân công phụ trách, chỉ đạo
Tháng 8/2025	- Bàn giao trẻ vào lớp 1. - Phân công nhiệm vụ cho CBGVNV toàn trường. - Tuyên truyền về ngày toàn dân đưa trẻ đến trường. - Phân chia trẻ vào các nhóm lớp theo kế hoạch đã được duyệt. - Tham mưu XDCSV, Tu sửa, kiểm kê tài sản, bàn giao tài sản đầu năm, chuẩn bị đầy đủ điều kiện cho năm học mới. - Đảm bảo công tác phòng chống dịch bệnh công tác vệ sinh môi trường trong ngoài lớp. - Chỉ đạo lao động vệ sinh trường lớp sạch sẽ, thiết kế tạo môi trường chuẩn bị điều kiện phục vụ năm học 2025-2026; - Kiểm tra đánh giá thiết kế môi trường tại nhóm lớp theo chủ đề trường mầm non. - Tập văn nghệ chuẩn bị khai giảng. - Xây dựng KH tài chính. - Phân công điều tra và hoàn thành điều tra PCGD - Chuẩn bị công tác đón trẻ đến trường, tổ chức ngày tựu trường (25/8/2025). - Tham gia tập huấn và tổ chức tập huấn chuyên đề hè. - Chỉ đạo xây dựng kế hoạch chuyên môn các độ tuổi.	-Đ/C Trang - Đ/c HT - CBGVNV -Đ/c Trang - Hiệu trưởng -Đ/c Lãnh, Yên Y Tế - CBQL - Đ/c Trang - Toàn trường - CBQL+ GV
Tháng 9/2025	- Ngày 5/9/2025: Tổ chức ngày hội đến trường của bé. - Báo cáo tình hình GDMN đầu năm học - Tổ chức các cuộc họp, sinh hoạt các tổ chuyên môn 2 lần/ tháng. - Cân đo trẻ lần 1, - Hoàn thành hồ sơ theo quy định -Xây dựng các Nội quy, quy chế của nhà trường; Xây dựng bộ hồ sơ nhà trường, hồ sơ tổ CM, nhóm lớp và cá nhân. - Triển khai và cam kết thực hiện các phong trào và cuộc vận động. - Mua sắm bổ sung CSV, học liệu đầy đủ cho trẻ. - Hoàn thành hồ sơ đề nghị công nhận xã đạt chuẩn phổ cập GDMNTNT - Xây dựng KH năm học, Tổ chức HNVCNLĐ - Ký cam kết “Trường học an toàn phòng chống tai nạn thương tích trong các cơ sở giáo dục mầm non”; - Hợp đồng lao động, hợp đồng các nhà cung ứng thực phẩm.	- Toàn trường -CBQL - CBQL+TTCM - NVYT+GV -Toàn trường - Ban mua sắm - Đ/c Trang - CBQL

	- Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ về thể chất tinh thần, công tác phòng chống dịch bệnh như kiểm tra nắm bắt tình hình sức khỏe trẻ, công tác vệ sinh môi trường trong ngoài lớp, vệ sinh cá nhân, vệ sinh ăn ngủ, công tác phối hợp với phụ huynh. - Thực hiện năm học mới 05/9/2025 (thực hiện chương trình ngày 15/9 /2025); - <i>Tổ chức và tham gia các cuộc họp, Bổ sung kiện toàn các chức danh, các bộ phận, Công bố các chức danh, thành lập các hội đồng, các tổ chuyên môn năm học 2025 - 2026;</i> - Hợp Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường, các nhóm, lớp, tổ chức họp phụ huynh lần 1. Hoàn thành hồ sơ đăng ký bán trú, sửa học đường. - Tiếp dân.	- CBQL+ TT+TP -Hiệu trưởng
Tháng 10/2025	- Kiểm tra công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, Y tế trường học. - Duyệt kế hoạch chuyên môn và dự sinh hoạt với các khối, nhóm, lớp. - <i>Tổ chức các cuộc họp, sinh hoạt các tổ chuyên môn 2 lần/ tháng</i> - Chỉ đạo dạy minh họa 4 tiết - Kiểm tra, thực hiện quy chế chuyên môn; các nhóm lớp. - Kiểm tra nội bộ theo kế hoạch. - Tổ chức bồi dưỡng gv đăng ký dự thi “Giáo viên dạy giỏi” cấp Tỉnh . - Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ về thể chất tinh thần, công tác phòng chống dịch bệnh như kiểm tra nắm bắt tình hình sức khỏe trẻ, công tác vệ sinh môi trường trong ngoài lớp, vệ sinh cá nhân, vệ sinh ăn ngủ, công tác phối hợp với phụ huynh. - Kết hợp đoàn thể tổ chức kỷ niệm ngày 20/10 - Triển khai công tác tự đánh giá chất lượng Trường Mầm non theo Thông tư 19 - Tham gia các đợt tập huấn, sinh hoạt chuyên môn cấp xã, tổ chức sinh hoạt chuyên môn cấp trường - Tiếp dân.	- Đ/c Yến -CBQL+TT+TP - PHT+TTCM -Ban KTNB -CBQL+TTCM -CBQL+TT+BTĐ - Đ/c Lành - TT,TP, CBQL - HT
Tháng 11/2025	- Tổ chức các cuộc họp, sinh hoạt các tổ chuyên môn 2 lần/ tháng. - Kiểm tra nội bộ theo kế hoạch - Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ về thể chất tinh thần, công tác phòng chống dịch bệnh như kiểm tra	- TT,TP, CBQL - Ban KTNB - Toàn Trường

	nắm bắt tình hình sức khỏe trẻ, công tác vệ sinh môi trường trong ngoài lớp, vệ sinh cá nhân, vệ sinh ăn ngủ, công tác phối hợp với phụ huynh. - Phối hợp với trạm y tế để kiểm tra, khám sức khỏe cho trẻ. - Thi đua lập thành tích chào mừng ngày 20/11 với các trò chơi vận động trò chơi dân gian, đồng diễn thể dục . - Tiếp dân	-HT+NVYT - CBQL -HT
Tháng 12/2025	- Tổ chức các cuộc họp, sinh hoạt các tổ chuyên môn 2 lần/ tháng. - Cân, đo theo dõi sức khỏe trẻ quý 2. - Kiểm tra nhiệm vụ năm học - Tổ chức đồng diễn chào mừng ngày 22/12. Phối hợp với CCB, Ban quân sự, đoàn thanh niên tổ chức cho trẻ khối 5 tuổi đi thăm quan công trình tri ân tượng đài liệt sỹ xã. - Kiểm kê tài sản, thiết bị trường học. - Đánh giá xếp loại BDTX nội dung 1 và 2. - Tiếp dân	- CBQL+TTCM - Đ/c Lãnh+Đ/C Yến -CBQL -Đ/c Trang -Đ/c Lãnh - HT
Tháng 01/2026	- Tổ chức các cuộc họp, sinh hoạt các tổ chuyên môn 2 lần/ tháng. - Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ về thể chất tinh thần, công tác phòng chống dịch bệnh như kiểm tra nắm bắt tình hình sức khỏe trẻ, công tác vệ sinh môi trường trong ngoài lớp, vệ sinh cá nhân, vệ sinh ăn ngủ, công tác phối hợp với phụ huynh. - Kiểm tra các điều kiện CSVC, MT có kế hoạch phòng chống rét cho trẻ. - Kiểm tra nhiệm vụ năm học - Sơ kết học kỳ 1- triển khai phương hướng học kỳ 2, thực hiện chương trình học kỳ 2 - Phối hợp với phụ huynh, trường TH, các tổ chức Hội thảo “phối hợp gia đình, nhà trường và cộng đồng trong chăm sóc, giáo dục trẻ và hỗ trợ trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp từ Mầm non lên tiểu học” - Tổ chức họp phụ huynh lần 2; - Tiếp dân	- CBQL+TTCM -Toàn trường - CBQL -CBQL -HT+GV chủ nhiệm -HT
Tháng 02/2026	- Duyệt kế hoạch chuyên môn - Tổ chức các cuộc họp, sinh hoạt các tổ chuyên môn 2 lần/ tháng. - Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ về thể chất tinh thần, công tác phòng chống dịch bệnh như kiểm tra nắm bắt tình hình sức khỏe trẻ, công tác vệ sinh môi trường trong ngoài lớp, vệ sinh cá nhân, vệ sinh ăn	-CBQL+TT+TP -Toàn trường

	ngủ, công tác phối hợp với phụ huynh. - Chuẩn bị tốt cho công tác trước, trong, sau tết nguyên đán. Chỉ đạo tổ chức lễ hội “Mừng xuân”; - Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ năm học, chuyên đề. - Duyệt kế hoạch phát triển năm học 2026-2027 - Tiếp dân	- Đ/c Lãnh -CBQL -HT+ kế toán
Tháng 3/2026	- Tổ chức các cuộc họp, sinh hoạt các tổ chuyên môn 2 lần/ tháng. - Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ về thể chất tinh thần, công tác phòng chống dịch bệnh như kiểm tra nắm bắt tình hình sức khỏe trẻ, công tác vệ sinh môi trường trong ngoài lớp, vệ sinh cá nhân, vệ sinh ăn ngủ, công tác phối hợp với phụ huynh. - Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ năm học - Nghiệm thu SKKN cấp trường. - Kiểm tra, Cân, đo theo dõi trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng lần 3. - Chỉ đạo các trường mầm non tổ chức tốt lễ hội 8/3; - Tổ chức giao lưu “ Tôi yêu Việt Nam”. - Kiểm tra rà soát hoàn thành công tác tự đánh giá kiểm định chất lượng; - Tiếp dân	-CBQL+TT -Toàn trường -CBQL - HĐCM - Đ/c Lãnh+ Đ/c Yến - CBQL+TT - PHT -Đ/c Lãnh -HT
Tháng 4/2026	- Tổ chức các cuộc họp, sinh hoạt các tổ chuyên môn 2 lần/ tháng. - Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ về thể chất tinh thần, công tác phòng chống dịch bệnh như kiểm tra nắm bắt tình hình sức khỏe trẻ, công tác vệ sinh môi trường trong ngoài lớp, vệ sinh cá nhân, vệ sinh ăn ngủ, công tác phối hợp với phụ huynh. - Tổ chức cho trẻ mẫu giáo 5 tuổi thăm trường Tiểu học. - Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ năm học. - Đánh giá xếp loại BDTX; - Nộp SKKN về Phòng VH-XH xã. - Tổ chức tự kiểm tra đánh giá “trường học an toàn phòng chống tai nạn thương tích”. - Tiếp dân.	-CBQL+TT -Toàn trường -Đ/c Trang -CBQL -Đ/c Lãnh -Đ/c Trang -Đ/c Lãnh -HT
Tháng 5/2026	- Tổ chức các cuộc họp, sinh hoạt các tổ chuyên môn 2 lần/ tháng. - Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ về thể chất tinh thần, công tác phòng chống dịch bệnh như kiểm tra nắm bắt tình hình sức khỏe trẻ, công tác vệ sinh môi trường trong ngoài lớp, vệ sinh cá nhân, vệ sinh ăn ngủ, công tác phối hợp với phụ huynh.	-CBQL+TT -Toàn trường

	- Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ năm học - Đánh giá trẻ cuối độ tuổi. - Đánh giá xếp loại CBGVNV. - Hoàn thành các loại hồ sơ cuối năm, TCCB, thi đua khen thưởng, Báo cáo tổng kết năm học, Tổng hợp báo cáo thống kê cuối năm, Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá trẻ về phòng VH-XH; Đảm bảo an toàn và phòng, chống bạo hành trẻ trong các CSGDMN; Kết quả triển khai Chương trình “Tôi yêu Việt Nam”; Chuyên đề LTLTT... - Kết thúc chương trình học kỳ II: 25/5/2026; - Tổ chức tổng kết năm học trước 31/5/2026; - Kiểm tra và quyết toán các khoản thu cuối năm, công tác tài chính - Tiếp dân - Kiểm kê tài sản lần 2.	-CBQL -TT+HT - HT -Đ/c Trang
Tháng 6,7/2026	- Hướng dẫn hoạt động hè 2026. - Phân công lịch trực hè. - Khảo sát CSVC, lập tờ trình tham mưu xây dựng CSVC, tu sửa CSVC trong hè cho năm học mới.	- CBQL, - Đ/c HT - CBQL



UBND XÃ AN CHÂU
TRƯỜNG MN DIỄN THỊNH

Phụ lục 1

KHUNG THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
ĐỘ TUỔI: 24- 36 THÁNG- NĂM HỌC 2025- 2026

(Kèm theo 93/KH-TrMN ngày 26 tháng 10 năm 2025)

Chủ đề	Chủ đề nhánh	Tuần	Thời gian
Bé và các bạn (4 tuần)	- Bé và cô giáo	1	15/9 – 19/9
	- Bé và các bạn	2	22/9- 26/9
	- Bé vui hội trung thu	3	29/9- 3/10
	- Lớp học của bé	4	6/10- 10/10
Đồ chơi, đồ dùng của bé(3 tuần)	- Đồ chơi bé thích	5	13/10- 17/10
	- Đồ dùng của bé	6,7	20/10- 24/10 27/10- 31/10
Bé với gia đình thân yêu(6 Tuần)	- Những người thân yêu của bé	8,9	3/11- 7/11 10/11- 14/11
	- Ngày hội của cô giáo	10	17/11- 21/11
	- . Cơ thể bé	11	24/11- 28/11
	- Đồ dùng để ăn trong gia đình bé	12	1/12- 5/12
	- Đồ dùng để uống trong gia đình bé	13	8/12- 12/12
Những con vật đáng yêu(5 tuần)	- <i>Cháu yêu chú bộ đội</i>	14	15/12- 19/12
	- ĐV nuôi trong gia đình	15,16	22/12- 26/12 29/12- 2/1
	- ĐV sống trong rừng	17	5/1- 9/1
	- ĐV sống dưới nước	18	12/1-16/1
Rau, quả và những bông hoa đẹp- (6 tuần)	Một số loại rau, củ	19,20	19/1- 23/1 26/1- 30/1
	- Những bông hoa đẹp	21	2/2- 6/2
	- Bé vui đón tết mừng xuân	22	9/2- 13/2
	. -Một số loại quả.	23	23/2- 27/2
	-Ngày vui 8/3	24	2/3- 6/3
Bé đi khắp nơi bằng các phương tiện giao thông (5 tuần)	- Phương tiện và quy định giao thông đường bộ	25,26	9/3- 13/3 16/3- 20/3
	- Phương tiện giao thông đường sắt	27	23/3- 27/3
	- Phương tiện và quy định giao thông đường thủy	28	30/3- 3/4
	- Phương tiện và quy định GT đường không	29	6/4- 10/4

Mùa hè đến rồi (3 tuần)	- Mùa hè của bé	30	13/4- 17/4
	- Thời tiết; Quần áo trang phục mùa hè	31	20/4- 24/4
	- Các hoạt động trong mùa hè	32	27/4 - 1/5
Bé lên mẫu giáo – Bác Hồ của em (3 tuần)	- Bé lên Mẫu giáo	33	4/5- 8/5
	- Tham quan các lớp mẫu giáo	34	11/5- 15/5
	- Bác Hồ kính yêu	35	18/5- 22/5
Tổng		35	

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC

Phụ lục 3

Kèm theo Kế hoạch 93/KH-TrMN ngày 26 tháng 10 năm 2025)

Thứ tự	Mục tiêu	Nội dung
* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe		
1	Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau.
2	Ngủ 1 giấc buổi trưa	- Tập luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa, ngủ đúng giờ, ngủ không khóc nhè, không nói chuyện.
3	Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định .	- Nói với người lớn khi có nhu cầu vệ sinh, tập đi vệ sinh đúng nơi quy định - GDKNS : KN ngồi bô, ngồi bồn cầu.
4	Bỏ rác đúng nơi quy định	- Uống sữa xong bỏ rác vào thùng rác - Khi tham gia hoạt động dạo chơi + Kỹ năng bỏ rác đúng nơi quy định
5	Trẻ làm được một số việc tự phục vụ với sự giúp đỡ của người lớn(lấy nước uống, đi vệ sinh...)	- Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn: Tự xúc cơm ăn, đi dép, lấy nước, đi vệ sinh, chuẩn bị chỗ ngủ... - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, đi vệ sinh. - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. GDKNS: + Kỹ năng sắp xếp đồ dùng, đồ chơi + Kỹ năng cầm thìa xúc ăn + Kỹ năng lấy cất đồ dùng cá nhân
6	Chấp nhận đội mũ khi ra nắng; đi dày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh	- Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt, mặc quần áo ấm khi trời lạnh, đội mũ khi đi ra nắng. GDKNS + Kỹ năng đi dép
7	Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm(bếp, phích nước nóng, xô nước, giếng...) khi được nhắc nhở.	- Biết tránh một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ hoặc đến gần như bếp, phích nước nóng, xô nước, giếng...) khi được nhắc nhở.
8	Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở	- Biết tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên cây, lan can, chơi với vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở.

9	<i>* Phát triển vận động</i> 1. Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: Trẻ trai: Cân nặng từ 9.9 đến 15.2 (kg) Chiều cao: Từ 80.9 đến 94.9 (cm) Trẻ gái: Cân nặng: 9.4 đến 14.5 (kg) Chiều cao: Từ 79.9 đến 93.3 (cm)	- Nâng cao chất lượng bữa ăn, đổi mới hình thức tổ chức bữa ăn - Chăm sóc giấc ngủ cho trẻ. - Cân đo theo dõi biểu đồ, khám sức khỏe định kỳ - Tổ chức các bài tập, trò chơi phát triển vận động
10	Trẻ tập các động tác theo hiệu lệnh. Trẻ thực hiện các động tác: hít thở, tay, lưng, bụng, chân	- Thực hiện các động tác trong bài thể dục hít thở, tay, lưng, bụng, chân trong bài tập thể dục sáng và bài tập phát triển chung trong giờ hoạt động phát triển thể chất - Hô hấp: Tập hít vào, thở ra. - Tay vai: + 2 tay giơ cao, hạ xuống + 2 tay đưa sang ngang hạ tay xuống + 2 tay đưa về phía trước – đưa về phía sau + 1 tay đưa về phía trước, 1 tay đưa về phía sau - Lưng bụng, lườn: + Nghiêng người sang hai phải, trái + Cúi người xuống, đứng thẳng người lên + Ngửa người ra sau - Chân: + Đứng nhún chân + Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân. + Bật tại chỗ
11	Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động: đứng, đi/ chạy thay đổi tốc độ nhanh- chậm theo cô hoặc Đi trong đường hẹp, Đi có bê vật trên tay	<i>* Đứng, đi, chạy:</i> - Đứng co 1 chân - Đi theo hiệu lệnh - Đi theo hiệu lệnh đi đều - Đi trong đường hẹp - Đi theo đường ngoằn ngoèo - Đi bước qua gậy kê cao - Đi bước vào các ô - Đi có bê vật trên tay - Chạy theo hướng thẳng - Chạy đổi hướng

12	Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay- mắt: tung- bắt ném bóng.	* <i>Tung, ném, bắt, lăn:</i> - Tung và bắt bóng cùng cô - Tung bóng lên cao - Tung bóng bằng 2 tay - Ném bóng vào đích - Ném bóng qua dây - Ném bóng về phía trước - Ném bóng về phía trước, chạy nhặt bóng - Ném bóng qua dây bước qua vật cản - Ngồi lăn bóng - Đạp bóng xuống sàn
13	Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay – chân khi nhún, bật.	* <i>Nhún bật</i> - Nhún bật tại chỗ - Nhún bật về phía trước - Bật qua vạch kẻ - Bật xa bằng 2 chân
14	Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.	* <i>Bò, trườn:</i> - Bò chui qua cổng - Bò theo đường đích dắc - Bò (trườn) qua vật cản. - Bò thẳng hướng theo đường hẹp - Bò thẳng hướng có mang vật trên lưng - Trườn sấp chui qua cổng - Bò bằng 2 bàn tay, 2 bàn chân
15	Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay- thực hiện” múa khéo”	Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay- thực hiện “ múa khéo” xoa tay, chạm các đầu ngón tay vào nhau
16	Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay- mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn, vẽ, xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ(xâu vòng xen kẽ màu đỏ, vàng, xếp công)	- Xâu tay, chạm các đầu ngón tay với nhau,rót nước, nhào đất nặn, khuấy ,vò, vẽ - Đóng cọc bàn gỗ - Nhón nhặt đồ chơi - Tập xâu vòng, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây. + Hoạt động với đồ vật: Xâu vòng màu xanh,(đỏ) tặng bạn, xâu vòng tặng cô giáo, tặng mẹ, tặng chú bộ đội, xâu vòng hoa lá, xâu vòng xen kẽ màu đỏ, vàng... - Chắp ghép hình - Chồng, xếp 6-8 khối : + Hoạt động với đồ vật: Xếp đường đến trường; Xếp nhà; xếp giường cho búp bê; xếp bàn, ghế; Xếp công; Xếp chuồng gà, vịt,

		xếp ao cá, xếp ô tô tàu hỏa, lăng Bác... -Tập cầm bút tô, vẽ - Lật mở trang sách + Chơi hoạt động ở các góc + Chơi theo ý thích
Lĩnh vực phát triển nhận thức		
	<i>* Luyện tập phối hợp các giác quan</i>	
17	Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng, mềm, trơn (nhẵn) - xù xì. - Nếm vị một số món ăn, quả(chua, mặn, ngọt)
18	Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	- Chơi, bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc - Chơi thao tác vai: bế em, cho em ăn, ru em ngủ, bé làm bác sĩ, Alo, bạn nào đây...
19	* Nhận biết Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi .	- Nhận biết một số đặc điểm bên ngoài của bản thân: - Tên của cô giáo của bạn trong nhóm/ lớp khi được hỏi + Nhận biết: Các bạn của bé, bé học gì ở trường MN; lớp học của bé; Cô giáo của bé; Lớp mẫu giáo của bé - Nhận biết một số đồ dùng đồ chơi của bản thân và của lớp(đồ dùng của bé, đôi dép, cái mũ, cái quần, cái áo, búp bê, ô tô...) - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình (Gia đình bé) - Nhận biết được tên Bác Hồ qua tranh ảnh
20	Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	- Nói được tên, chức năng của một số bộ phận trên cơ thể như mắt, mũi, miệng, tay, chân.... + Nhận biết khuôn mặt dễ thương của bé, các bộ phận trên cơ thể bé

21	Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi quen thuộc + Đồ dùng để ăn(cái bát cái thìa, cái đĩa, cái nôi) đồ dùng để uống(cái cốc, cái ấm, cái chén, cái phích nước) -Tên đặc điểm nổi bật đồ vật, con vật, rau, hoa, quả quen thuộc + Một số loại quả;(quả cam , quả táo, quả na, quả xoài, quả ổi, quả nho, quả chuối...) Một số loại Hoa(hoa cúc, hoa hồng, hoa đồng tiền, hoa đào, hoa mai...) Một số con vật nuôi trong gia đình(con gà trống, gà mái, con vịt, con ngan; con chó, con mèo, con lợn, con bò) Một số con vật sống trong rừng(con voi, con khỉ, con sư tử, con hổ...). Một số con vật sống dưới nước(Con cua, con cá, con tôm, con ốc...)
22	Nói được tên một số ngày lễ- ngày hội trong năm qua tranh ảnh, trò chuyện	- Các ngày hội trong trường mầm non và lễ hội địa phương. + Bé vui đón tết trung thu + Ngày hội của cô giáo + Cháu yêu chú bộ đội + Bé vui đón tết + Vui ngày 8/3 + Bác hồ Kính yêu
23	Nhận biết đặc điểm nổi bật của mùa hè	- Dấu hiệu nổi bật của mùa hè. Hiện tượng nắng, gió, mưa, mây,.. + Mùa hè của bé + Quần áo trang phục mùa hè + Một số hoạt động của mùa hè
24	Nhận biết một số phương tiện giao thông quen thuộc	- Tên đặc điểm nổi bật công dụng phương tiện giao thông quen thuộc + Xe đạp- xe máy; Tàu thủy- thuyền buồm; Ô tô- Tàu hỏa, Máy bay... -Đèn tín hiệu giao thông: (Đèn xanh, đèn đỏ, đèn vàng) KNS: Tập ngồi xe đạp, xe máy; tập đội mũ bảo hiểm...
25	Chỉ/ nói tên hoặc lấy cất đúng đồ chơi màu đỏ/ vàng/ xanh theo yêu cầu.	- Chỉ/ nói tên hoặc lấy cất đúng đồ chơi màu đỏ/ vàng/ xanh theo yêu cầu. + Nhận biết phân biệt màu xanh, đỏ, vàng

26	Nhân biết được hình tròn, hình vuông	Chỉ và nói được hình tròn hình vuông + NBPB; Hình tròn hình vuông
27	Chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu.	- Chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu. + Nhân biết phân biệt to nhỏ (Nhận biết đồ chơi to- nhỏ)
28	Xác định được số lượng, vị trí trong không gian.	- Số lượng 1 và nhiều - Xác định vị trí không gian + Trên- dưới; trước - sau so với bản thân trẻ
Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ		
29	<i>* Nghe hiểu lời nói</i>	
	Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2- 3 hành động.	- Nghe và thực hiện các yêu cầu gồm 2-3 hành động bằng lời nói..ví dụ; cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay, .
30	Trẻ trả lời được câu hỏi: Ai đây? Cái gì đây? ...làm gì? ... như thế nào?	- Nghe các câu hỏi: Cái gì? Làm gì? Để làm gì? ở đâu? Như thế nào(ví dụ cái bát để làm gì? gà trống gáy như thế nào, ...)
31	Trẻ hiểu được nội dung truyện ngắn đơn giản, : Trả lời được câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	- Lắng nghe và trả lời được các câu hỏi , về tên và hành động của các nhân vật trong truyện Chủ đề: Bé và các bạn; Đôi bạn tốt, chiếc đu màu đỏ, Món quà của cô giáo... Chủ đề: Đồ dùng đồ chơi của bé: Cái chuông nhỏ, Kiến con đi ô tô, khi con biết vâng lời... Chủ đề: Bé với gia đình thân yêu: Cả nhà ăn dưa hấu; Chú gấu con ngoan; Cháu chào ông ạ; Thỏ con không vâng lời... Chủ đề: Những con vật đáng yêu: Quả trứng, Con cáo, Cá và chim, cô vịt tốt bụng... Chủ đề: Rau quả và những bông hoa đẹp; Cây táo, chiếc áo mùa xuân,... Chủ đề: Bé có thể đi khắp nơi bằng các phương tiện giao thông: Xe lu và xe ca; chuyến du lịch của gà trống choai... Chủ đề: Mùa hè của bé: Cóc gọi trời mùa, Hoa mào gà.... Chủ đề: Bé lên mẫu giáo: Ai ngoan sẽ được thưởng.

	*Nói	
32	Phát âm rõ tiếng	Nói rõ các tiếng
33	Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo	- Nghe, đọc một số bài thơ, ca dao... phù hợp với độ tuổi. Chủ đề: Bé và các bạn: Bạn mới; Miệng xinh; Bé đi nhà trẻ; Giờ ăn, Khăn nhỏ Chủ đề: Đồ dùng đồ chơi của bé: Đi dép; Chia đồ chơi; Gang tay và mũ; Dung dăng dung dẻ; Nu na nu nống Chủ đề: Bé với gia đình thân yêu: Cháu chào ông ạ; Yêu mẹ; Bé chờ mong, Chi chi chành chành; Bóng mây; Dậy sớm; Nụ cười của bé Chủ đề: Những con vật đáng yêu: Chim sâu; Con kiến; Đàn lợn con; Tìm ổ, Chú bộ đội của em; Con cá vàng; Rong và cá, Con vỏi con voi, Con cua, đi cầu đi quán Chủ đề: Rau quả và những bông hoa đẹp: Rừng; Bắp cải xanh; Cây dây leo, Hoa nở; Quả thị; Tết và bạn nhỏ; Mùa xuân Chủ đề: Bé có thể đi khắp nơi bằng các phương tiện giao thông: Dán hoa tặng mẹ; Xe chữa cháy; Tiếng còi tàu; Xe đạp Chủ đề: Mùa hè của bé: Bóng mây; Mưa; Trưa hè, cầu vồng; Chim cuốc Chủ đề: Bé lên mẫu giáo: Bác Hồ của em; Bé tập nói; Lời chào, Bàn tay cô giáo; Mẹ và cô
34	Nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	Nói được câu đơn, câu có 5-7 tiếng thể hiện hiểu biết về sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc
35	Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau.	Chào hỏi, trò chuyện. Bày tỏ nhu cầu của bản thân. Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? Cái gì đây?...
36	Nói to, đủ nghe, lễ phép.	Nói to, rõ ràng. Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.
	* Làm quen với sách	
37	Biết các nhân vật trong tranh.	- Trẻ lật lần lượt từng trang sách, xem tranh và gọi tên các nhân vật sự vật hành động gần gũi trong tranh.

		- Lắng nghe khi người lớn đọc sách.
Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ		
38	*Phát triển tình cảm Nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).	Nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi) - Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân.
39	Thể hiện điều mình thích và không thích.	- Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình
40	*Phát triển kỹ năng xã hội Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	Giao tiếp với người xung quanh, chơi thân thiện với bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.
41	Trẻ nhận biết và biểu lộ trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ	Thể hiện 1 số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận
42	Trẻ biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi	- Quan tâm đến một số con vật nuôi trong gia đình, con sống dưới nước, con vật sống trong rừng.
43	*Phát triển kỹ năng xã hội đơn giản Trẻ biết chào hỏi, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ Thực hiện một số yêu cầu của người lớn	- Thực hiện một số hành vi văn hóa trong giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “Dạ”, “ Vâng ạ” chơi cạnh bạn, không cầu bạn. + Kỹ năng chào hỏi - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp : Xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định
44	Trẻ biết thể hiện 1 số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...) - Chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	Tập làm, thể hiện,, nhập vai để tham gia chơi trong hoạt động chơi ở các khu vực chơi - Chơi thân thiện với bạn: Chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi của bạn, không cầu, cắn bạn
45	* Phát triển cảm xúc thẩm mỹ Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một số bài hát/ bản nhạc quen thuộc	- Hát và vận động đơn giản theo một số bài hát/ bản nhạc phù hợp với độ tuổi. - Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ. Chủ đề: Bé và các bạn; Ai ngoan hơn búp bê, Lời chào buổi sáng; Đi nhà trẻ; Hát múa lân Nghe hát: Trường chúng cháu là trường

		mầm non, cô giáo; Chim mẹ chim con, Cò lã; Rước đèn dưới trăng Chủ đề: Đồ dùng đồ chơi của bé: Đôi dép; Em búp bê; Bóng tròn to; Nghe hát: Quả bóng Chiếc khăn tay, bé khỏe bé ngoan Chủ đề; Bé với gia đình thân yêu: Cháu yêu bà; Biết vâng lời mẹ, Mẹ yêu không nào; Cả nhà thương nhau. Nghe hát; Gia đình nhỏ hạnh phúc to; ba ngọn nến lung linh, chỉ có một trên đời, Bàn tay mẹ, cô giáo. Chủ đề; Những con vật đáng yêu: Chú bộ đội; Đi một hai; Là con mèo; Con gà trống; Cá vàng bơi; ếch ộp; Gà trống mèo con và cún con Nghe hát; Màu áo chú bộ đội; rửa mặt như mèo, Cháu thương chú bộ đội, voi làm xiếc, tôm cá cua thi tài. Chủ đề: Rau quả và những bông hoa đẹp: Quả; Bắp cải xanh; Sắp đến tết rồi, Bé mừng tuổi, Bé và hoa; Quà 8/3 ; Nghe hát: ra chơi vườn hoa, lý cây xanh, lý cây bông; Hoa trong vườn, Bầu và bí Chủ đề: Bé có thể đi khắp nơi bằng các phương tiện giao thông: Lái ô tô; Em tập lái ô tô, Đoàn tàu nhỏ xíu; Nghe hát: Em đi qua ngã tư đường phố, em đi chơi thuyền, đường em đi, anh phi công ơi, Đèn đỏ đèn xanh, Đi đường em nhớ, Lời cô dặn; Chúng em với an toàn giao thông Chủ đề: Mùa hè của bé: Mùa hè đến; Trời nắng trời mưa. Nghe hát: Mùa hè vui, Cho tôi đi làm mưa với, Gọi nắng về chơi, Nắng sớm; Khúc ca hè về Chủ đề: Bé lên mẫu giáo: Cháu đi mẫu giáo; Bé em tập nói; Em búp bê. Nghe hát: Trường mẫu giáo yêu thương; Em mơ gặp Bác Hồ, Nhớ ơn Bác. Trọn niềm kính yêu
--	--	---

		+ Trò chơi âm nhạc: Phân biệt âm thanh to nhỏ của 2 dụng cụ âm nhạc, Ai đoán đúng; Hãy bắt chước; Ai nhanh nhất; Thi ai giỏi...
46	Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, thích xem sách, tranh ảnh có màu sắc...(cầm bút, di màu, vẽ nguệch ngoạc)	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, xé, vò , nặn, xếp hình Chủ đề: Bé và các bạn; Tô màu cái xô cho cô cấp dưỡng; Chơi với đất nặn Chủ đề: Đồ dùng đồ chơi của bé: - Tô màu bong bóng; Tô màu cái trống lắc; Tô màu quả bóng, Nặn viên bi Chủ đề: Bé với gia đình thân yêu: Tô màu chiếc cốc; Vẽ hoa tặng cô giáo; Tô màu đường về nhà; Dán ảnh người thân trong gia đình; Trang trí thiệp tặng cô Chủ đề: Những con vật đáng yêu: Tô màu con cá heo; Tô màu con voi; Dán ảnh các con vật; Nặn thức ăn cho gà vịt; Nặn con giun Chủ đề: Rau quả và những bông hoa đẹp. Tô màu quả táo; Tô củ cà rốt; Dán lá cho cành hoa; Tô màu bánh chưng; Vẽ mưa mùa xuân; Nặn quả tròn; Nặn bánh tròn, nặn cánh hoa Chủ đề: Bé có thể đi khắp nơi bằng các phương tiện giao thông: Tô màu chiếc áo của mẹ; Tô màu ô tô; Tô màu mũ bảo hiểm Chủ đề: Mùa hè của bé: Vẽ các tia nắng; Tô màu chiếc ô Chủ đề: Bé lên mẫu giáo: Tô màu bánh ga tô
47	Mạnh dạn tham gia các hoạt động, trả lời câu hỏi và giao tiếp với những người gần gũi	Tham gia đầy đủ các hoạt động trong lớp: học, chơi, nhảy, múa...giơ tay phát biểu khi học và các hoạt động trong ngày - Giao tiếp với những người xung quanh



UBND XÃ AN CHÂU
TRƯỜNG MẦM DIỄN THỊNH

Phụ lục 1

KHUNG THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
ĐỘ TUỔI: 3- 4 TUỔI- NĂM HỌC 2025 - 2026

Kèm theo Kế hoạch số 93/KH-TrMN ngày 26 tháng 10 năm 2025)

TT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Tuần	Thời gian
1	Trường Mầm non (4 tuần)	-Trường MN Diễn Thịnh thân yêu	1	15/9 – 19/9
		- Lớp học của bé	2	22/9- 26/9
		- Bé vui hội trung thu	3	29/9- 3/10
		- Một số hoạt động của bé ở trường mầm non	4	6/10- 10/10
	Bản thân (3 tuần)	- Bé là ai?	5	13/10- 17/10
		- Cơ thể bé và bạn	6	20/10- 24/10
		- Bé cần gì lớn lên và khỏe mạnh	7	27/10- 31/10
3	Gia đình bé (4 tuần)	- Những người thân trong gia đình	8	3/11- 7/11
		- Ngôi nhà thân yêu của bé	9	10/11- 14/11
		- Cô giáo như mẹ hiền	10	17/11- 21/11
		-. Đồ dùng trong gia đình bé	11	24/11- 28/11
4	Lớn lên bé thích làm nghề gì? (4 tuần)	- Bé yêu bác nông dân	12	1/12- 5/12
		- Bé yêu cô chú công nhân	13	8/12- 12/12
		- Bé yêu chú bộ đội	14	15/12- 19/12
		- Bé thích làm bác sỹ	15	22/12- 26/12
5	Những con vật đáng yêu (4 tuần)	- Động vật nuôi trong gia đình (gia cầm)	16	29/12- 2/1
		-. Động vật nuôi trong gia đình (gia súc)	17	5/1- 9/1
		- Động vật sống dưới nước	18	12/1-16/1
		- Động vật sống trong rừng	19	19/1- 23/1
6	Thế giới thực vật (6 tuần)	- Bé yêu cây xanh	20	26/1- 30/1
		-.Một số loại rau-củ	21	2/2- 6/2
		- Bé vui đón tết mừng xuân	22	9/2- 13/2
		- Một số loại hoa	23	23/2- 27/2
		- Vui ngày 8/3	24	2/3- 6/3
		- Một số loại quả	25	9/3- 13/3
7	Bé tìm hiểu phương tiện và quy định giao thông(4 tuần)	- Phương tiện và quy định GT đường bộ	26	16/3- 20/3
		- Phương tiện và quy định GT đường sắt	27	23/3- 27/4
		- Phương tiện và quy định GT đường Thủy	28	30/3- 3/4
		- Phương tiện và quy định GT đường không.	29	6/4- 10/4
8	Nước và hiện tượng tự nhiên	- Bé biết gì về nước	30	13/4- 17/4
		- Một số hiện tượng tự nhiên	31	20/4- 24/4

	(3 tuần)	- Mùa hè của bé	32	27/4- 1/5
9	Quê hương Đất nước - Bác Hồ (3 tuần)	- Diễn Thịnh quê hương em	33	4/5- 8/5
		- Nghệ An yêu dấu	34	11/5- 15/5
		- Bác Hồ kính yêu	35	18/5- 22/5
	Tổng		35 tuần	

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC **Phụ lục 3**
ĐỘ TUỔI: 3- 4 TUỔI- NĂM HỌC 2025- 2026
(Kèm theo Kế hoạch số 93/KH-TrMN ngày 26 tháng 10 năm 2025)

TT	Mục tiêu	Nội dung
Lĩnh vực phát triển thể chất		
*Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe		
1	Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).	- Nhận biết một số thực phẩm như thịt, cá, trứng, rau và món ăn quen thuộc hàng ngày. Như: thịt kho, rau luộc, rau xào, canh..
2	Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày: Trứng rán, cá kho, canh rau...	
3	Trẻ biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...). + Kỹ năng làm sữa chua dầm hoa quả + Kỹ năng bóc trứng + Kỹ năng làm bánh
4	Trẻ biết thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn. - Rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Tháo tất, cởi quần, áo.	- Làm quen cách đánh răng, lau mặt, súc miệng. - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Tháo tất, cởi, mặc quần, áo - Sử dụng bát, thìa, cốc uống nước đúng cách - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. + Kỹ năng rửa tay, lau mặt +Kỹ năng gấp quần áo; + Kỹ năng cởi áo + Kỹ năng đi tất + Kỹ năng đeo khẩu trang. + Kỹ năng lau đất
5	Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách	-Sử dụng cầm thìa bằng tay phải, cầm bát bằng tay trái, cầm cốc ở quai đúng kí hiệu.
	Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống	- Hành vi văn minh trong ăn uống, sinh hoạt hàng ngày(uống nước đã đun

6	nước đã đun sôi...	sôi, rót vừa lượng nước để uống, tự uống nước khi khát. + Kỹ năng rót nước - Ăn hết khẩu phần, không kén chọn thức ăn, mời cô, mời bạn trước khi ăn, ăn gọn gàng, không xúc thức ăn của mình sang bát của bạn, nhặt thức ăn rơi vãi và bỏ vào đĩa, không ăn quà vặt.
7	Trẻ có một số hành vi đúng sai trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở	Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.(Vệ sinh răng miệng) - Nhận biết trang phục theo thời tiết.(đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học) - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm.
8	Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm(bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...)tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi ...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. + Kỹ năng an toàn với vật sắc nhọn + Kỹ năng phòng tránh đuối nước
9	Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... Không tự lấy thuốc uống. - Không leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn. - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp. - Kỹ năng không nhận quà và đi theo người lạ - Kỹ năng an toàn khi ngồi trên xe máy - Kỹ năng đội mũ bảo hiểm

<i>* Phát triển vận động</i>		
10	Trẻ khỏe mạnh. Cân nặng và chiều cao nằm trong kênh A - Trẻ trai: + Cân nặng đạt từ 12,7 kg- 21,2 kg + Chiều cao đạt từ 94,9 cm - 111,7cm - Trẻ gái: + Cân nặng đạt từ 12,3kg -21,5kg + Chiều cao đạt từ 94,1cm - 111,3cm	- Ăn đầy đủ các chất dinh dưỡng, - Tập các bài tập thể dục thường xuyên - Vệ sinh trong ăn uống và vệ sinh cá nhân sạch sẽ. - Cân đo theo dõi biểu đồ, khám sức khỏe định kỳ - Tổ chức các bài tập, trò chơi phát triển vận động. - Nhận biết béo phì, suy dinh dưỡng, Nguyên nhân của béo phì và suy dinh dưỡng.
11	Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	- Hô hấp: Hít vào thở ra. - Tay, vai + Đưa hai tay lên cao, ra phía trước dang ngang + Đưa 2 tay sang ngang, đưa lên cao + Hai cánh tay chéo trước ngực đưa lên cao + Bắt chéo hai tay về phía trước và ra sau + Từng tay đưa lên cao, hai tay giang ngang - Lưng bụng lườn + Đứng cúi về phía trước + Đứng nghiêng người sang trái, sang phải. + Đứng quay người sang trái sang phải + Đứng cúi người về trước. + Đứng nghiêng người sang 2 bên, kết hợp tay đưa lên cao hoặc đặt sau gáy. - Chân: + Đứng khụy gối + Bước lên phía trước, ra sau, bước sang , ngồi xuống đứng lên, bật tại chỗ + Nâng cao chân, gập gối + Bật tách chụm chân tại chỗ + Bật lên phía trước, lùi lại, sang bên.
12	Trẻ biết giữ thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi, chạy và	+ Đi kiễng gót + Đi trong đường hẹp + Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát

	kiểm soát được vận động	+ Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh + Đi theo đường đích dắc + Chạy thay đổi hướng theo đường đích dắc
13	Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: tung, ném, bắt, bắt, lăn, đập	+ Tung bóng cho cô + Tung bóng lên cao bằng 2 tay + Bắt bóng với cô bằng 2 tay + Lăn bóng và đi theo bóng + Đập- bắt bóng với cô. + Ném xa bằng 1 tay. + Ném xa bằng 2 tay + Ném trúng đích bằng 1 tay. +Chuyên bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc
14	Trẻ biết thực hiện một cách khéo trong vận động: bò, trườn, trèo	+ Bò theo hướng thẳng. + Trườn theo hướng thẳng + Bò theo đường đích dắc +Trườn về phía trước + Bò chui qua cổng. + Bước lên, xuống bục (cao 30cm)
15	Trẻ biết phối hợp tay -chân trong vận động: bật, nhảy	+Bật tại chỗ. +Bật tiến về phía trước +Bật xa 20 - 25 cm.
16	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp	+ Ném xa- chạy 15m + Trườn sấp- đập bóng + Bật qua dây – chuyên bóng sang hai bên + Bật xa – Ném xa- Chạy 15m + Đi trong đường hẹp- bò bằng bàn tay, cẳng chân(bò thấp) + Bò thấp chui qua cổng- bật theo ô
17	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động - Vẽ được hình tròn theo mẫu. - Cắt thẳng được một đoạn 10 cm. - Xếp chồng 8 - 10 khối không đổ. - Tự cài, cởi cúc.	- Gập các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay...(các trò chơi dân gian với tay như đôi chim, oản tù tì, làm bóng hình tay...) - Đan tết. - Đóng mở nắp chai, lọ, hộp - Ghép hình, xếp chồng các hình khối khác nhau - Xé, dán giấy. - Sử dụng kéo, bút

		- Tô vẽ nguệch ngoạc - Cài, cỏi cục + Chơi, hoạt động ở các góc
Lĩnh vực phát triển nhận thức		
18	<i>* Khám phá khoa học</i> - Trẻ quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng. Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng quen thuộc khi được hỏi	Quan sát, Sự vật, con vật, cây cối - Hiện tượng nắng mưa, nóng lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ + Một số hiện tượng tự nhiên + Mùa hè của bé - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm + Ngày và đêm - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây. + Bé biết gì về nước - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. + Không khí xung quanh bé, viên sỏi kỳ diệu, Bé biết gì về cát.
19	Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,... để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. + Khám phá cơ thể bé + Thử cảm giác sờ vào nước nóng nước lạnh ...
20	Trẻ biết làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng.	+ Trải nghiệm vật chìm nổi, tan và không tan + Trải nghiệm pha màu nước, pha nước đường, nước muối, nước chanh, chong chóng gió, bong bóng xà phòng, nước trôn đi đâu...
21	Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo	Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.
22	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. + Ngôi nhà thân yêu của bé + Đồ dùng trong gia đình bé
23	Trẻ biết mô tả những dấu hiệu	- Tên, đặc điểm, công dụng của một số

	nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	phương tiện giao thông quen thuộc. + Phương tiện giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường không - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. + Một số động vật nuôi trong gia đình (gia súc, gia cầm) + Động vật sống dưới nước + Động vật sống trong rừng + Một số côn trùng + Cây xanh xung quanh bé + Một số loại hoa + Một số loại quả + Một số loại rau
24	<i>* Khám phá xã hội</i> Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, chức năng của một số bộ phận cơ thể, giác quan của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	+ Tên tuổi, giới tính của bản thân - Bé giới thiệu về mình - Cơ thể bé và bạn
25	Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình. Nói được địa chỉ của gia đình	- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. - Địa chỉ gia đình + Những người thân trong gia đình bé
26	Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	Trường Mn Diên Thịnh thân yêu +Lớp học của bé + Một số hoạt động của bé ở trường mầm
27	Trẻ kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.	Tên gọi,sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến. + Bé yêu bác nông dân + Bé yêu cô chú công nhân + Bé yêu chú bộ đội + Bé thích làm bác sĩ
28	Trẻ kể tên một số lễ hội: Tết Trung thu, 20/11...qua trò chuyện, tranh ảnh.	- Các ngày hội trong trường mầm non và lễ hội địa phương. + Bé vui đón tết trung thu + Ngày hội cô giáo như mẹ hiền 20/11 + Ngày thành lập quân đội nhân dân việt nam 22/12 + Bé vui đón tết + Vui ngày 8/3
	Trẻ kể tên một vài danh lam, thắng	Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh

29	cảnh ở địa phương.	lam, thẳng cảnh. - Nghệ an yêu dấu - Diễn Thịnh quê em
30	<i>*Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</i> Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng
31	Trẻ đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và so sánh Sự khác biệt rõ nét về số lượng của 2 nhóm đồ vật. Sử dụng đúng từ: nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau. + 1 và nhiều + Đếm đến 2 và nhận biết nhóm có 2 đối tượng + Đếm đến 3 và nhận biết nhóm có 3 đối tượng. + Đếm đến 4 và nhận biết nhóm có 4 đối tượng + Đếm đến 5 và nhận biết nhóm có 5 đối tượng
32	Trẻ so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	
33	Trẻ biết biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	Gộp hai nhóm đối tượng và đếm. Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn. - Tách, gộp trong phạm vi 3. - Tách, gộp trong phạm vi 4. -Tách, gộp trong phạm vi 5
34	Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm.	
35	Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Xếp tương ứng 1-1(ghép đôi). - Xếp xen kẽ
36	Trẻ so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.	- So sánh 2 đối tượng về kích thước. + So sánh sự khác biệt về chiều dài của 2 đối tượng + So sánh sự khác biệt về chiều cao của 2 đối tượng + So sánh sự khác biệt về chiều rộng của 2 đối tượng + So sánh sự khác biệt về độ lớn của 2 đối tượng
37	Trẻ nhận dạng và gọi tên các hình:	+Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông,

	tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. + Nhận biết hình tròn, hình vuông + Nhận biết hình tam giác, hình chữ nhật + Chắp ghép các hình học để tạo thành bông hoa. + Chắp ghép các hình học để tạo thành phương tiện giao thông...
38	Trẻ sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	+ Nhận biết tay phải - tay trái của bản thân + Nhận biết phía trên - phía dưới; phía trước - phía sau của bản thân.
Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ		
39	<i>*Nghe</i> Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản.	Nghe, hiểu lời nói và làm theo yêu cầu đơn giản
40	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả...	- Nghe hiểu các từ chỉ người, đồ dùng, sự vật, hành động hiện tượng, gần gũi quen thuộc.
41	Trẻ lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	+ Trả lời và đặt câu hỏi: “Ai?”; “Cái gì?”; “Ở đâu?”; “Khi nào?”.
42	<i>*Nói</i> Trẻ nói rõ các tiếng.	Phát âm các tiếng của tiếng việt.
43	Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm ..	Mô tả sự vật, tranh ảnh, có sự giúp đỡ
44	Trẻ biết sử dụng được câu đơn, câu ghép.	+ Nghe, hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng + Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu mở rộng.
45	Trẻ biết kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân.	+ Kể lại sự việc như: đi thăm ông bà, đi chơi, đi xem phim, đi công viên, đi siêu thị...
46	Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. Chủ đề trường MN: Giờ ăn (Lương Bình), Cô giáo của con (Hà Quang), Chúng ta đều là bạn (Phạm Mai Chi Và Hoàng Dân), Sáo học nói (Mai Ngọc Uyển), Chơi bập bênh (Trần nguyên Đào); Giờ ngủ (Lê Thị Hoa); Cô dạy

	(Phạm Hồ), Bạn mới(Nguyệt Mai), Mẹ và cô(Trần Quốc Toàn) Chủ đề bản thân:- Bé ơi (Phong Thu); Đôi mắt của em (Lê Thị Mỹ Phương); Chối ngoan (Vũ Thị Minh Tâm), Tay ngoan (Võ Thị Như Chơn); Cái lưỡi (Lê Thị Mỹ Phương); Bạn của bé (Vương Trọng) Bác bầu bác bí (Trường MN Ngọc Lan II), Gấu qua cầu (Ngọc Trâm sưu tầm); Thỏ bông bị ốm. Chủ đề Gia đình bé:Thăm nhà bà(Như Mạo); Khách đến rồi(Lương Bình & Kim Tuyền); Chiếc quạt nan(Xuân Cầu); Gió từ tay mẹ (Vương Trọng); Cháu ngoan(Huỳnh Thị Cúc), Chia bánh(Trương Hữu Lợi), Mẹ và cô(Trần Quốc Toàn); công cha như núi thái sơn Chủ đề: Lớn lên bé thích làm nghề gì: Làm nghề như bố(Thu Quỳnh); Em làm thợ xây(Hoàng Dân); Các cô thợ(Thi Ngọc); Làm họa sĩ dễ thôi (Tùng Bách); Chú bộ đội của em (sưu tầm), hươu cao cổ(Định Hải) Chủ đề: Những con vật đáng yêu: Đàn gà con(Phạm Hồ), Rong và cá(Phạm Hồ), chim én (Nhược thủy), con chuồn chuồn ớt (xuân Nùng), Gấu qua cầu (Ngọc Trâm), con trâu(Thanh Thảo), Bối tôi là vịt (Phạm TháiQuỳnh), Đàn kiến (Nhược thủy), cá ngừ ở đâu(Thùy Linh dịch),)Chim sâu Chủ đề: Thế giới thực vật - Tết và mùa xuân Cây dây leo(Xuân Tửu), Bắp cải xanh(
--	--

		Phạm Hồ), Quả (Sưu tầm), Tết đang vào nhà (Nguyễn Hồng Kiên), Hoa đào (Mai Văn Hải), Củ cà rốt (Phạm Hồ); Hoa mào gà (Thanh Hà); Thỏ con ăn gì. Chủ đề: Bé tìm hiểu phương tiện và QDGT Xe chữa cháy(Phạm Hồ), Đèn đỏ đèn xanh(Định Hải), Xe đổ rác(Sưu tầm); Đi cầu đi quán(Đồng dao); Đàn kiến nó đi(Định Hải), Bé và mẹ(Lương Thị Xiêm) Chủ đề: Nước và các hiện tượng tự nhiên: Gió (Đặng Hân), Nắng ấm(Xuân Thu), Trăng sáng (Nhược Thủy & Phương Hoa), Bé yêu trăng(Lê Bình), Mưa làm nũng (Nguyễn Trọng Hoàn), Nước (Vương Trọng), Cầu vồng(Nhược Thủy) Sóng bạc đầu Chủ đề: Quê hương Đất nước - Bác Hồ: Ai dậy sớm(Võ Quảng), Ngôi nhà(Tô Hà), Làng em buổi sáng (Nguyễn Đức Hậu), Bác Hồ của em(Phan Thị Thanh Nhàn), Em yêu miền nam (sưu tầm), Bé tập nói (Trần Thị Nhật Tân) - Mùa hè
47	Trẻ kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe, kể lại truyện đã được nghe có sự giúp đỡ.
48	Trẻ biết bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	- Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên. Chủ đề: Trường mầm non Anh chàng mèo mướp(Theo báo Họa My), Gấu qua cầu (Sưu tầm), Đôi bạn tốt(Sưu tầm) ; Bạn mới (Thu Hằng); Có một bầy hươu (Vũ Hùng) Nếu không đi học (Thu Hằng), Ai tài giỏi hơn(NXBGD), Sự tích chú cuội cung trăng (Truyện cổ tích việt nam)... Chủ đề: Bản thân Món quà đặc biệt (Thanh Bình); Mỗi người một việc (Lê Thu Hương và Lê Thị Đức); Câu chuyện của tay phải và tay trái (Lý Thị Minh Hà); Bé Minh Quân dũng cảm (Minh

	Hương);Thỏ trắng biết lỗi (Phùng Kim Liên); Gấu con bị đau răng (Tạ Thị Liên); Cậu bé mũi dài... Chủ đề: Gia đình bé Nhỏ củ cải(Phỏng theo truyện dân gian Nga); Bông hoa cúc trắng(Phỏng theo truyện cổ Nhật Bản); Ba cô tiên; Chiếc ấm sành nở hoa(Kim Tuyến); Bó hoa tươi thắm(Phạm Mai Chi); Cháu ngoan(Huỳnh Thị Cúc)... Chủ đề: Lớn lên bé thích làm nghề gì Người làm vườn và các con trai; Lợn và cừu; Cả nhà đều làm việc; Bác sĩ chim, Gà trống choai và hạt đậu(Suru tâm), Ba chú lợn nhỏ; Câu truyện về chú xe ủi... Chủ đề: Những con vật đáng yêu Bác gấu đen và hai chú thỏ(Dương Đình Hy), Giọng hát chim Sơn Ca(Thu Thủy), Ba con Gấu(Minh Trang), Cóc kiện trời(Theo truyện thần thoại Việt Nam), Rùa con tìm nhà(Thanh Mai), Chú vịt xám(Thu Thủy).Chuột, gà trống và mèo... Chủ đề: Thế giới thực vật - Tết và mùa xuân Sự tích các loài hoa (Hạ Huyền), Chú đồ con(Viết Linh) ,Cỏ và lúa(Nguyễn Văn Chương), Sự tích Hoa mào gà(Thùy Dương), Rau thìa là(Nhược Thủy), Sự tích ngày tết; Bé hành đi khám bệnh (Hồng Hạnh), ... Chủ đề: Bé tìm hiểu phương tiện và QĐGT Xe lu và xe ca(Phong Thu), Ai quan trọng hơn(Suru tâm), Xe đạp trên đường phố(Thu Hạnh); Ô tô con học bài... Chủ đề: Nước và các hiện tượng tự nhiên Nàng tiên mưa (Võ Thị Thương), Chú bé giọt nước (Hoài Khánh); Biển, sông và suối(Thúy Toàn dịch); Đám mây đen xấu xí(Nguyễn Văn Thắng), Cô con út của ông mặt trời...
--	---

		Chủ đề: Quê hương Đất nước - Bác Hồ Niềm vui bất ngờ(Theo bác Hồ kính yêu), Khen các cháu (Đào Đức – Sơn Liên); Ai ngoan sẽ được thưởng(Tụy Phương – Thanh Tú kể);...
49	Trẻ biết sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa, ... trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị lễ phép.
50	Trẻ đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen cách sử dụng sách, cách đọc sách(hướng đọc từ trái qua phải, từ dòng trên xuống dòng dưới). - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc truyện” - Giữ gìn sách. + Chơi hoạt động các góc + Chơi theo ý thích
51	<i>* Làm quen với đọc viết</i> Nhìn vào hình ảnh minh họa nhận ra một số ký hiệu thông thường	- Làm quen với 1 số ký hiệu: nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường dành cho người đi bộ....
52	Trẻ thích vẽ, “viết” nguệch ngoạc	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Làm quen với cách viết tiếng viết (hướng viết từ trái qua phải, từ dòng trên xuống dòng dưới).
53	<i>Ngoại ngữ:</i> Nghe và nhận diện, nhận biết được một số từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật hiện tượng và hành động rất đơn giản quen thuộc với lứa tuổi.	Nghe và nhận diện, nhận biết nhắc lại được từ chỉ số từ 1 đến từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật hiện tượng và hành động rất đơn giản quen thuộc với lứa tuổi.
Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ		
54	Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm các bài hát bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
55	Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc;	Nghe các bài hát, bản nhạc(nhạc thiếu nhi, nhạc dân ca). Chủ đề: Trường mầm non Ngày đầu tiên đi học(Nguyễn Ngọc Thiệp), Đi học (Bùi Đình Thảo), Bài ca đi học (Phan Trần Bảng), Chiếc đèn ông sao(

	Phạm Tuyên)... Chủ đề: Bản thân Thật đáng chê(Theo điệu “Bắc Kim Thang, Lời Việt Anh); Ru em(Dân ca Xê Đăng)), Năm ngón tay ngoan; Chủ đề: Gia đình bé Khúc hát ru của người mẹ trẻ(Nhạc Phạm Tuyên – Thơ: Lâm Thị Mỹ Dạ); Ba ngọn nến lung linh(Ngọc Lễ); Bó là tất cả(Thập Nhất); Cho con(Phạm Trọng Cầu, Lời thơ: Tuấn Dũng); Ngôi sao nhỏ(Nhạc Trương Quang Lục, lời thơ: Ngọ; Em là bông hồng nhỏ(Trịnh Công Sơn Chủ đề: Lớn lên bé thích làm nghề gì Đi cấy(Dân ca Thanh Hóa); Xe chỉ luôn kim(Dân ca Quan họ Bắc Ninh); Dân ca tự chọn, “Anh phi công ơi”(Xuân Giao), “Hạt gạo làng ta”(Nguyễn Viết Bình); Chú bộ đội và cơn mưa Chủ đề: Những con vật đáng yêu Bắc kim thang(Dân ca Nam Bộ); Rửa mặt như mèo(Hàn Ngọc Bích), Thương con mèo(Huy Du), Con chim vành khuyên(Hoàng Vân); Cò lả(Dân ca Đồng bằng Bắc Bộ); Lý con sáo Gò Công(Dân ca Nam Bộ), Chú ếch con(Phan Nhân), Cái bóng(Phan Trà Chủ đề: Thế giới thực vật - Tết và mùa xuân Cây trúc xinh (Dân ca Quan họ Bắc Ninh), Lý cây bông (Dân ca Nam Bộ), Trồng cây (Phạm Tuyên), Mùa xuân ơi (Nguyễn Ngọc Thiện), Hoa thơm bướm lượn (Dân ca Quan họ Bắc Ninh), Dân ca địa phương, Ngày tết quê em (Từ Huy), Chủ đề: Bé tìm hiểu phương tiện và QĐGT Đi trên vỉa hè bên phải(Nguyễn Thị Thanh), Tàu hỏa (Bùi Anh Tôn), Dân ca tự chọn; Nhớ lời cô dặn(Hồng Ngọc); Bạn ơi có biết(Hoàng Văn Yến) Chủ đề: Nước và các hiện tượng tự
--	---

		nhiên Mưa rơi(Dân ca Xá), Ánh trăng hòa bình(Nhạc Hồ Bắc, Lời: Mộng Lân), Bốn mùa(Hoàng Long), Bé và trăng (Bùi Anh Tôn); Tôi là gió(Trình Tuấn Khanh), Hạt nắng hạt mưa, Đêm phao... Chủ đề: Quê hương Đất nước - Bác Hồ Đêm pháo hoa (Phạm Tuyên),Từ rừng xanh cháu về thăm Lăng Bác (Hoàng Long – Hoàng Lân), Xòe hoa (Dân ca Thái), Em như chim câu trắng (Trần Ngọc) Dân ca tự chọn, Về quê mình Diễn Châu.
56	+ Múa: Nắm được các động tác cơ bản, các thế tay chân. + Thể dục Aerobic Nghe cảm nhận âm nhạc dần trong tâm thức, tập các động tác, kỹ năng, hoạt động nhảy thông qua các bài đã học(tách, khép, nâng gối, uốn, duỗi, đá chân...)	Trẻ thể hiện được các thế tay chân, các động tác cơ bản trong bài.
57	Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình
58	Trẻ hát tự nhiên, vận động theo nhịp điệu(theo phách, theo nhịp, minh hòa) vận động theo ý thích theo giai điệu bài hát bản nhạc quen thuộc.	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát - Vận động đơn giản theo nhịp điệu của một số bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp. Vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc Chủ đề: Trường mầm non Cháu đi Mẫu giáo(Phạm Thanh Hưng), Quả bóng (Huy Trân), Trường chúng cháu là trường Mầm non(Phạm Tuyên), Vui đến trường(Hồ Bắc); Hoa bé ngoan (Hoàng Văn Yên); Rước đèn (Đỗ mạnh Thường), Đêm trung thu (Phùng Như Thạch) + Biểu diễn cuối chủ đề Chủ đề: Bản thân Mừng sinh nhật(Nhạc Anh, Lời Đào Ngọc

	Dung); Em ngoan hơn búp bê(Phùng Như Thạch); Tay thơm tay ngoan(Bùi Đình Thảo), Nào chúng ta cùng tập thể dục(Thu Hiền)..., + Biểu diễn cuối chủ đề Chủ đề: Gia đình bé Cháu yêu bà(Xuân Giao), Chiếc khăn tay(Văn Tấn); Đi học về(Hoàng Long – Hoàng Lâm); Biết vâng lời mẹ(Minh Khang), Nhà của tôi(Thu Hiền), Mẹ đi vắng(Trịnh Công Sơn), Mẹ yêu không nào; Cô và mẹ(Phạm Tuyên), + Biểu diễn cuối chủ đề Chủ đề: Lớn lên bé thích làm nghề gì Cháu yêu cô chú công nhân(Hoàng Văn Yến), Đội kèn tí hon(Phan Huỳnh Điểu), Tập đi đều(Kim Hữu), Đi một hai(Đoàn Phi), Cháu thương chú bộ đội; Các cô thợ, Ước mơ của bé, Bác nông dân, Cô tiên áo trắng(Nguyễn Văn Trường), Làm chú bộ đội(Hoàn + Biểu diễn cuối chủ đề Chủ đề: Những con vật đáng yêu Ai cũng yêu chú mèo(Kim Hữu); Đàn vịt con(Mộng Lâm), Gà trống mèo con cún con(Thế Vinh); Chú gà trống gọi(Kim Hữu). Voi làm xiếc(Nhạc Anh, lời viết: Phan Hiền); Cá vàng bơi(Nguyễn Hà Hải); Con chim non(Lý Trọng), + Biểu diễn cuối chủ đề Chủ đề: Thế giới thực vật - Tết và mùa xuân Cây bắp cải(Nhạc Thu Hóng, lời Phạm Hổ), Sắp đến tết rồi(Hoàng Vân), Quả(Xanh Xanh); Mùa xuân(Hoàng Văn Yến) + Biểu diễn cuối chủ đề Chủ đề: Bé tìm hiểu phương tiện và QĐGT Đường và chân(N: Hoàng Long- T: Xuân Tươi), Đường em đi(Nhạc: Ngô Quốc Tính, lời thơ: Tường Vân), Đèn xanh đèn đỏ(Nhạc Lương Vĩnh, ý thơ: Thế Hội),
--	---

		Đoàn tàu nhỏ xíu(Mộng Lân); + Biểu diễn cuối chủ đề Chủ đề: Nước và các hiện tượng tự nhiên Trời nắng trời mưa(Đặng Nhật Mai), Đêm phao, Mùa hè đến(Nguyễn Thị Nhung), Cháu vẽ ông mặt trời(Tân Huyền); Trên cát(Nhạc Anh, Lời Việt: Phan Hương), Bé và trăng(Bùi Anh Tôn), Mây và gió(Minh Quân)... + Biểu diễn cuối chủ đề Chủ đề: Quê hương Đất nước - Bác Hồ Nhớ ơn Bác(Phan Huỳnh Điểu), Em mơ gặp Bác Hồ, (Hoàng Long) + Biểu diễn cuối chủ đề + Trò chơi âm nhạc: Đoán tên bạn hát; ai đoán giỏi; Ai nhanh nhất; Tai ai tinh; Nghe thẩu vỗ tay; Thi ai nhanh; vận động theo tính chất bản nhạc; giọng hát to giọng hát nhỏ; Ô cửa bí mật; nghe giai điệu đoán tên bài hát... + Chơi, hoạt động ở góc nghệ thuật; Múa hát về chủ đề + Chơi theo ý thích; Ôn các bài hát trong chủ đề
59	Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm . Sử dụng một số kỹ năng tô màu, vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản. Chủ đề Trường MN: Tô màu đu quay; Tô màu chùm bóng bay; Tô màu đèn lồng; Dán bẹp bênh; nặn hòn bi, làm đèn lồng... Chủ đề Bản thân: Tô màu mũ bé trai bé gái; Làm chiếc nơ; nặn vòng tặng bạn; Trang trí khăn mùi soa; Nặn đồ dùng của bé, Làm quà tặng bạn, thiết kế trang phục.. Chủ đề Gia đình: Tô màu bức tranh gia đình; Tô màu ngôi nhà của bé; Làm quà tặng cô giáo; Vẽ bình hoa; Dán cái cốc; Nặn đồ dùng trong gia đình; Làm đồ dùng trong gia đình...
60	Trẻ biết tô màu, vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	
61	Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	
62	Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	
63	Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có	

	cấu trúc đơn giản.	Chủ đề Lớn lên bé thích làm nghề gì: Tô màu sản phẩm nghề nông; dán cái thang; Vẽ những cuộn len; Nặn sản phẩm của nghề nông; Làm quà tặng chú bộ đội.... Chủ đề những con vật đáng yêu: Xé dán con sứa; Trang trí con sao biển; Vẽ con gà con; Tô màu hươu cao cổ; Cắt dán con cá; nặn con giun; Làm một số con vật... Chủ đề thế giới thực vật- Tết và mùa xuân: Tô màu cây ăn quả, vẽ quả cà chua, quả bí xanh, Vẽ những bông hoa bằng dầu vân tay; Xé dán quả chuối; Xé dán tán lá cây; Xé dán bánh chưng; Làm hoa; Làm mứt, kẹo, Gói bánh chưng, Nặn một số loại quả, Nặn củ cà rốt, Tô màu bình hoa... Chủ đề giao thông: Vẽ ô tô; Vẽ xe máy, Ghép hình ô tô; Làm cánh bướm. Làm một số phương tiện giao thông.... Chủ đề Nước và một số hiện tượng tự nhiên: Trang trí chiếc phao; xé dán chiếc ô che mưa; Vẽ mưa, cây cỏ; Xé dán tia nắng mặt trời; làm chuông gió, , chong chóng... Chủ đề Quê hương- Đất nước- Bác hồ: Tô màu dây cò; Xé dán đuôi diều; làm diều ... + Chơi, hoạt động góc ở các chủ đề + Hoạt động theo ý thích
64	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình.	Nhận xét các sản phẩm tạo hình + Hoạt động học +Chơi, hoạt động ở các góc + Chơi, hoạt động theo ý thích
65	Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích
66	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	Đặt tên cho sản phẩm của mình
Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội		
67	Trẻ nói được tên tuổi, giới tính của bản thân, điều bé thích, không thích	- Tên tuổi, giới tính của bản thân. - Những điều bé thích, không thích.
68	Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động.	- Tự tin khi tham gia vào hoạt động - Thực hiện công việc được giao(trực nhật, thu dọn đồ chơi, chia giấy vẽ, xếp đồ

69	Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao	chơi...)
70	Trẻ nhận biết được cảm xúc qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	Nhận ra một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.
71	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động.
72	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ. Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	- Qua nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ + Bác Hồ kính yêu
73	Trẻ quan tâm đến cảnh đẹp thiên nhiên, lễ hội truyền thống của quê hương nơi đang sống.	- Quan tâm đến cảnh đẹp quê hương, lễ hội của quê hương, đất nước. Diễn thịnh quê hương em; Nghệ an yêu dấu
74	Trẻ biết thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình	Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ).
75	Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	Cử chỉ, lời nói lễ phép (Chào hỏi, cảm ơn) - Nhận biết hành vi “ đúng - sai”, “ tốt - xấu” + Kỹ năng chào hỏi lễ phép
76	Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	Chờ đến lượt - Chơi hòa thuận với bạn.
77	Trẻ quan tâm đến môi trường, thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây. Biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Bảo vệ, chăm sóc con vật, cây cối. - Tiết kiệm điện nước - Giữ gìn vệ sinh môi trường. Nhặt bỏ rác đúng nơi quy định +Kỹ năng bỏ rác đúng nơi quy định

**NGƯỜI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Lành



Phạm Thị Hương



UBND XÃ AN CHÂU
TRƯỞNG MẦM NON DIÊN THỊNH

Phụ lục 1

A.KHUNG THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH GIÁO DỤC TRẺ
ĐỘ TUỔI: 4-5 TUỔI- NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo Kế hoạch số 93/KH-MNDT ngày 26 tháng 9 năm 2025)

TT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Tuần	Thời gian
	Trường mầm non (4 tuần)	- Trường mầm non Diên Thịnh thân yêu	1	15/9-19/9/2025
		- Lớp học của bé	2	22-26/9/2025
		- Bé vui đón tết trung thu	3	29/9-3/10/2025
		- Một số hoạt động ở trường mầm non	4	6/10/10/2025
2	Bản thân (3 tuần)	- Bé tự giới thiệu về mình	5	13-17/10/2025
		- Cơ thể bé và bạn	6	20-24/10/2025
		- Bé cần gì lớn lên và khỏe mạnh	7	27-31/10/2025
3	Gia đình bé (4 tuần)	- Những người thân trong gia đình	8	3-7/11/2025
		- Ngôi nhà thân yêu của bé	9	10-14/11/2025
		- Cô giáo như mẹ hiền	10	17-21/11/2025
		- Đồ dùng trong gia đình bé	11	24-28/11/2025
4	Lớn lên bé thích làm nghề gì? (4 tuần)	- Bé yêu bác nông dân	12	01-05/12/2025
		- Bé yêu cô chú công nhân	13	8-12/12/2025
		- Bé yêu chú bộ đội	14	15-19/12/2025
		- Bé thích làm bác sỹ	15	22-26/12/2025
5	Những con vật đáng yêu. (4 tuần)	- Động vật nuôi trong gia đình	16	29/12-1/01/2026
		- Động vật sống dưới nước	17	5-9/01/2026
		- Động vật sống trong rừng	18	12-16/01/2026
		- Côn trùng và một số loài chim	19	19-23/01/2026
6	Thế giới thực vật - Tết và mùa xuân (7 tuần)	- Bé yêu cây xanh	20	26-30/01/2026
		- Một số loại rau, củ	21	2-6/02/2026
		- Bé vui đón tết	22	9-13/02/2026
		- Một số loại quả	23	23-27/02/2026
		- Ngày vui 08/03	24	2-6/03/2026
		- Mùa xuân của bé	25	9-13/3/2026
		Một số loài hoa	26	16-20/3/2026
7	Bé tìm hiểu phương tiện và QĐGT (3 tuần)	Phương tiện và QĐGT đường bộ, đường sắt	27	23-27/3/2026
		- Phương tiện và quy định GT đường thủy, đường không	28	30/3-3/4/2026
		- Một số biển báo giao thông	29	6-10/4/2026

8	Nước và các hiện tượng tự nhiên (3 tuần)	- Bé biết gì về nước	30	13-17/4/2026
		- Một số hiện tượng tự nhiên	31	20-24/4/2026
		- Mùa hè của bé	32	27/4-1/5/2026
9	Quê hương Đất nước - Bác Hồ (3 tuần)	- Diễn Châu quê hương em	33	4 -8/5/2026
		- Bác Hồ kính yêu !	34	11-15/5/2026
		-Nghệ An yêu dấu	35	18-22/5/2026
Tổng :			35 tuần	

B. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC

Mục tiêu	Nội dung
<i>Lĩnh vực Phát triển thể chất</i>	
<i>* Phát triển vận động</i>	
1. Trẻ khoẻ mạnh, cơ thể phát triển cân đối, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi Trẻ trai : + Cân nặng từ 14.4 - 23.5 kg + Chiều cao từ 100.7 - 119.1cm Trẻ gái : + Cân nặng từ 13.8 - 23.2 kg + Chiều cao từ 99.5 - 117.2 cm	- Nâng cao chất lượng bữa ăn, đổi mới hình thức tổ chức bữa ăn - Cân đo theo dõi biểu đồ, khám sức khỏe định kỳ - Tổ chức các bài tập, trò chơi phát triển vận động.
2. Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh	– <i>Hô hấp:</i> Hít vào, thở ra. – <i>Tay:</i> + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). – <i>Lưng, bụng, lườn:</i> + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. – <i>Chân:</i> + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.
3. Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi	- Đi trên ghế TD - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m - Đi trên vạch thẳng kẻ sàn (Có thể đưa vào trò chơi vận động)
4. Trẻ kiểm soát được vận động: đi, chạy	- Đi, chạy thay đổi tốc độ, theo hiệu lệnh, zích zắc(đổi hướng) theo vật chuẩn - Chạy chậm 60-80m - Chạy 15 m trong khoảng 10 giây
5. Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: tung, ném, bắt, chuyền, đập.	- Tung bóng lên cao và bắt bóng - Tung bắt bóng với người đối diện - Ném xa bằng một tay - Ném xa bằng 2 tay - Ném trúng đích bằng 1 tay - Ném trúng đích thẳng đứng

	- Chuyên, bắt bóng qua đầu, qua chân. - Đập và bắt bóng tại chỗ
6. Trẻ biết thực hiện một cách khéo léo trong vận động: Bò, trườn, trèo	- Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m - Bò đích dắc qua 5 điểm - Bò chui qua ống dài - Bò chui qua cổng - - Trườn theo hướng thẳng. - Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. - Trèo lên, xuống 5 giống thang.
7. Trẻ phối hợp tay- chân trong vận động bật, nhảy	- Bật liên tục về phía trước. - Bật xa 35 - 40cm. - Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm). - Bật tách chân, khép chân qua 5 ô - Bật qua vật cản cao 10-15cm\ - Nhảy lò cò 3m
8. Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp	- Bật xa- ném xa- chạy nhanh 10 m - Nhảy lò cò- Ném trúng đích nằm ngang - Bật xa- Ném xa bằng 1 tay- Chạy 12m
9. Trẻ biết thực hiện được các cử động của bàn tay, ngón tay.	- Cuộn,vo xoáy tròn cổ tay, xoắn, vặn, gấp mở các ngón tay, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nới....
10. Trẻ biết phối hợp được cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt trong một số hoạt động	- Gấp giấy. - Lấp ghép hình - Xé, cắt đường thẳng - Tô, vẽ hình - Cài, cởi cúc, kéo khóa, khâu luồn, buộc dây - Xếp chồng -Tết sợi
*Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
11. Trẻ biết một số món ăn, thực phẩm thông thường, cùng nhóm và ích lợi của chúng với sức khỏe	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm TP (Trên tháp dinh dưỡng) - Ích lợi của các thực phẩm, các món ăn đối với sức khỏe
12. Trẻ nói tên được một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản	- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn và nhận biết các bữa ăn trong ngày
13. Trẻ biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	- Lợi ích của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì)
14. Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở	- Cách rửa tay bằng xà phòng, cách lau mặt, đánh răng - Các đồ dùng cần thiết để rửa tay lau mặt đánh răng

	- Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn - Tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng không rơi vãi, đổ thức ăn - Dạy trẻ kỹ năng gấp quần áo...chăn, chiếu - Dạy trẻ kỹ năng sắp xếp đồ dùng, đồ chơi gọn gàng - Dạy trẻ kỹ năng sử dụng tiết kiệm nước trong sinh hoạt và bảo vệ môi trường - Dạy trẻ kỹ năng đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng (Nước, giấy vệ sinh) đúng cách.
15. Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống	Một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống Nhận biết thức ăn có mùi ôi, thiu, không búống nước lã - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ - Khi ăn không đùa nghịch không đổ vãi thức ăn - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không ăn thức ăn có mùi ôi thiu, không uống nước lã. - Dạy trẻ kỹ năng thói quen, hành vi trong ăn uống
16. Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở (phòng chông dịch sốt xuất huyết, bệnh chân tay miệng...)	- Mặc trang phục phù hợp với thời tiết, đội mũ khi ra nắng , mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe - Rửa tay thường xuyên bằng xà phòng, đeo khẩu trang, không đưa tay lên mắt, mũi miệng... - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản - Dạy trẻ kỹ năng bỏ rác đúng nơi quy định
17. Trẻ nhận biết được một số vật dụng nguy hiểm, nơi an toàn và nơi không an toàn	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng - Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng là nguy hiểm, không đến gần. Biết các vật sắc, nhọn không nên nghịch

	- Nhận ra những nơi như: ao, hồ, mương nước, suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm không được chơi gần - Dạy trẻ kỹ năng phòng tránh điện giật.
18. Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết - Dạy trẻ kỹ năng phòng tránh những nơi nguy hiểm, bắt cóc. - Dạy trẻ kỹ năng khi bị lạc, bắt cóc - Dạy trẻ không được tin và nghe lời người lạ - Dạy trẻ hét to khi cần giúp đỡ
Lĩnh vực Phát triển nhận thức	
19. Trẻ nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	Tên, địa chỉ của trường, lớp. - Trường mầm non Diễm Thịnh thân yêu - Lớp học của bé
20. Trẻ nói tên, một số công việc của các cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi và trò chuyện.	Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường. - Các hoạt động của trường mầm non - Dạy trẻ kỹ năng lễ phép khi ở trường
21. Trẻ nói tên, một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi và trò chuyện.	Họ tên và một số đặc điểm của các bạn trong lớp; Các hoạt động vui chơi của trẻ và các bạn.
22. Trẻ nói được họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân khi được hỏi, trò chuyện - Tên chức năng của bộ phận trên cơ thể - Các giác quan của con người - Bé tự giới thiệu về mình - Cơ thể bé và bạn - Bé cần gì lớn lên và khỏe mạnh - Trò chuyện sang theo phương pháp Unis - Phát triển chương trình(Đề tài...) - Giúp trẻ tự tin - Dạy trẻ kỹ năng tự chăm sóc bản thân - Dạy trẻ kỹ năng giao tiếp - Dạy trẻ kỹ năng biết bảo vệ bản thân
23. Trẻ nhận biết về gia đình khi được hỏi và trò chuyện.	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. - Một số nhu cầu của gia đình. - Địa chỉ gia đình.

	- Những người thân trong gia đình - Ngôi nhà thân yêu của bé - Đồ dùng gia đình bé - Dạy trẻ kỹ năng lễ phép khi ở nhà(P H) - Dạy trẻ kỹ năng cách đi đường một mình an toàn
24. Trẻ biết đặc điểm công dụng của phương tiện giao thông phân loại theo 1-2 dấu hiệu và một số quy định giao thông đơn giản	Tên gọi, đặc điểm công dụng của một số phương tiện giao thông đơn giản - Một số quy định giao thông đơn giản - Thực hiện đúng về quy định an toàn giao thông khi ra đường, đi trên các phương tiện giao thông - Phương tiện và quy định giao thông đường bộ, đường sắt - Phương tiện và quy định giao thông đường thủy, đường hàng không - Một số biển báo giao thông
25. Trẻ biết phân loại các đối tượng theo 1 hoặc 2 dấu hiệu	- Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu - Phân loại PTGT theo 1-2 dấu hiệu - Phân loại Cây, hoa, quả, con vật theo 1-2 dấu hiệu.
26. Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật hiện tượng xung quanh với sự gợi ý hướng dẫn của cô giáo	- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người - Khám phá sự vật hiện tượng xảy ra xung quanh trẻ - Tìm hiểu một số hiện tượng thiên nhiên, về không khí, ánh sáng - Đặc điểm của các mùa trong năm(Mùa xuân, mùa hè, mùa thu, mùa đông). Trang phục thay đổi theo mùa - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trăng, mặt trời - Tìm hiểu các nguồn nước có trong môi trường sống - Ích lợi của nước với đời sống của con người, động vật, cây cối + Một số đặc điểm, tính chất của nước + Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. - Bé biết gì về nước - Một số hiện tượng tự nhiên - Mùa xuân của bé - Mùa hè của bé - Dạy trẻ kỹ năng phòng đuối nước(Phối hợp)

27. Trẻ biết nhận biết một số đặc điểm nổi bật và ích lợi của cây cối, hoa, quả, con vật gần gũi... phối hợp các giác quan để xem xét sự vật hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, (ngửi, nếm, hoa, quả...) để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	+ Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể -Gọi tên con vật gần gũi -Đặc điểm, lợi ích và tác hại của một số con vật - Gọi tên nhóm cây cối, hoa quả gần gũi xung quanh - Đặc điểm lợi ích của một số cây cối hoa quả + Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. - Cách chăm sóc bảo vệ cây cối, con vật... - So sánh sự giống nhau và khác nhau của một số cây, con vật, đồ vật... - Động vật nuôi trong gia đình - Động vật sống dưới nước - Động vật sống trong rừng- Côn trùng và một số loài chim - Bé yêu cây xanh - Một số loại rau, củ -Một số loại hoa - Một số loại quả
28. Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.	Một số đặc điểm, tính chất của nước, chất liệu của đồ dùng, đồ chơi, sự phát triển của cây cối... -Quan sát, thảo luận, dự đoán về ảnh hưởng của thời tiết đến sinh hoạt con người. -Làm thí nghiệm nước trong suốt, nước bay hơi, một số chất tan trong nước - Làm thí nghiệm khoa học với một vài chất liệu nổi bật của các đồ dùng đồ chơi trong gia đình: gỗ, nhựa, kim loại, I nốc, sắt, nhôm,vải, ni lông, xem vật nào nổi, vật nào chìm,... -Trẻ làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán như pha màu thử nghiệm vật chìm, nổi, chất tan, chất không tan, nước bốc hơi....
29.Trẻ có thể thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau	Thu thập thông tin đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Sưu tầm làm, xem sách, tranh ảnh, Trò chuyện với người lớn, với bạn bè và nhận xét
30. Trẻ biết nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật và hiện tượng quen thuộc, tìm hiểu nguyên nhân xảy ra các sự vật hiện tượng đó.	- Nhận ra mối quan hệ đơn giản giữa con người, cây cối, con vật với môi trường sống. - Giải thích được các nguyên nhân xảy ra các sự vật, hiện tượng đơn giản xung quanh các hiện tượng tự nhiên(cây bị héo, lá bị ướt, mưa,

	bão...) - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. + Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. + Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây. + Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. + Các nguồn nước trong môi trường sống, nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước
31 Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Tên gọi, đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi cá nhân, gia đình, lớp học, trường học... - Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đồ vật - Nhận biết mối quan hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng đồ chơi quen thuộc - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 -3 đồ dùng đồ chơi, - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm
32. Trẻ biết thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình.	- Hiểu được mối qua hệ trong các trò chơi - Thể hiện trong các bài hát, sản phẩm tạo hình.
33. Trẻ nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương.	Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. - Tên gọi, công cụ, sản phẩm các hoạt động nghề truyền thống ở địa phương - Yêu quý người lao động trân trọng sản phẩm của người lao động - Bé yêu bác nông dân - Bé yêu cô, chú công nhân - Bé yêu chú bộ đội - Bé thích làm bác sỹ
34. Trẻ biết tên gọi, đặc điểm của một số ngày lễ hội.	Tên gọi đặc điểm nổi bật của một số ngày lễ hội sự kiện văn hóa nơi trẻ sống: Khai giảng, Tết Trung thu, Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11, Noen, Tết nguyên đán, ngày Quốc tế Phụ nữ 08/03, Ngày sinh nhật Bác 19/5.

	- Bé vui đón tết trung thu - Cô giáo như mẹ hiền - Bé vui đón tết - Ngày vui 08/03
35. Trẻ kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, đất nước, di tích lịch sử của địa phương.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước; - Đền Công; Biền Diễn Thành; Diễn Châu quê hương em; Quảng Trường, Quê Bác, Cửa Lò.... -Nghệ An yêu dấu; - Hà Nội mến yêu
<i>*Làm quen với toán</i> 36. Trẻ biết quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: Bao nhiêu? Số mấy?	-Quan tâm chữ số và số lượng, đếm vật xung quanh
37. Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng của trẻ	-Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 - Đếm theo khả năng.
38.Trẻ nhận biết chữ số, số lượng, số thứ tự từ 1-5.	-Đếm các nhóm có 5 đối tượng -Nhận biết và sử dụng các chữ số từ 1-5 để chỉ số lượng - Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5. - Đếm đến 3, nhận biết nhóm có 3 đối tượng. Nhận biết số 3(Số 3 Tiết 1) - Đếm đến 4, nhận biết nhóm có 4 đối tượng, Nhận biết số 4 (Số 4 Tiết 1) - Đếm đến 5, nhận biết nhóm có 5 đối tượng Nhận biết số 5. (Số 5 Tiết 1)
39. Trẻ nhận biết mối quan hệ trong phạm vi từ 1 đến 5	-Nhận biết mối quan hệ hơn, kém trong phạm vi 3 (Số 3Tiết 2); - Nhận biết mối quan hệ hơn, kém trong phạm vi 4(Số 4 Tiết 2); - Nhận biết mối quan hệ hơn, kém trong phạm vi 5(Số 5 Tiết 2)
40. Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả. Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn	-Đếm các nhóm đối tượng trong phạm vi 5 +Gộp hai nhóm đối tượng và đếm +Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn và đếm -Làm bài tập trong cuốn bé làm quen với toán(Nội dung tách, gộp nhóm có số lượng)
41. Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày.	Nhận biết ý nghĩa con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày(số nhà, biển số xe, số điện thoại...)

42. Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 quy tắc và sao chép lại.	- So sánh phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc -Xếp tương ứng 1-1, Ghép đôi - Sắp xếp theo quy tắc
43. Trẻ biết so sánh hai đối tượng cách đo độ dài, đo dung tích và nói kết quả đo.	- Dạy trẻ so sánh kích thước chiều cao của 2 -3 đối tượng -Dạy trẻ so sánh kích thước chiều rộng của 2 -3 đối tượng -Dạy trẻ so sánh kích thước chiều dài của 2 -3 đối tượng -Sắp xếp 3 đối tượng theo sự tăng dần hoặc giảm dần về kích thước -Nhận biết mục đích của phép đo - Đo độ dài 1 vật bằng 1 đơn vị đo - Đo dung tích bằng 1 đơn vị đo
44. Trẻ nhận biết được sự giống nhau và khác nhau giữa hai hình(tròn và tam giác, vuông và hình chữ nhật...)	So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: Hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật. - Dạy trẻ phân biệt hình tròn với hình tam giác - Dạy trẻ phân biệt hình vuông với hình chữ nhật; - Dạy trẻ phân biệt hình tam giác với hình vuông
45. Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	+ Chắp ghép các hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu -Chắp ghép các hình học để tạo thành các con vật(đồ vật) -Chắp ghép các hình học để tạo thành các phương tiện giao thông
46. Trẻ biết xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác .	- Xác định phía phải, phía trái của bản thân - Xác định phía trên, phía dưới, phía trước, phía sau của bản thân - Xác định phía trên, phía dưới, phía trước, phía sau của đồ vật so bản thân trẻ. - Xác định phía trên, phía dưới, phía trước, phía sau của đồ vật so với bạn khác.
47. Trẻ nhận biết được các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.	-Nhận biết các buổi trong ngày: sáng, trưa, chiều , tối. -Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày
Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	
48. Trẻ thực hiện được 2-3 yêu cầu liên tiếp	- Lắng nghe và hiểu được 2-3 yêu cầu trong giao tiếp hàng ngày - Hiểu và thực hiện được 2-3 yêu cầu

49. Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ, phương tiện giao thông...	- Các từ chỉ tên gọi, đặc điểm, tính chất, công dụng, các loại rau, quả, con vật, đồ dùng, thực vật, động vật...và các từ biểu cảm - Giải nghĩa một số từ với sự giúp đỡ của người khác - Nghe hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...
50. Trẻ lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	- Nghe, hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức trong giao tiếp hàng ngày - Trao đổi, trả lời các câu hỏi với người khác về đồ dùng, đồ chơi, đồ dùng gia đình, về các con vật và cây cối - Bày tỏ, nhu cầu tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các câu khác nhau - Trả lời và đặt câu hỏi
51. Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	-Nghe, đọc thuộc các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè... phù hợp với độ tuổi - Đọc biểu cảm kết hợp cử chỉ điệu bộ bài thơ, đồng dao đơn giản. - Trường MN: Nghe lời cô giáo, Rửa tay, Lên bốn, Dung dăng, dung dẻ, Bé tới trường, Cảm ơn, Cô và cháu, Để học chữ, Cô giáo của em, tình bạn, Giờ chơi của bé -Bản thân: Đôi mắt của em, Thỏ bông bị ốm, Em vẽ, Tâm sự của cái mũi, Lời chào, Cô dạy, Bé ơi, Chú vịt Tôn, Phải là hai tay, Mười ngón tay, Đôi bàn tay nhỏ xinh -Gia đình- Em yêu nhà em, Thăm nhà bà, Giữa vòng gió thơm, Mẹ và cô, Lấy tằm cho bà, Lời chào, Mẹ và con, Quạt cho bà ngủ, Cô giáo của em, -Nghề nghiệp- Bé làm bao nhiêu nghề, Chú giải phóng quân, Cái bát xinh xinh, -Thực vật- Tết- Mùa xuân: Hoa kết trái,Tết đang vào nhà, Từ hạt đến hoa, Hoa mào gà, Bác bầu, bác bí; Rau lang, rau muống. -Động vật: Chim chích bông, Đàn gà con, Giọng hát chim sơn ca,Ếch con học bài, Gọi bạn, Chuồn chuồn, Tiếng ve, Con gà, Bếp ăn của con vật, Em vẽ, Con mèo, Thi chạy, Chú ngựa bay, Con trâu. - Phương tiện và quy định giao thông: Giúp bà, Thuyền giấy, Bé và mẹ, , Đèn báo, Đi chơi phố, Con đường của bé, Xe cần cẩu, Xe của bé, Đèn giao thông, Đoàn tàu lăn bánh

	-Nước và hiện tượng tự nhiên: Ông mặt trời, Bình minh trong vườn, Mùa hạ tuyết vời, Mưa, Bốn mùa ở đâu, Trưa hè, Trăng lưỡi liềm, Cầu vồng, Bão, Tia nắng, Ông mặt trời bật lửa, Mùa hè của em, -Quê hương -Đất nước- Bác Hồ: Quê em vùng biển, Bác Hồ của em, Đất trời sang lắm hôm nay, Thuyền giấy, Về quê, Bác thăm nhà cháu, Hoa quanh lăng Bác, Em vẽ Bác Hồ, Buổi sáng quê nội, Buổi sáng. - Ca dao, đồng dao: Chi chi chành chành, Nu na nu nống. Dung dăng dung dẻ...
52. Trẻ biết kể lại sự việc đơn giản theo trình tự	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết câu truyện đã được nghe - Kể lại sự việc hiện tượng đã gặp, đã xảy ra - Kể lại sự việc theo trình tự thời gian
53. Trẻ biết bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	- Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện. - Đóng kịch - Diễn rối
54. Trẻ biết sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm....	-Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm, tính chất... trong giao tiếp.
55.Trẻ lắng nghe kể, chuyện và đặt câu hỏi theo nội dung câu truyện	- Lắng nghe kể chuyện và đặt câu hỏi theo nội dung các câu truyện phù hợp độ tuổi - Trường MN: Món quà của cô giáo, Người bạn tốt, Sẻ con tìm bạn, Sự tích chú Cuội cung trăng, Ai lớn nhất, ai bé nhất, Câu chuyện về giấy kẻ, Thỏ trắng đi học, Nếu không đi học. - Bản thân: -Mỗi người một việc, Khi mẹ vắng nhà, Gấu con bị đau răng, Cái mồm, Đôi dép. -Gia đình: Cây khế, Khi mẹ vắng nhà, Tích Chu, Cả nhà đều làm việc, Sự tích hoa Dạ Hương, Điều kỳ diệu của bé, Vẽ chân dung mẹ, Một bó hoa tươi thắm, Cháu ngoan của bà, Sẻ con đáng yêu. - Nghề nghiệp: Sự tích quả dưa hấu, Người làm vườn và các con trai, Người bán mũ rong, Qua đường - Thực vật- Tết- Mùa xuân: Chú đỗ con, Sự tích cây khoai lang, Niềm vui từ bát canh cải, Trong vườn, Hạt đỗ sót, Hoa dân bụi, Bí con thoát nạn, Trái cây trong vườn. -Động vật: Dê con nhanh trí, Cáo thỏ và gà trống, Học trò của cô giáo chim khách, Sự tích tiếng kêu của mèo, Ngựa đỏ và lạc đà. Khỉ mũi

	dài - Phương tiện và quy định giao thông: Qua đường, Thỏ con đi học, Kiên con đi ô tô, Kiên thi an toàn giao thông, Bài học về sự tự giác, Một chuyến tham quan, Cái hố bên đường. - Nước và hiện tượng tự nhiên: Hồ nước và mây, Giọt nước nước tí xíu, Lời ru của trăng, Đám mây đen xấu xí, Câu chuyện về giọt nước, Gió và mặt trời, Cầu vồng, - Quê hương -Đất nước - Bác Hồ: Sự tích con rồng cháu tiên, Quả táo Bác Hồ
56. Trẻ sử dụng được các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi... trong giao tiếp	- Hiểu các từ mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi...
57. Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở	-Nói với âm lượng vừa đủ, rõ ràng để người nghe có thể hiểu được, phù hợp tình huống giao tiếp. -Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở -Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép trong giao tiếp - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
58. Trẻ biết kể lại chuyện có mở đầu, kết thúc.	Kể lại chuyện đã được nghe có mở đầu, kết thúc.
59. Trẻ biết diễn đạt để người nghe có thể hiểu được	- Phát âm có chứa các âm khó - Nói rõ ràng để người nghe có thể hiểu được – Diễn đạt ý tưởng, trả lời được theo ý câu hỏi. -Tốc độ, âm lượng phù hợp với người nghe - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Trả lời và đặt câu hỏi “ai”, “cái gì”, “ở đâu”, “khi nào”, “để làm gì”
60. Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh và biết đọc vệt theo tranh minh họa	Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau Làm quen với cách sử dụng sách, cách đọc sách (hướng đọc từ trái qua phải từ dòng trên xuống dòng dưới, đọc ngắt nghỉ các dấu, phân biệt đầu kết thúc của sách) Đọc chuyện qua sách tranh/tranh vẽ - Giữ gìn , bảo vệ sách
61. Trẻ biết chọn sách để sử dụng sách	- Chọn sách theo ý thích để xem - Chọn sách theo chủ đề nào đó khi được yêu cầu - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và đọc” truyện”

	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau - Phân biệt mở đầu và kết thúc của sách - Giữ gìn bảo vệ sách
62. Trẻ nhận ra ký hiệu thông thường nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm.	Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống(Nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường dành cho người đi bộ...)
63. Trẻ biết sử dụng ký hiệu để “viết” tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng	- Sử dụng ký hiệu để “viết” tên làm vé tàu, thiệp chúc mừng - Làm quen với cách viết tiếng việt (hướng viết của các nét chữ: từ trái sang phải, từ trên xuống dưới) - Làm quen với công cụ viết và đưa tay tạo thành các nét chữ cái
64. Trẻ có biểu tượng ban đầu về kí hiệu/chữ cái/chữ viết	- Nhận dạng một số chữ cái - Tập tô đồ các nét chữ
65. Tiếng Anh- Nghe từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi trong phạm vi 100 từ, cụm từ	-Dạy trẻ nghe từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi.
Lĩnh vực Phát triển thẩm mỹ	
66. Trẻ cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật	-Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật
67. Trẻ thích thú, chú ý nghe nhạc, nghe hát nhận ra giai điệu bài hát.	- Nghe và nhận ra các loại âm nhạc khác nhau: Nhạc thiếu nhi, nhạc dân ca, nhạc cổ điển... - Khuyến khích trẻ chú ý lắng nghe, thích thú vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gọi cảm khi nghe âm nhạc gọi cảm -Trường MN: Đi học, Ngày đầu tiên đi học, Chiếc đèn ông sao, Thật đáng chê, Em yêu trường em, Tìm bạn thân, Bàn tay cô giáo, Cô giáo miền xuôi, Trường mẫu giáo yêu thương, Trường làng tôi, Hoa trường em, - Bản thân: Cánh én tuổi thơ, Thật đáng chê, Cò lả. Sinh nhật Hồng, Khám tay, Đường và chân, , Bầu và bí, - Gia đình: Cho con, Ba ngọn nến lung,Tổ ấm gia đình. Chỉ có một trên đời, Cô giáo miền xuôi, Bố là tất cả, Ru em, Ngôi sao nhỏ, Bà thương em, Bàn tay em. Khúc hát ru người mẹ trẻ, Bông hồng tặng cô -Nghề nghiệp: Đi cấy, Xe chỉ luân kim, Màu áo

	chú bộ đội, Bác đưa thư vui tính, Hạt gạo làng ta, Lớn lên cháu lái máy cày, Em đi giữa biển vàng, Ước mơ xanh, Bàn tay cô giáo, Ba em là công nhân lái xe -Thực vật- Tết- Mùa xuân: Hoa trong vườn, Cây trúc xinh, Hoa thơm bướm lượn, Mùa xuân, Ngày tết quê em, Em yêu cây xanh, Em đi trồng cây, Màu vàng. Mùa xuân đến rồi, Ngày 08/03 -Động vật:- Gà gáy, Cún con và mèo My, Chú ếch con, Chú voi con ở bản Đôn, Tôm, cua, cá tài, Chị ong nâu và em bé, Gà gáy, Lý con khi. - Phương tiện và quy định giao thông: Ba em là công nhân lái xe, Anh phi công ơi, Ngồi tựa mạn thuyền, Những con đường em yêu. - Nước và hiện tượng tự nhiên: Mưa rơi, Bèo dạt mây trôi, , Đêm phao - Quê hương-Đất nước- Bác Hồ: Việt Nam quê hương tôi, Gặp nhau giữa trời thu Hà Nội. Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thiếu niên nhi đồng, Em như chim bồ câu trắng, Gửi anh một khúc dân ca, Lý chiều chiều, Xòe hoa.
68.Trẻ hát đúng giai điệu lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ....	- Hát đúng lời ca của các bài hát phù hợp với lứa tuổi - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát - Trường MN: Trường chúng cháu là trường mầm non, Vui đến trường, Em đi mẫu giáo, Bông hoa mừng cô, Cô giáo, Cháu vẽ ông mặt trời, Đu quay, Mời bạn ăn, Múa vui, Em vẽ Múa đàn. Rước đèn dưới trăng - Múa minh họa: Rước đèn dưới trăng -Trò chơi âm nhạc:... - Biểu diễn cuối chủ đề:... - Bản thân: Bạn có biết tên tôi, Mời bạn ăn, Mừng sinh nhật, Cái mũi, Múa cho mẹ xem, bạn ở đâu, Cả tuần đều ngoan, Càng lớn càng ngoan, cùng đi đều, Tròn tóc xinh, Cô bị ốm, Tìm bạn thân. - Múa minh họa: Tay thơm tay ngoan -Trò chơi âm nhạc:... - Biểu diễn cuối chủ đề:... -Gia đình: Nhà của tôi, Bé quét nhà, cả nhà đều yêu, Múa cho mẹ xem, Cháu yêu bà, Chào hỏi, Mẹ yêu không nào, Mẹ đi vắng, Con chim vành khuyên, Cô giáo, Cả nhà thương nhau, Bó hoa

	tặng cô -Trò chơi âm nhạc:... - Biểu diễn cuối chủ đề:... -Nghề nghiệp: Cháu yêu cô chú công nhân, Cháu yêu cô thợ dệt, Chú bộ đội, Lớn lên cháu lái máy cày, Bác đưa thư vui tính, Chú bộ đội đi xa, -Trò chơi âm nhạc:... - Biểu diễn cuối chủ đề:... - Thực vật- Tết và mùa xuân: Em yêu cây xanh, Màu hoa, Quả, Mùa xuân, Sắp đến tết rồi, Bắp cải xanh, Quả thị. Cùng múa hát mừng xuân, Ngày vui 8/3 -Trò chơi âm nhạc:... - Biểu diễn cuối chủ đề:... -Động vật: Cá vàng bơi, Voi làm xiếc, Gà trống mèo con và cún con, Đố bạn, Con chuồn chuồn, Con chim non, Một con vịt, Thật là hay, Thương con mèo, Vì sao chim hay hót, , Gà trống mèo con và cún con; -Trò chơi âm nhạc:... - Biểu diễn cuối chủ đề:... - Phương tiện và quy định giao thông: Em tập lái ô tô, Em đi qua ngã tư đường phố, Đi đường em nhớ, Bạn ơi có biết, Đèn đỏ, đèn xanh, Lái máy bay, Em đi chơi thuyền - Nước và hiện tượng tự nhiên: Cho tôi đi làm mưa với; Nắng sớm, Mùa hè đến, Sau mưa. Đêm sao, Mây và gió; Hạt nắng, hạt mưa -Trò chơi âm nhạc:... - Biểu diễn cuối chủ đề:... - Quê hương- Đất nước - Bác Hồ: Quê hương tươi đẹp, Em yêu thủ đô, Em mơ gặp Bác Hồ, Múa với bạn Tây Nguyên. Lá cờ nhỏ, Hòa bình cho bé. Nhớ ơn Bác. -Trò chơi âm nhạc:... - Biểu diễn cuối chủ đề:...
69. Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc với các hình thức(vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa)	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc. - Vỗ tay sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách nhịp tiết tấu - Khuyến khích trẻ tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích

70. Hát theo một số bài hát Tiếng Anh đơn giản, quen thuộc	- Dạy trẻ hát theo một số bài hát tiếng Anh đơn giản, quen thuộc
71. Trẻ thể hiện sự sáng tạo, biết lựa chọn thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.	- Vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. - Tự sáng tạo, vận động sao cho phù hợp với nhịp điệu âm nhạc.
72. Trẻ biết phân biệt âm sắc của một số dụng cụ âm nhạc quen thuộc và biết sử dụng để đệm theo nhịp bài hát, bản nhạc	- Lắng nghe phân biệt âm sắc của một số dụng cụ âm nhạc quen thuộc - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu chậm. - Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.
73. Kỹ năng múa: -Trẻ cơ bản thực hiện được ít nhất 2-3 bài múa, ít nhất 2- 3 bài đồng diễn;	-Dạy trẻ thực hiện các thế múa tay, chân cơ bản; các bài tập nhịp điệu; - Dạy trẻ biết chuyển động nhịp nhàng, thay đổi bước chuyển động theo nhạc;
74. Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm đơn giản	-Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm đơn giản -Quan sát ngắm nhìn các tác phẩm nghệ thuật được tạo nên từ các nguyên vật liệu khác nhau. -Lựa chọn, sử dụng các nguyên vật liệu khác nhau, để tạo ra các sản phẩm đa dạng phong phú.
75. Trẻ biết vẽ, tô màu phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục	Sử dụng các kỹ năng vẽ, tô màu để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét. - Vẽ, tô màu hoa trong vườn trường - Vẽ, tô màu đồ chơi trong lớp học - Vẽ, tô màu ngôi nhà. - Vẽ, tô màu người thân trong gia đình - Vẽ, tô màu cây xanh - Vẽ, tô màu rau củ, quả bé thích - Vẽ, tô màu vườn hoa mùa xuân - Vẽ, tô màu con mèo -Vẽ, tô màu con bướm - Vẽ, tô màu tàu hỏa - Vẽ, tô màu ô tô - Vẽ, tô màu cảnh mùa hè - Vẽ, tô màu chiếc ô - Tô màu cô giáo và các bạn - Tô màu vòng đeo cổ. - Tô màu chú cảnh sát giao thông Đề tài: Theo chủ đề...

76. Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong...và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	Sử dụng kỹ năng xé, cắt dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục - Cắt dán các khuôn mặt biểu lộ cảm xúc - Cắt dán cái thang cho chú công nhân - Cắt dán con vật sống dưới nước - Xé dán bông hoa trang trí cửa sổ - Xé dán trang trí bình hoa tặng cô giáo - Xé dán máy bay trực thăng - Xé dán mặt trời và những đám mây - Xé dán quả - Cắt dán hàng rào trường mầm non - Cắt dán đôi tất - Cắt dán ngôi nhà - Cắt dán hoa - Cắt dán trang trí cây thông - Xé dán đàn cá - Xé dán máy bay - Cắt dán cầu vồng -Cắt dán hoa mừng sinh nhật Bác Đề tài: Theo chủ đề...
77. Trẻ biết làm lổm, đồ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết	- Nặn đồ dùng, đồ chơi... theo ý thích - Nặn con vật theo ý thích -Nặn các loại củ, quả, theo ý thích -Nặn các loại phương tiện giao thông - Nặn theo ý thích
78. Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ, tô màu, gấp, làm, trang trí,xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	- Trang trí áo bé trai, váy bé gái. - Làm khung ảnh gia đình - Gấp và cắt dán phong bì - Làm bưu thiếp tặng cô giáo - Làm quà tặng chú bộ đội - Làm hoa trang trí ngày tết - Làm quà tặng bà, mẹ, cô giáo, chị(em) gái, bạn gái - Làm dụng cụ nghề - Làm các loại bánh - Gấp con chó - Gấp ô tô buýt - Làm chong chóng - Trang trí khung ảnh Bác Hồ - Trang trí giấy hoa chào mừng ngày 30/04; 01/5 bằng dấu vân tay.
79. Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng, đường nét, bố cục. - Giữ gìn sản phẩm
80. Trẻ nói được ý tưởng và đặt tên cho	- Tạo ra các sản phẩm theo ý tưởng

sản phẩm của mình.	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. - Đặt tên cho sản phẩm của mình
81. Trẻ thích thú ngắm nhìn, chỉ, sờ, và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình, của tác phẩm tạo hình.	Vui sướng chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình
Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội	
82. Trẻ thể hiện được ý thức bản thân, nói được tên tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ, tên cô giáo và các bạn trong lớp	- Tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài của bản thân - Tên bố, tên mẹ, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ - Tên, địa chỉ của trường lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường. - Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.
83. Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những điều bé có thể làm được?	Sở thích, khả năng của bản thân
84. Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc, tình cảm với người thân và bạn bè.	- Trò chơi thân thiện với bạn - Quan tâm, an ủi bạn bè, người thân khi họ bị ốm, mệt hoặc buồn rầu bằng lời nói cử chỉ - Chúc mừng người thân, bạn bè... vào ngày sinh nhật, ngày lễ... - Vui mừng, cổ vũ khi người thân, bạn bè chiến thắng trong cuộc thi, gặp chuyện vui... - Dạy trẻ kỹ năng làm việc nhóm trẻ
85. Trẻ thể hiện sự tự tin, tự lực.	- Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích - Cố gắng hoàn thành công việc được người lớn giao như: (xếp bàn ghế, cất dọn đồ dùng, đồ chơi, trực nhật...) - Vui vẻ nhận công việc được giao - Mạnh dạn, tự tin trong sinh hoạt, trong giao tiếp, mạnh dạn chia sẻ thông tin của bản thân với mọi người - Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia vào trò chơi, đồ chơi - Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý tưởng, sở thích riêng của bản thân và của nhóm - Giúp trẻ tự tin
86. Trẻ nhận biết các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của người khác.	Nhận biết và nói được một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, điệu bộ, giọng nói, khi tiếp xúc trực tiếp hoặc qua tranh ảnh.
87. Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui,	Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp

buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.
88. Trẻ thể hiện tình cảm kính yêu Bác Hồ.	- Bác Hồ kính yêu - Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ - Nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ
89. Trẻ quan tâm đến cảnh đẹp tự nhiên, lễ hội, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.	Quan tâm đến di tích, lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương: Đền Công, Quê Bác, Quảng Trường, Cửa Lò, biển Diễn Thành...
90. Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình	Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường).
91. Trẻ chú ý lắng nghe khi cần thiết	- Lắng nghe bố, mẹ, ông, bà, cô giáo và các bạn nói trong khi giao tiếp - Lắng nghe ý kiến của người khác trong hoạt động tập thể - Sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.
92. Trẻ biết trao đổi thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung(chơi, trực nhật...)	- Trao đổi thỏa thuận, phối hợp các bạn cùng thực hiện hoạt động tập thể(chơi, trực nhật...) - Chờ đến lượt, hợp tác, chia sẻ - Quan tâm giúp đỡ bạn.
93. Trẻ thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc, không bẻ cành, bứt hoa. Biết giữ gìn và bảo vệ môi trường.	- Thích thú vui vẻ nhận nhiệm vụ chăm sóc, tưới cây cho con vật quen thuộc, hiền lành ăn - Không bẻ cành, ngắt hoa. + Giữ gìn vệ sinh môi trường, biết bỏ rác đúng nơi quy định, chăm sóc con vật, cây cảnh. - Trẻ có hành vi tiết kiệm điện, nước, biết không để nước tràn khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng. - Giữ gìn đồ dùng, đồ chơi
94. Trẻ thực hiện một số hành vi ứng xử trong xã hội.	- Chào hỏi, xưng hô lễ phép với mọi người - Cảm ơn khi được giúp đỡ hoặc cho quà - Chờ đến lượt, hợp tác, chia sẻ - Yêu mến, quan tâm, đến người thân trong gia đình. - Phân biệt hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu” - Thể hiện sự ăn năn, áy náy, xấu hổ, lo lắng khi phạm lỗi và nói lời xin lỗi.

An Châu, ngày.... tháng năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Hương

A. KHUNG THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH GIÁO DỤC TRẺ
ĐỘ TUỔI: 5-6 TUỔI- NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-TrMN ngày ... tháng 9 năm 2025)

TT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Tuần	Thời gian
	Trường mầm non(4 tuần)	- Trường MN Diễn Thịnh thân yêu	1	15-19/9/2025
		- Lớp học của bé	2	22-26/9/2025
		- Bé vui đón tết trung thu	3	29-03/10/2025
		- Một số hoạt động ở trường MN	4	06-10/10/2025
2	Bản thân (3 tuần)	- Bé tự giới thiệu về mình	5	13-17/10/2025
		- Năm giác quan của bé	6	22-24/10/2025
		- Bé lớn lên từng ngày	7	27-31/10/2025
		- Những người thân trong gia đình	8	3/11-7/11/2025
3	Gia đình bé (4 tuần)	- Ngôi nhà thân yêu của bé	9	10-14/11/2025
		- Cô giáo như mẹ hiền	10	17-21/11/2025
		- Đồ dùng trong gia đình bé - Nhu cầu gia đình	11	24-28/11//2025
		- Bé yêu bác nông dân	12	01/12-5/12/2025
4	Lớn lên bé thích làm nghề gì? (4 tuần)	- Bé yêu cô chú công nhân	13	8-12/12/2025
		- Bé yêu chú bộ đội	14	15-19/12/2025
		- Nghề phổ biến quen thuộc	15	22-26/12/2025
		- Động vật nuôi trong gia đình	16	29/12-2/1/2026
5	Những con vật đáng yêu. (4 tuần)	- Động vật sống dưới nước	17	5-9/1/2026
		- Động vật sống trong rừng	18	12-16/1/2026
		- Côn trùng và một số loài chim	19	19-23/1/2026
		- Cây xanh và môi trường sống	20	26-30/1/2026
6	Thế giới thực vật - Tết và mùa xuân- Ngày vui 8/3 (6 tuần)	-Một số loại rau, củ	21	02-06/2/2026
		-Bé vui đón tết	22	9-13/2/2026
		- Một số loại quả	23	23-27/2/2026
		- Ngày vui 8/3	24	2-6/3/2026
		- Mùa xuân và một số loài hoa	25	9-13/3/2026
7	Bé tìm hiểu phương tiện và QĐGT (3 tuần)	- Phương tiện và quy định GT đường bộ	26	16-20/3/2026
		- Phương tiện và quy định GT đường thủy, đường không	27	23-27/3/2026
		- Thực hành một số quy định GT đường bộ	28	30/3-3/4/2026

8	Nước và các hiện tượng tự nhiên (3 tuần)	- Bé biết gì về nước	29	6-10/4/2026
		- Một số hiện tượng tự nhiên	30	13-17/4/2026
		- Thứ tự các mùa trong năm	31	20-24/4/2026
9	Quê hương-Đất nước - Bác Hồ - Trường Tiểu học (4 tuần)	- Thủ đô Hà Nội	32	27/4-1/5/2026
		- Việt Nam mến yêu!	33	4-8/5/2026
		- Bác Hồ kính yêu	34	11-15/5/2026
		- Trường Tiểu học	35	18-22/5/2026
Tổng			35 tuần	

B. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC

Mục tiêu	Nội dung
<i>Lĩnh vực phát triển thể chất</i>	
<i>*Phát triển vận động</i>	
1. Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: + Trẻ trai: + Cân nặng: 15,9- 27,1kg + Chiều cao: 106,1- 125,8cm + Trẻ gái: + Cân nặng: 15,3- 27,8 kg + Chiều cao: 104,9-125,4cm	- Nâng cao chất lượng bữa ăn, đổi mới hình thức tổ chức bữa ăn - Cân đo theo dõi biểu đồ, khám sức khỏe định kỳ - Tổ chức các bài tập, trò chơi phát triển vận động.
2. Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	- Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. - Lưng, bụng, lườn: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.
3. Trẻ thực hiện được kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chức trong vận động: đi, chạy. Có khả năng kiểm soát vận động: - Đi/ chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh(đổi hướng ít nhất 3 lần)	- Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, đích đích theo hiệu lệnh. - Đi trên dây (dây đặt trên sàn), - Đi nổi bàn chân tiến, lùi. - Đi và đập bắt bóng - Đi trên ván kê dốc - Chạy 18m trong khoảng 10 giây. - Chạy chậm khoảng 100 - 120m. - Chạy theo đường đích vạch - Chạy đổi hướng

4. Trẻ thực hiện được kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động : bò, trườn, trèo	- Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m-5m. - Bò đích dắc qua 7 điểm. - Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m. - Bò bằng bàn tay cẳng chân - chui qua cổng - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. - Trèo lên xuống 7 gióng thang.
5. Trẻ thực hiện được kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động : Tung, đập, bắt, ném, chuyền	- Tung bóng lên cao và bắt. - Tung, đập bắt bóng tại chỗ. - Ném xa bằng 1 tay - Ném xa bằng 2 tay -Ném trúng đích nằm ngang bằng 1 tay - Ném trúng đích nằm ngang bằng 2 tay -Ném trúng đích thẳng đứng bằng 1 tay -Ném trúng đích thẳng đứng bằng 2 tay - Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân. -Đập bóng xuống sàn và bắt bóng
6. Trẻ thực hiện được kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động : bật, nhảy	-Bật liên tục vào vòng (5 vòng) - Bật xa 40 - 50cm. - Bật - nhảy từ trên cao xuống (40 - 45cm). - Bật tách chân, khép chân qua 7 ô. - Bật qua vật cản 15 - 20cm. - Nhảy lò cò 5m
7. Trẻ thể hiện được tổ chất nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp	- Bật qua vật cản- Lăn bóng 4m- Chạy nhanh 10m - Chuyền bắt bóng qua đầu. Chạy chậm 120m - Bật xa- Ném xa bằng 1 tay- Chạy nhanh 10m - Bật khép, tách chân- Ném đích nằm ngang- Chạy nhanh 12m
8. Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động -Uốn ngón tay, bàn tay, xoay cổ tay -Gập mở lần lượt từng ngón tay - Vẽ hình và sao chép chữ cái, chữ số - Cắt được theo đường viền các hình vẽ - Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu - Tự cài, cởi cúc, kéo khoá (phéc mơ tuya), khâu, luồn, buộc dây	- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. - Bẻ, nắn. - Lắp ráp. - Xé, cắt đường vòng cung. - Tô, đồ theo nét. - Cài, cởi cúc, kéo khoá (phéc mơ tuya), khâu, luồn, buộc dây
<i>* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe:</i>	
9.Trẻ nói tên, biết được một số món ăn, hàng ngày thực phẩm thông thường và dạng chế biến đơn	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. - Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế

giảm: Rau có thể luộc, nấu canh,thịt có thể luộc, rán, kho... gạo: nấu cơm, nấu cháo... và ích lợi của chúng đối với sức khỏe - Thực phẩm giàu chất đạm: Thịt, cá - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng	biến một số món ăn, thức uống - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)
10.Trẻ thực hiện được một số việc tự phục vụ đơn giản, trong sinh hoạt : - Tự rửa tay bằng xà phòng, tự lau mặt đánh răng, - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định -Đi vệ sinh đúng nơi quy định, đi xong dội/ giặt nước cho sạch	-Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng, tự thay quần áo - Biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo. - Dạy trẻ kỹ năng sử dụng tiết kiệm nước trong sinh hoạt và bảo vệ môi trường - Dạy trẻ kỹ năng đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng(Nước, giấy vệ sinh) đúng cách.
11. Trẻ biết hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe và không lại gần người đang hút thuốc	- Trẻ biết tác hại của việc hút thuốc lá, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe - Biết bày tỏ thái độ không đồng tình - Tránh chỗ có người hút thuốc
12.Trẻ biết thực hiện được một số việc đơn giản trong sinh hoạt hàng ngày	- Trẻ làm được một số công việc đơn giản: Như quét nhà sân, lấy nước, tắm cho người lớn, giúp một số việc nhỏ ở lớp... - Dạy trẻ kỹ năng sắp xếp đồ dùng, đồ chơi gọn gàng ngăn nắp
13. Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống	- Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Che miệng khi ho, hắt hơi. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường. - Dạy trẻ kỹ năng thói quen trong ăn, uống
14. Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh (Bệnh sốt xuất huyết,...)	-Biết một số thói quen tốt để bảo vệ sức khỏe (Lựa chọn trang phục phù hợp theo mùa, vệ sinh thân thể và môi trường để giữ gìn sức khỏe) - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh. - Vệ sinh răng miệng : Sau khi ăn, trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. - Ra nắng đội mũ, đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu, sốt - Che miệng khi ho, hắt hơi. - Đeo khẩu trang khi đi ra ngoài - Đi vệ sinh đúng nơi quy định - Bỏ rác đúng nơi quy định, không nhổ bậy ra lớp

	- Dạy trẻ kỹ năng vứt bỏ rác đúng nơi quy định
15. Trẻ biết tự mặc và cởi quần áo.	- Tự mặc (Cài và mở cúc áo, quần) - Sửa trang phục ngay ngắn gọn gàng khi mặc xong. - Cài, cởi cúc, kéo khoá (phéc mơ tuya), khâu, luồn, buộc dây. - Dạy trẻ kỹ năng tự phục vụ(xếp quần áo, xếp gối chăn, dép, đồ dùng, đồ chơi...)
16. Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn và phòng tránh: Bàn là, bếp điện, bếp lò, nước sôi, những vật sắc nhọn, ao hồ, bể chứa nước, giếng, bụi rậm...	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. - Dạy trẻ kỹ năng an toàn phòng tránh điện giật
17. Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu ... - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. - Dạy trẻ kỹ năng khi bị lạc, bắt cóc - Dạy trẻ không được tin và nghe lời người lạ - Dạy trẻ hét to khi cần giúp đỡ
18. Trẻ biết thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn	- Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào... - Dạy trẻ kỹ năng cách đi đường một mình an toàn - Dạy trẻ kỹ năng thoát hiểm khi gặp hỏa hoạn
Lĩnh vực phát triển nhận thức	
* <i>Khám phá khoa học:</i> 19. Trẻ thích tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh: Như đặt câu hỏi: Tại sao? Để làm gì? Làm thế nào? Khi nào?	- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây cối với môi trường sống - Tìm hiểu các sự vật, hiện tượng: mưa, gió, sấm chớp, nắng,... - Các thí nghiệm, trải nghiệm đơn giản
20. Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để gọi tên xem xét, lá, hoa, quả, cây, con vật... và thảo luận về các đặc điểm của đối tượng	- Gọi tên, đặc điểm ích lợi và tác hại của hoa, lá, quả, cây cối, con vật,... - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả. - Cây xanh và môi trường sống

	- Một số rau, củ, quả - Một số loại hoa - Động vật sống trong gia đình - Động vật sống trong rừng - Động vật sống dưới nước - Côn trùng và một số loài chim LỰA CHỌN ĐỀ TÀI TRÒ CHUYỆN SÁNG THEO PP UNIS
21. Trẻ nói được một số đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống.	- Các hiện tượng thiên nhiên bốn mùa - Tìm hiểu về thứ tự các mùa trong năm
22. Trẻ có thể dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.	- Quan sát và dự đoán được một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra: Sắp mưa, nắng,...
23. Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận	- Làm thử nghiệm và sử dụng các công cụ đơn giản để quan sát so sánh và dự đoán. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước - Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật và cây cối - Gieo hạt, trồng cây, tưới nước và không tưới theo dõi và so sánh sự phát triển,... - Các nguồn nước trong môi trường sống. Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Một số đặc điểm, tính chất của nước qua các thí nghiệm: Sự hòa tan trong nước, nước làm chìm một số vật và làm nổi một số vật... - Làm một số thí nghiệm để biết tính chất của không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi qua các thí nghiệm. - Thảo luận, đưa ra ý kiến nhận xét về kết quả của các thí nghiệm,...
24. Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận về: Các nguồn nước khác nhau; Nước và vòng tuần hoàn của nước	Xem sách, tranh ảnh, nhận xét, trò chuyện và thảo luận. - Các nguồn nước và môi trường sống - Không khí ánh sáng và sự cần thiết của nó đối với đời sống con người, con vật, cây cối - Tìm hiểu về nước. - Tìm hiểu về một số hiện tượng tự nhiên
25. Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.	- Đặc điểm công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng đồ chơi quen thuộc

	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu. - Phân loại PTGT theo 2 - 3 dấu hiệu - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2 - 3 dấu hiệu. - Đồ dùng gia đình bé - Phân loại đồ dùng gia đình theo công dụng và chất liệu - Phương tiện và quy định GT bộ - Phương tiện và quy định GT đường thủy, đường không - Thực hành một số quy định giao thông bộ - Dạy trẻ kỹ năng sử dụng các vật dụng xung quanh.
26. Trẻ biết nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng.	- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. - Các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Trải nghiệm, làm các thí nghiệm nhỏ vật chìm nổi, chất tan, không tan - Một số hiện tượng tự nhiên - Bé biết gì về nước(Sự kỳ diệu của nước) -Khám phá viên sỏi; Sự kỳ diệu của cát; Sự kỳ diệu của gió(Phát triển chương trình) - Dạy trẻ kỹ năng bơi, lội, phòng chống đuối nước
27. Trẻ biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- Đặc điểm, chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.

28. Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động: Thể hiện vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề gia đình, trường học, bệnh viện ... , mô phỏng vận động/di chuyển/dáng điệu của con vật, âm nhạc và tạo hình	- Chơi hoạt động góc, qua các trò chơi vận động. - Hiểu được mối quan hệ trong các trò chơi - Thể hiện trong các bài hát, sản phẩm tạo hình.
<i>* Khám phá xã hội:</i> 29. Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình. - Bé tự giới thiệu về mình - Năm giác quan của bé (Tìm hiểu về cái mũi); - Sự khác biệt giữa tôi và bạn; Khám phá đôi bàn tay; Khám phá đôi mắt(Phát triển chương trình) - Bé lớn lên từng ngày - Giáo dục giới tính cho trẻ - Dạy trẻ kỹ năng khi ở nhà một mình - Dạy trẻ biết cách tránh bị xâm hại cơ thể
30. Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình. Nói địa chỉ gia đình mình, số điện thoại (nếu có).	Các thành viên trong gia đình, - Nghề nghiệp của bố, mẹ; - Sở thích của các thành viên trong gia đình; - Quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình, số điện thoại. - Những người thân trong gia đình - Ngôi nhà thân yêu của bé - Dạy trẻ kỹ năng sống, ghi nhớ địa chỉ nhà, số điện thoại của bố, mẹ
31. Trẻ nói được tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp, tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường. - Trường mầm non Diễm Thịnh thân yêu - Các hoạt động, công việc của các cô các bác trong trường.
32. Trẻ nói được họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường. - Lớp học của bé
33. Trẻ kể được tên một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống	Kể, trả lời được câu hỏi của người lớn về những địa điểm vui chơi công cộng, gần gũi ở địa phương: trường học Tiểu học, Nghĩa trang liệt sỹ, trạm y tế, Ủy ban nhân dân xã, nơi mua sắm, nơi ở nơi trẻ sống hoặc đã được đến.
34. Trẻ nói được đặc điểm một số nghề phổ biến nơi trẻ sống và sự khác nhau của một số nghề.	Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.

	- Kể được một số công cụ và sản phẩm của nghề - Bé yêu bác nông dân - Bé yêu cô chú công nhân - Nghề bác sỹ - Tìm hiểu 1 số nghề phổ biến quen thuộc: (Giáo viên, công an, dịch vụ...) - Cô bán hàng vui tính(Phát triển chương trình) - Trải nghiệm: Cho trẻ làm vườn - Thăm cánh đồng: Lạc, ngô, rau...
35. Trẻ kể và nói được đặc điểm một số ngày lễ, hội. Kể tên và nêu một vài nét của danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của Quê hương, - Đất nước	Đặc điểm nổi bật của một số lễ hội của trường, quê hương, đất nước. - Vui tết trung thu - Ngày 20/10 - Bé yêu chú bộ đội 22/12 - Noen - Tết nguyên đán - Lễ hội mùa xuân - Ngày hội cô giáo 20/11 - Ngày vui 8/3 - Ngày 19/5
36. Trẻ biết các hoạt động của trường Tiểu học và một số đồ dùng của học sinh lớp 1	- Tham quan trường Tiểu học - Đồ dùng học sinh lớp 1
37. Nhận biết một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, nét văn hóa truyền thống của địa phương và quê hương, đất nước	Tên gọi đặc điểm nổi bật của một số, danh lam, thắng cảnh, nét văn hóa truyền thống của địa phương và quê hương, đất nước -Biển Diễn Thành; Đền Công; Cửa Lò, Quảng Trường, Quê Bác... - Thủ đô Hà Nội - Việt Nam mến yêu.
<i>* Làm quen với Toán:</i> 38. Trẻ biết đếm trên đối tượng 10 và đếm theo khả năng của trẻ. Biết các số từ 5-10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Đếm, nhận biết trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng - Nhận biết các chữ số thứ trong phạm vi 10 - Ôn số lượng 5; -Đếm đến 6 nhận biết nhóm có 6 đối tượng. Nhận biết số 6 - -Đếm đến 7 nhận biết nhóm có 7 đối tượng. Nhận biết số 7 -Đếm đến 8 nhận biết nhóm có 8 đối tượng. Nhận biết số 8 -Đếm đến 9 nhận biết nhóm có 9 đối tượng. Nhận biết số 9 -Đếm đến 10 nhận biết nhóm có 10 đối tượng. Nhận biết số 10
39. Trẻ biết so sánh thêm, bớt số	Sự khác biệt rõ nét về số lượng của ba nhóm đối

lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau	tượng. Sử dụng đúng từ: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.(Hơn, kém) - So sánh số lượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói kết quả. - Thêm/ bớt trong phạm vi 6 - Thêm/ bớt trong phạm vi 7 - Thêm/ bớt trong phạm vi 8 - Thêm/ bớt trong phạm vi 9 - Thêm/ bớt trong phạm vi 10
40. Trẻ biết tách / gộp một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành 2 nhóm bằng các cách khác nhau	Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm - Tách/ gộp trong phạm vi 6 - Tách/ gộp trong phạm vi 7 - Tách/ gộp trong phạm vi 8 - Tách/ gộp trong phạm vi 9 - Tách/ gộp trong phạm vi 10
41. Trẻ nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	-Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe, số điện thoại,..).
42. Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu. Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản. Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp	- Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan - So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc. - Tạo ra qui tắc sắp xếp.
43. Trẻ biết sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	- Đo độ dài một vật bằng đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.
44. Trẻ biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối đó trong thực tế
45. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.	Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.
46. So sánh và sử dụng được các từ: To nhất- nhỏ hơn- nhỏ nhất- Cao nhất- Thấp hơn- thấp nhất- rộng nhất- hẹp hơn- hẹp nhất- nhiều hơn- ít nhất- ít hơn	- So sánh nhóm 3 đối tượng có kích thước khác nhau và sử dụng được các từ: To nhất- nhỏ nhất- cao nhất- Thấp hơn- thấp nhất, rộng nhất- hẹp hơn- hẹp nhất - So sánh chiều cao của 3 đối tượng - So sánh chiều rộng của 3 đối tượng - So sánh độ lớn của 3 loại quả
47. Trẻ nói được ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ.	- Nhận biết ngày trên lịch trong tuần/ tháng và giờ trên đồng hồ - Biết lịch dùng để làm gì? và đồng hồ dùng để làm

	gì? - Nói được ngày trên lược lịch và giờ chẵn trên đồng hồ - Dạy trẻ cách xem đồng hồ - Trò chuyện với trẻ về các hoạt động ở trường (giờ đi học, giờ nghỉ, giờ học và giờ chơi)
48. Gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.	Gọi tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm - Dạy trẻ nhận biết thứ tự các ngày trong tuần - Dạy trẻ nhận biết thứ tự các mùa trong năm
49. Trẻ biết phân biệt hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày.	- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai.
Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	
50. Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể	- Nghe hiểu lời nói yêu cầu của người khác và phản hồi lại bằng những hành động, lời nói phù hợp trong hoạt động tập thể
51. Trẻ có khả năng hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,...).	- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp. - Nghe hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng: đồ dùng/ thực vật/ động vật, PTGT - Nghe hiểu được nghĩa một số từ khái quát từ trái nghĩa (PTGT, động vật, thực vật, đồ dùng..)
52. Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại. Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm phù hợp với ngữ cảnh.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức - Sử dụng các từ hình tượng - Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh, tại sao, có cái gì giống nhau do đâu mà có - Nghe, sử dụng được các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng, hoạt động phù hợp với ngữ cảnh
53. Trẻ nói rõ ràng. Kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.	- Phát âm đúng và rõ ràng các tiếng. Kể rõ ràng về sự việc, hiện tượng 1 cách có trình tự. - Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, có phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu. - Kể lại truyện được nghe theo trình tự - Kể lại sự việc theo trình tự.
54. Trẻ biết sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp	- Dùng các loại câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh trong giao tiếp hàng ngày - Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: tại sao? có gì giống nhau? có gì khác nhau? do đâu mà có?. - Đặt các câu hỏi: tại sao? như thế nào? làm bằng gì?.
55. Trẻ biết sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động	- Trao đổi bằng lời nói để thống nhất các đề xuất trong cuộc chơi với các bạn - Hướng dẫn bạn đang cố gắng giải quyết một vấn đề nào đó - Hợp tác trong quá trình hoạt động, các ý kiến không

	áp đặt hoặc dung vũ lực bắt bạn phải thực hiện theo ý của mình
56. Trẻ nghe hiểu nội dung bài thơ, đồng dao, ca dao, chuyện dành cho lứa tuổi của trẻ. Đọc biểu cảm các bài thơ, ca dao, đồng giao, kể lại được truyện...	- Nghe hiểu nội dung các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. - Đọc thuộc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. - Đọc diễn cảm bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Chủ đề: Trường mầm non: Thơ “Gà học chữ (Phan Trung Hiếu), “Tình bạn”(Trần Thị Hương); Bé học toán (Phan Thị Thu Huyền) Cô giáo của em, Bập bênh; Chơi ú tìm Truyện: Mèo con và quyển sách, Bạn mới, Thỏ trắng biết lỗi, Sự tích chú cuội cung trăng; Mời bạn đến chơi nhà - Ca dao, đồng dao, hò vè:... - Chủ đề bản thân: Thơ: Tay ngoan (Võ Thị Như Chon); Cô dạy (Phạm Hồ), Chiếc bóng, ; Bé chẳng sợ tiêm; Cánh hoa nở; Bàn tay yêu thương * Truyện: Câu chuyện của tay phải và tay trái(Lý Thị Minh Hà); Giấc mơ kỳ lạ, Đôi tai xấu xí, Cháu rất nhớ bạn ấy; Chuyện của dê con; Ai đáng khen nhiều hơn; Quả bầu tiên - Ca dao, đồng dao, hò vè:... - Chủ đề gia đình: Thơ: Làm anh(Phan Thị Thanh Nhân); giữa vòng gió thơm, Mẹ của em, Chia bánh, Gió từ tay mẹ, Bé và mèo hoang; Quạt cho bà ngủ; Cây gia đình Truyện: Ba cô gái (Phan Thanh Vân, Cây rau của thỏ út, Tầm Cám, Bông hoa cúc trắng; bà tay cí nụ hôn; Cây gia đình của Sóc nâu; - Ca dao, đồng dao, hò vè:... - Chủ đề nghề nghiệp: Thơ: Hạt gạo làng ta (Trần Đăng Khoa); Chiếc cầu mới (Thái Hoàng Linh);, ước mơ của Tí (Lưu Thị Ngọc Lễ); Em cũng là cô giáo (Thúy Quỳnh sưu tầm); Làm bác sĩ (Lê Ngân) Bàn tay cô giáo, Chú bộ đội hành quân trong mưa (Vũ Thùy Hương); Chiếc xe lu(Trần Nguyên Đào), Bát cơm ngày mùa(Nguyễn Thị Thảo), Cái bát xinh xinh; Em muốn làm cảnh sát; Bàn tay cô giáo; Em muốn làm gì? -Truyện: “Hai anh em”. “ Cây rau của thỏ út, “Cô Bác sỹ tý hon”, Cô giáo em, Bác sỹ gõ kiến; Bác sỹ chim; - Ca dao, đồng dao, hò vè:... -Chủ đề động vật: Thơ: Nàng tiên ốc, Mèo đi câu cá, Con chim chiền chiện, Gà nở, Gà mẹ đếm con,

	Hồ trong vườn thú, Chim én,Ếch con học bài, Chú bò tìm bạn, Kiến tha mồi; Chim én; Về loài vật;Ếch con học bài; Anh chuột Trũi, Bó hoa tặng cô; Con chim chiến chiến; -Truyện: “Ai Đáng khen nhiều hơn, chim gõ kiến và cây sồi, Ba chú lợn con, Chim Vàng anh ca hát, Chú dê đen, Cá chép con, Quả trứng của ai, Chuyên của loài voi, Cuộc thi bơi của Tôm, Cua, Cá, Chuyển đi xa của chú chuột nhỏ, Hai anh em gà con; Vì sao bụng chuồn chuồn lại lép kẹp;, Chuyện của loài voi; Những nghệ sỹ của rừng xanh; - Ca dao, đồng dao, hò vè:... - Chủ đề TV- Tết- Mùa xuân: Thơ: Tết đang vào nhà, Bó hoa tặng cô (Ngô quân Niệm), Hoa cúc vàng, Họ nhà cam quýt, Hoa bưởi, Cây đào, Giàn gác, Hoa kết trái, Lời chào của hoa; Rau ngót, rau đay; Bác bầu, bác bí; Mùa xuân; Giàn gác; Lời chào của hoa; Hoa kết trái;Ai cho em biết (Võ Quảng); Bánh chưng(Phạm Minh Giang) - Truyện: Quả bầu tiên(Theo truyện cổ Việt Nam), Cây tre trăm đốt(Theo truyện cổ VN), Sự tích hoa hồng (Theo báo Họa My),Sự tích quả dưa hấu, Sự tích cây khoai lang, Sự tích bánh chưng, bánh dày, Sự tích ngày tết; Sự tích mùa xuân; Cây rau của thỏ út; Hoa bìm bìm; - Ca dao, đồng dao, hò vè:... - Chủ đề: Phương tiện và quy định giao thông: Thơ: “ Giúp bà” Cô dạy con, Thỏ biết vâng lời mẹ, Bé tập đi xe đạp, Cháu dắt tay ông, Con đường của bé, Giúp bà, Đèn giao thông, Chú cảnh sát giao thông; Mẹ đỡ bé; Bé và mẹ; Tiếng động quanh em; - Truyện “Qua đường” Kiến con đi xe ô tô”, tàu thủy con, Vì sao thỏ cụt đuôi, Xe đạp con trên đường phố; Thỏ con đi học. - Ca dao, đồng dao, hò vè:... - Chủ đề Nước và hiện tượng tự nhiên: Thơ: Cầu vồng, Trăng ơi từ đâu đến, Nắng bốn mùa, thả diều, Mưa rơi, Mùa hạ tuyết vời; Bình minh trong vườn; Cây gạo; -Truyện “Sự tích ngày và đêm, Giọt nước tí xíu, Con vật rơi xuống hồ nước, Chú bé giọt nước, Nàng tiên bóng đêm; Sơn Tinh, Thủy Tinh; - Ca dao, đồng dao, hò vè:... - Chủ đề Quê hương-Đất nước- Bác Hồ - Trường Tiểu học: Thơ: Em yêu Miền Nam, Ảnh Bác, Ngôi
--	---

	nhà, Quê em, Bé vào lớp 1, Quê em vùng biển; Đảo; -Truyện,: Sự tích hồ gươm. Ông Gióng ,Thế là ngoan , “Sơn tinh, thủy tinh”, Ai ngoan sẽ được thưởng, Niềm vui bất ngờ, Sự tích con rồng cháu tiên, Quả táo; - Ca dao, đồng dao, hò vè:...
57. Trẻ kể lại được nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định. Kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	- Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự. - Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh
58. Trẻ biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện.	- Bắt chuyện với bạn bè và người lớn bằng nhiều cách khác nhau - Cuộc trò chuyện được duy trì và phát triển - Mạnh dạn, chủ động giao tiếp với mọi người xung quanh - Sẵn sàng bắt đầu nói chuyện với người khác - Biết khởi xướng cuộc trò chuyện bằng các cách khác nhau - Biết sử dụng ngôn ngữ nói để thiết lập quan hệ và hợp tác với bạn bè
59. Trẻ biết kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện. Đóng được vai của nhân vật trong truyện.	- Kể chuyện sáng tạo - Đóng kịch.
60. Trẻ biết sử dụng các từ: “cảm ơn”, “xin lỗi” “xin phép”, “thưa”, “ạ”, “vâng”... phù hợp với tình huống.	- Làm quen với từ lễ phép “cảm ơn”, “xin lỗi” “xin phép”, “thưa”, “ạ”, “vâng”... - Sử dụng các từ lễ phép văn minh phù hợp với tình huống - Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng. - Sử dụng các câu xã giao đơn giản để giao tiếp với mọi người...
61. Trẻ biết không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện	Giờ tay khi muốn nói và chờ đến lượt - Không nói leo, nói trống không, không ngắt lời người khác... - Thể hiện sự tôn trọng người nói bằng việc chỉ đặt ra câu hỏi khi họ đã nói xong
62. Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.	- Điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp: nói nhỏ trong giờ ngủ ở lớp, khi người khác tập trung làm việc, khi đi thăm người ốm; nói thầm với bạn, bố mẹ... Khi trong rạp hát, đi xem phim công cộng.... - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với

	yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Trẻ biết điều chỉnh cường độ giọng nói - Trẻ nói với một giọng điệu và tốc độ thích hợp, giao tiếp và đàm thoại với người khác với giọng điệu hồn nhiên và cử chỉ thân thiện
63. Trẻ biết chọn sách để “đọc” và xem. Có hành vi giữ gìn bảo vệ sách	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ. - Giữ gìn, bảo vệ sách.
64. Trẻ có một số hành vi như người đọc sách	- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - Làm quen với cách đọc: + Hướng đọc: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Đọc ngắt nghỉ sau các dấu.
65. Trẻ biết ý nghĩa một số kí hiệu, biểu tượng trong cuộc sống	Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)
66. Trẻ biết nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt. Trẻ thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh	- Nhận biết được các chữ cái Tiếng Việt trong sinh hoạt và hoạt động hàng ngày - Nhận dạng chữ cái và phát âm được chữ cái đó - Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu - Nhận được một số chữ cái trên các bảng hiệu cửa hàng - Thích tìm kiếm những chữ đã biết ở sách, truyện, biểu bảng... - Chỉ và đọc những chữ có ở môi trường xung quanh. - Thích tham gia các hoạt động nghe cô đọc sách hỏi người lớn và bạn bè những gì chưa biết - Nhận dạng và phát âm đúng 29 chữ cái - Làm quen chữ cái: o,ô,ơ; a,ă,â; e,ê; u,ư; i,t,c; b,d,đ; m,n,l; h,k; g,y; p,q; x,s; v,r - Trò chơi với chữ cái: o,ô,ơ; a,ă,â; e,ê; u,ư; i,t,c; b,d,đ; m,n,l; h,k; g,y; p,q; x,s; v,r
67. Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	- Tập tô, tập đồ các nét chữ. - Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.
68. Tiếng Anh:- Trẻ nghe từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi.trong phạm vi 100 từ, cụm từ	-Dạy trẻ nghe từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động đơn giản,
<i>Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ</i>	
69. Trẻ biết tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu	Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của

và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
70. Trẻ biết chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	– Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển). Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc. - Chủ đề trường mầm non: Ngày đầu tiên đi học(Nguyễn Ngọc Thiệp),Đi học (Bùi đình Thảo),, Bàn tay cô giáo (Phạm Tuyên), Chiếc đèn ông sao, Bé đi học; Gặp nhau giữa trời thu Hà Nội; Đi học xa(Hoàng Thanh) Dân ca tự chọn; - Trò chơi âm nhạc:... - Biểu diễn cuối chủ đề:... -Chủ đề trường bản thân: Tìm bạn thân;Thật đáng chê; Em là bông hồng nhỏ, Năm ngón tay ngoan, Tập rửa mặt, Nắm tay thân thiết; Dân ca tự chọn - Trò chơi âm nhạc:... - Biểu diễn cuối chủ đề:... - Chủ đề trường gia đình: Tổ ấm gia đình (Hoàng Vân), Chỉ có một trên đời (Trương Quang Lục), Mẹ yêu con (Nguyễn Văn Tý), Ngôi sao nhỏ, Ru con mùa đông, Cái cò đi đón cơn mưa, Gánh gánh gồng gồng, Lời ru trên nường, Người giáo viên nhân dân, Cô giáo về bản; Những ngôi sao nhỏ; Mẹ yêu con; Đưa cơm cho mẹ đi cày; Khúc hát ru của người mẹ trẻ (Phạm Tuyên); Ba ngọn nến lung linh(Ngọc lễ); Dân ca tự chọn; - Trò chơi âm nhạc:... - Biểu diễn cuối chủ đề:... -Chủ đề nghề nghiệp: Hạt gạo làng ta (Thơ Trần Đăng Khoa Nhạc; Xe chỉ luân kim (Dân ca quan họ Bắc Ninh); Màu áo chú bộ đội (Nguyễn Văn Tý), Cô tiên áo trắng (Nguyễn Văn Trường, Cô giáo bản em, Ba em là công nhân lái xe, Lá xanh, Hôm nay mẹ trực đêm, Đưa cơm cho mẹ đi cày. - Trò chơi âm nhạc:... - Biểu diễn cuối chủ đề:... - Chủ đề động vật: Gà gáy le te, Chú ếch con , Chi ong nâu và em bé, Lý Hoài Nam, Tôm cá cua thi tài, Đuôi chim, Vật nuôi, Chim bay, Lên ngàn; Gà gáy; cái Bống; Lợn tròn, lợn khéo; Những cô gái trên quê hương quan họ;Cái bống; Lên ngàn; Dân ca tự chọn;

	- Trò chơi âm nhạc:... - Biểu diễn cuối chủ đề:... - Chủ đề thực vật- Tết mùa xuân: Cây trúc xinh, Hoa trong vườn, Ngày tết quê em, Mùa xuân ơi, Vườn cây của ba; Dân ca tự chọn; - Trò chơi âm nhạc:... - Biểu diễn cuối chủ đề:... - Chủ đề Phương tiện và quy định giao thông: Ngồi tựa mạn thuyền, Khúc hát an toàn giao thông, Anh phi công ơi, Em đi chơi thuyền, Đi đường em nhớ, Cô dạy bé bài học giao thông, Từ một ngã tư đường phố; Khúc hát an toàn giao thông; Dân ca tự chọn; - Trò chơi âm nhạc:... - Biểu diễn cuối chủ đề:... - Chủ đề Nước và hiện tượng tự nhiên: “Mưa rơi”. Hè về, giọt sương, Reo vang bình minh, Đêm phao, hạt nắng hạt mưa; Giọt mưa và em bé (Quang Huân); Dân ca tự chọn; - Trò chơi âm nhạc:... - Biểu diễn cuối chủ đề:... - Chủ đề Quê hương- Đất nước- Bác Hồ- Trường tiểu học: Việt Nam quê hương tôi, Quê hương tươi đẹp, Cái bóng, Bác Hồ người cho em tất cả. Hà Nội niềm tin và hy vọng, Em đi giữa biển vàng, Từ rừng xanh cháu về thăm lăng Bác, Miền Nam của em, Trái đất này.... Về quê mình Diên Châu; Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thiếu niên nhi đồng; Em yêu trường em; Em nhớ tây nguyên; Em như chim bồ câu trắng Dân ca tự chọn. - Trò chơi âm nhạc:... - Biểu diễn cuối chủ đề:...
71. Trẻ biết thể hiện sự thích thú trước cái đẹp	- Thích thú reo lên, xuýt xoa trước cảnh đẹp thiên nhiên, cảnh đẹp trong một bức tranh. - Lắng nghe một cách thích thú tiếng chim kêu. - Nâng niu một bông hoa, 1 cây non...
72. Hát theo một số bài hát Tiếng Anh đơn giản, quen thuộc	- Dạy trẻ hát theo một số bài hát rất đơn giản, quen thuộc bằng Tiếng Anh
73. Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...	- Chủ đề trường mầm non: Ngày vui của bé (Hoàng Văn Yến) Trường Mầm giáo yêu thương (Hoàng Văn Yến), Vườn trường mùa thu (Cao Minh Khanh), Đi tới trường, Cô giáo miền xuôi, Em đi mẫu giáo, Gác trống, Những khúc nhạc hồng; Lốp chúng mình; Bài ca đi học; Chào năm học mới, Vui đến trường; Em đến trường mầm non; - Chủ đề trường bản thân: Cái mũi, càng lớn càng

	ngoan, Mời bạn ăn, Mừng sinh nhật, Thật đáng yêu, Mời bạn ăn, Khuôn mặt cười, Đường và chân, Tay thơm tay ngoan; Gà gáy vang dậy bạn ơi; Nắng sớm. - Chủ đề trường gia đình: Cả nhà đều yêu (Bùi Anh Tôn), Bé quét nhà (Hà Đức Hậu), Cháu yêu bà, Ngôi nhà mới, Bà cùng đi chợ trời mưa, Bố là tất cả, Bàn tay mẹ, Bầu và bí; Ông cháu; -Chủ đề nghề nghiệp: Cháu yêu cô thợ dệt (Thu Hiền); Bác đưa thư vui tính (Hoàng Lân); Lớn lên cháu lái máy cày (Kim Hữu), Cháu yêu cô chú công nhân (Hoàng Văn Yên), Chú bộ đội đi xa (Hoàng Vân); Làm bác sỹ, Em yêu bác nông dân, Tía má em là nông dân, Ước mơ xanh. Cô giáo miền xuôi; Cô tiên áo trắng; Lớn lên em muốn làm gì?; Em muốn làm cảnh sát - Chủ đề động vật: “Thương con mèo” hai chú cún con, Đàn gà con, Chú voi con ở Bản Đôn, Cá vàng bơi, Con chuồn chuồn; Đồ bạn, Vật nuôi; Ba con bướm, Chú mèo con; Con chim vành khuyên, Bông hoa mừng cô. Ta đi vào rừng xanh; Chú thỏ con. - Chủ đề thực vật- Tết mùa xuân : Lá xanh; Sắp đến tết rồi, Mùa xuân ; Ngày vui 8/3, Em yêu cây xanh, Hoa trường em, Quả, Màu hồng, Hoa kết trái, Mùa xuân, Xòe hoa, Cùng múa hát mừng xuân; Màu hoa; Em thêm 1 tuổi - Chủ đề Phương tiện và quy định giao thông: Em đi qua ngã tư đường phố, Em đi chơi thuyền, Bài học sang đường, Bé học luật giao thông, Máy bay, bay bay ; Màu mắt ai ; - Chủ đề Nước và hiện tượng tự nhiên: “Cho tôi đi làm mưa với”, “Mùa hè đến” Mưa bóng mây, Ánh trăng hòa bình - Chủ đề Quê hương- Đất nước - Bác Hồ- Trường Tiểu học: Tạm biệt búp bê, Em yêu Thủ Đô, Cây trúc xinh, Tre ngà bên lăng Bác, Cháu vẫn nhớ trường mầm non, Em yêu trường em, Nhớ ơn Bác, Quê hương tươi đẹp; Hát bên lăng Bác Hồ; Múa với bạn Tây nguyên; Trường em;
74. Trẻ biết vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).	Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).
75. Trẻ có khả năng tự nghĩ ra biết	Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận

đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát, các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. Đặt lời theo giai điệu bài hát, bản nhạc quen thuộc(một câu hoặc một đoạn) VD: Bài hát “mẹ ơi mẹ con yêu mẹ lắm” thay cho “ Bà ơi bà cháu yêu bà lắm”...
76. Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.	Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu(nhanh, chậm, phối hợp) với bài hát, bản nhạc một cách phù hợp
77.-KN Múa- Trẻ biết thực hiện được ít nhất 2-3 bài múa, ít nhất 2- 3 bài đồng diễn;	- Thực hiện được cơ bản các thế múa tay, chân cơ bản; các bài tập nhịp điệu; Biết chuyển động nhịp nhàng, thay đổi bước chuyển động theo nhạc; Biết chuyển động theo đội hình;Thực hiện được các bài biểu diễn trên sân khấu;
78. Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm. -Làm nguyên vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm
79. Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.
80. Trẻ biết phối hợp các kỹ năng cắt, xé theo đường viền thẳng và cong của các hình, dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	+ Cắt được hình không bị rách + Đường cắt lượn sát theo nét vẽ. - Cắt dán đồ chơi trong sân trường MN - Làm gang tay - Làm đồng hồ đeo tay - Làm ca vát tặng bố
81. Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.	- Nặn các loại quả -Nặn các loại rau, củ, quả, theo ý thích - Nặn các con vật theo ý thích
82. Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	- Cắt dán tủ quần áo - Cắt dán hình ảnh một số nghề - Gấp hoa sen - Làm quà tặng bà, mẹ, cô giáo, chị(em) gái, bạn gái - Làm quà tặng chú bộ đội - Làm đèn trung thu - Bé làm quà đón tết - Làm(Cắm hoa) hoa trang trí ngày tết - Làm dụng cụ nghề - Trang trí tán lá cây - Mô hình thế giới đại dương - Làm con gà - Gấp thuyền - Làm ô tô - Làm mưa ngũ sắc - Xé dán bức tranh phong cảnh

	- Cắt dán đồ dùng học tập - Vẽ , tô màu đồ chơi trong sân trường - Trang trí rèm cửa lớp học - Vẽ tô màu cô giáo - Vẽ tô màu chân dung bé - Cắt dán áo bạn trai bạn gái - Trang trí khăn quàng cổ - Nặn theo chủ đề:... - Vẽ chân dung người thân trong gia đình - Cắt dán ngôi nhà từ các hình hình học - Vẽ cái nôi - Vẽ đồ dùng dụng cụ nghề nông - Vẽ trang trí cái cốc - Vẽ tranh chú bộ đội bảo vệ biển đảo - Cắt dán hình ảnh một số nghề - Nặn theo chủ đề:... - Xé dán cây ăn quả - Tạo hoa bằng dầu vân tay - Tạo hình rau củ quả - Nặn theo chủ đề:... - Trang trí bưu thiếp ngày tết - Đề tài : Theo chủ đề... - Vẽ con gà trống - Xé dán đàn cá - Cắt dán động vật sống trong rừng - Nặn theo chủ đề:... - Vẽ tàu thuyền trên biển - Cắt dán ô tô - Xé dán cột đèn tín hiệu giao thông - Nặn theo chủ đề:... - Đề tài: Theo chủ đề... - Vẽ cảnh biển - Xé dán đám mây - Vẽ trang phục theo mùa theo ý thích - Nặn theo chủ đề:... - Vẽ cảnh quê hương - Vẽ vườn hoa lăng Bác - Đề tài Theo ý thích... - Vẽ đồ dùng học tập - Vẽ tô màu trường Tiểu học - Nặn theo chủ đề:...
83. Trẻ biết tô màu kín không chừa ra ngoài đường viền các hình vẽ	- Cầm bút đúng: bằng ngón trỏ, ngón cái, đỡ bằng ngón giữa - Tô màu đều không chừa ra ngoài nét vẽ

84. Trẻ biết dán các hình vào đúng vị trí cho trước, không bị nhăn	- Bôi hồ đều. - Các chi tiết không chồng lên nhau. - Dán hình vào bức tranh phẳng phiu.
85. Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.	Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục.
86. Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích. Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.
87. Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	Đặt tên cho sản phẩm của mình.
Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội	
88. Trẻ nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình	Nói được những thông tin cơ bản cá nhân và gia đình như: + Họ và tên trẻ, tên các thành viên trong gia đình. + Địa chỉ nhà (số nhà, tên phố/ làng xóm). + Số điện thoại gia đình hoặc số điện thoại của bố mẹ (nếu có)...
89. Trẻ nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi	- Nhận ra thái độ khác nhau của người nói chuyện với mình qua ngữ điệu khác nhau của lời nói - Nhận ra đặc điểm tính cách của nhân vật qua sắc thái, ngữ điệu lời nói của các nhân vật trong các câu chuyện - Thể hiện được cảm xúc của bản thân qua ngữ điệu của lời nói
90. Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	Sở thích, khả năng của bản thân
91. Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).	Điểm giống và khác nhau của mình với người khác.
92. Trẻ biết mình là anh, em, con, cháu trong gia đình	- Các thành viên trong gia đình - Vị trí, trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học
93. Trẻ biết đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân	- Nêu hoặc chọn lựa được các trò chơi, hoạt động mà mình thích
94. Trẻ chủ động làm một số công việc đơn giản hàng ngày	- Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...). - Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.
95. Trẻ cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.	Hoàn thành công việc được người lớn giao như trực nhật: chia giấy vẽ, cất dọn đồ dùng, đồ chơi..
96. Trẻ thể hiện sự vui thích khi	- Khi làm xong một sản phẩm, trẻ tỏ ra phấn khởi,

hoàn thành công việc	ngắm nghía, nâng niu, vuốt ve - Khoe, kể về sản phẩm của mình với người khác - Cất giữ sản phẩm cẩn thận
97. Trẻ nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.
98. Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.
99. Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác (an ủi người thân hay bạn bè khi họ ốm, mệt hoặc buồn rầu bằng lời nói, hoặc cử chỉ; chúc mừng bạn, người thân nhân ngày sinh nhật ...)
100. Trẻ biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích	- Biết trấn tĩnh lại và kiềm chế những hành vi tiêu cực khi có cảm xúc thái quá với sự giúp đỡ của người lớn - Biết sử dụng lời nói diễn tả cảm xúc tiêu cực của bản thân khi giao tiếp với bạn bè và người thân để giải quyết một số xung đột trong sinh hoạt hàng ngày
101. Trẻ dễ hòa đồng với bạn bè trong nhóm chơi	- Nhanh chóng nhập cuộc vào hoạt động nhóm. - Được mọi người trong nhóm tiếp nhận. - Chơi trong nhóm bạn vui vẻ, thoải mái.
102. Trẻ nói được khả năng và sở thích của bạn bè và người thân	Nói đúng khả năng của một số người gần gũi (VD: bạn A vẽ đẹp; bạn B chạy rất nhanh; chú C rất khỏe; mẹ nấu ăn rất ngon).
103. Trẻ biết chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình	- Gọi được tên và chấp nhận các sở thích giống nhau và khác nhau giữa mình và các bạn - Không chê bai bạn.... - Nhận ra rằng mọi người có thể sử dụng các từ khác nhau để chỉ cùng 1 vật.
104. Trẻ thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng đồ chơi với những người gần gũi.	Quan tâm, chia sẻ giúp đỡ bạn bè.
105. Trẻ có nhóm bạn chơi thường xuyên	- Thích và hay chơi theo nhóm bạn. - Có ít nhất 2 bạn hay cùng chơi với nhau
106. Trẻ biết thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè	- Chơi với bạn vui vẻ, thể hiện sự đoàn kết với bạn bè trong các hoạt động. - Biết dùng cách để giải quyết mâu thuẫn giữa các bạn.
107. Trẻ sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác.	- Chủ động bắt tay vào công việc cùng với bạn. - Phối hợp với bạn để hoàn thành công việc vui vẻ, không xảy ra mâu thuẫn.

108. Trẻ biết đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết	- Đề nghị sự giúp đỡ của người cô, các bạn - Trình bày đề người khác giúp đỡ.
109. Trẻ biết quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn	- Nhận ra và có ý kiến về sự không công bằng giữa các bạn(thể hiện bằng lời nói, hành động về sự công bằng trong nhóm bạn bè). - Có ý thức xử sự công bằng với bạn bè trong
110. Trẻ biết thực hiện một công việc theo cách riêng của mình	- Không bắt chước và có những biểu hiện khác biệt trong khi thực hiện nhiệm vụ. - Thực hiện cùng nhiệm vụ như các bạn nhưng theo cách khác với các bạn. - Làm ra sản phẩm tạo hình không giống các bạn khác.
111. Trẻ biết thể hiện ý tưởng của bạn thân thông qua các hoạt động khác nhau	- Khởi xướng và đề nghị bạn tham gia vào trò chơi. - Xây dựng các công trình từ những khối xây dựng khác nhau. - Có những vận động minh họa/ múa sáng tạo khác với hướng dẫn của cô.....
112. Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, xem tranh ảnh cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Nhận ra Bác trong ảnh, video,... và biết đến một số hoạt động của Bác khi còn sống. Kính yêu Bác Hồ. - Đọc các bài thơ, bài hát, làm việc, chăm ngoan thể hiện tình cảm của mình với Bác Hồ. - Bác Hồ kính yêu.
113. Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của Quê hương- Đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. - Kể tên các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh của quê hương. - Thể hiện tình yêu quê hương đất nước. - Chăm ngoan, học giỏi giúp ích cho quê hương. - Đèn Cuông, Quê Bác, Quảng Trường, Cửa Lò, Biển Diễn Thành... - Lễ hội của quê hương em
114. Trẻ biết thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường).
115. Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự.
116. Trẻ biết lắng nghe ý kiến của người khác, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn	- Lắng nghe ý kiến của người khác, trình bày ý kiến của mình với bạn - Biết dùng lời để trao đổi hoặc biết nhờ đến sự giúp đỡ

	- Biết thỏa thuận dựa trên sự hiểu biết về quyền của mình và nhu cầu của bạn
117. Trẻ biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động	- Tôn trọng hợp tác, chấp nhận. - Biết chờ đến lượt.
118. Trẻ biết nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối MT	- Nhận ra một số hành vi đúng hoặc sai của bản thân, của bạn đối MT. - Thể hiện thái độ với những hành vi sai qua hoạt động tạo hình, âm nhạc, trò chơi.
119. Trẻ thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc	- Thích chăm sóc cây cối, con vật thân thuộc. - Vui vẻ nhận công việc tưới cây, cho con vật thân thuộc ăn - Kêu lên khi thấy một cành cây non hoặc bông hoa bị gãy nát, con vật thân thuộc bị đau hay chết. - Dạy kỹ năng không chơi gần với các con vật nguy hiểm
120. Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày	Thể hiện các hành vi đúng đối với MTXQ trong sinh hoạt hàng ngày như: - Giữ gìn vệ sinh trong lớp, ngoài đường. - Tắt điện khi ra khỏi phòng. - Biết sử dụng tiết kiệm nước trong sinh hoạt hàng ngày ở nhà và ở trường.

An Châu, ngày 29 tháng 9 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



TRƯỜNG
MẦM NON
DIỄN THỊNH

Phạm Thị Hương



UBND XÃ AN CHÂU
TRƯỜNG MN DIỄN THỊNH

(Phụ lục 2)

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC SỨC KHỎE TRẺ.

Độ tuổi : 24-36 tháng tuổi: Năm học 2025- 2026

(Kèm theo Kế hoạch số 93 /KH-TrMN ngày 26 tháng 9 năm 2025)

Nội dung	Phương pháp hình thức thực hiện	Người thực hiện, người phối hợp thực hiện	Lưu ý/điều chỉnh
1 Tổ chức bữa ăn	<i>a.Số lượng và chất lượng bữa ăn:</i> - Số bữa ăn tại nhà trường: Hai bữa chính và một bữa phụ. + <i>Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:</i> Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày. + <i>Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:</i> Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần. Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần. - Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - Xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa. b. Chăm sóc bữa ăn - Trước khi ăn: + Cô chuẩn bị bàn ghế (cô sắp xếp) + Trẻ được ngồi vào bàn ăn + Cô chuẩn bị đầy đủ số lượng đồ dùng cho trẻ.(thìa, bát, khăn lau, đĩa đựng cơm rơi - Trong khi ăn: + Trong khi cho trẻ ăn cô cần quan tâm đến đặc	-Phụ trách dinh dưỡng, nhân viên nuôi dưỡng - Giáo viên và trẻ	-

	điểm từng trẻ như: Trẻ mới tập ăn cơm, trẻ ăn chậm, trẻ mới đi nhà trẻ, trẻ yếu hoặc mới ốm dậy, cô tạo không khí thoải mái và khuyến khích trẻ ăn hết suất, không được dọa, nạt trẻ trong khi ăn, không ép trẻ khi trẻ không muốn ăn hoặc nôn trớ +Xếp những trẻ yếu, ăn chậm và suy dinh dưỡng riêng 1 bàn để tiện chăm sóc. Thường xuyên thông tin kịp thời với phụ huynh về tình trạng trẻ biếng ăn để có biện pháp chăm sóc. + Không nên cho trẻ ăn, uống khi trẻ ho, khóc hoặc ngủ gật để tránh hóc và sặc. Khi trẻ ăn, uống không bịt mũi hoặc ngáng miệng bắt trẻ nuốt - Sau khi ăn: +Trẻ biết bỏ bát thìa đúng nơi, súc miệng, lau mặt sạch sẽ.		
2.Tổ chức giấc ngủ	a.Trước khi trẻ ngủ: + Giáo viên cho trẻ đi vệ sinh, chuẩn bị chỗ ngủ cho trẻ (thoáng mát về mùa hè, ấm về mùa đông) - Cô kiểm tra xem trẻ có ngậm thức ăn trong miệng không. + Cởi bớt áo, quần cho trẻ thoải mái để ngủ + Cho trẻ nghe những bài hát ru, dân ca êm dịu để trẻ dễ đi vào giấc ngủ, với những trẻ khó ngủ cô nên vỗ về giúp trẻ dễ ngủ hơn. * Theo dõi trẻ trong khi ngủ: + Trẻ có thói quen ngủ trưa 1 giấc khoảng 150 phút + Khi trẻ ngủ cô bao quát trẻ, vỗ về những trẻ khó ngủ, chú ý đắp chăn, bật quạt cho trẻ ở mức độ vừa phải + Chú ý trẻ để cho trẻ dậy đi vệ sinh, nếu trẻ tè dầm giáo viên cần quan sát để thay cho trẻ kịp thời và bao quát các tình huống * Chăm sóc sau khi trẻ thức dậy: - Không nên đánh thức trẻ đồng loạt, trẻ nào thức trước cô cho trẻ dậy trước. +Cô cho trẻ ngồi bô đi vệ sinhsau khi ngủ dậy sau đó cho trẻ ăn quà chiều.	-Giáo viên	

3. vệ sinh	<i>a. Vệ sinh cô:</i> + Cô trang phục, đầu tóc gọn gàng, sạch sẽ, cô là tấm gương cho học sinh noi theo - Đeo khẩu trang khi chia thức ăn, khi ho, sổ mũi, viêm họng. - Để đồ dùng cá nhân của trẻ riêng biệt, không sử dụng đồ dùng cá nhân của trẻ. - Khám sức khỏe định kỳ hàng năm. <i>b. Vệ sinh cá nhân trẻ</i> +Cô chuẩn bị các đồ dùng vệ sinh cá nhân: khăn lau mặt, xà phòng +Chăm sóc và hướng dẫn trẻ thực hiện vệ sinh cá nhân -Cô rửa tay, lau mặt cho trẻ theo đúng quy trình, đảm bảo vệ sinh. Vừa làm vừa hướng dẫn từng thao tác rửa tay và tập cho trẻ làm quen dần với việc tự phục vụ. <i>b) Vệ sinh môi trường:</i> +Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi - Một số đồ dùng phục vụ cho trẻ ăn uống, vệ sinh tại nhóm lớp cần theo quy định: Mỗi trẻ có cốc, bát, thìa, khăn mặt riêng, đảm bảo sạch sẽ, được lau, rửa thường xuyên, sau đó được phơi ngoài ánh nắng. - Hằng tuần giặt khăn 1 lần bằng nước sôi muối - Bình, thùng đựng nước phải có nắp đậy, được vệ sinh hàng ngày, để nơi sạch sẽ, tránh bụi bẩn. Nước không uống hết sau một ngày phải đổ đi. Tuyệt đối không để trẻ thò tay hoặc uống trực tiếp vào bình đựng nước - Bàn ghế, đồ dùng trong lớp thường xuyên lau sạch sẽ tránh để bụi bẩn - Đồ dùng vệ sinh: Xô, chậu, nước tẩy các loại phải được úp, cất cẩn thận và tránh xa tầm tay của trẻ đối với những chất có chứa chất độc hại. - Đồ chơi phải đảm bảo sạch sẽ, an toàn khi cho trẻ chơi. Hàng tuần vệ sinh đồ chơi ít nhất 01 lần. + <i>Vệ sinh phòng nhóm</i> - Hằng ngày giáo viên vệ sinh quét dọn phòng lớp sạch sẽ.	-Giáo viên -Giáo viên và trẻ -Giáo viên	
--------------------------	---	--	--

	- Phòng vệ sinh thường xuyên được lau chùi sạch sẽ, khô ráo và không có mùi hôi. + Xử lý rác thải - Rác thải của nhóm lớp được bỏ vào túi ni lon và bỏ vào thùng rác của lớp. Cuối ngày giáo viên đưa về nơi tập kết rác thải của nhà trường để xử lý rác sạch sẽ. + Giữ sạch nguồn nước: - Nguồn nước phải có nguồn nước sạch : nước tinh khiết đóng bình để sử dụng ăn uống	-Giáo viên -BGH	
4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn	a) Chăm sóc sức khỏe * Khám sức khỏe - Trong năm học, nhà trường phối hợp với các cơ sở y tế có đủ điều kiện tổ chức khám, điều trị theo các chuyên khoa như: Nhi khoa, mắt, tai – mũi – họng, răng – hàm – mặt, cơ – xương – khớp... nhằm phát hiện sớm bệnh tật của trẻ, có biện pháp điều trị thích hợp.- Nhà trường tổ chức khám sức khỏe cho trẻ một năm ít nhất 1 lần; Lưu ý khi kiểm tra sức khỏe cho trẻ cần phải ghi đầy đủ các nội dung yêu cầu tại sổ sức khỏe; thông báo kết quả cho cha mẹ trẻ biết sau khi khám sức khỏe. + Theo dõi thể lực của trẻ qua biểu đồ phát triển: -Trẻ được theo dõi cân nặng và đo chiều cao trên biểu đồ vào tháng 9,12,3 nhằm phát hiện những trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thấp còi, béo phì; Trẻ suy dinh dưỡng,béo phì được theo dõi hàng tháng để có biện pháp phối hợp với phụ huynh trong chăm sóc trẻ. b. Phòng và xử lý các bệnh thường gặp + Tiêm chủng, phòng dịch - Nhắc nhở và tuyên truyền phụ huynh tiêm phòng đầy đủ cho trẻ theo hướng dẫn của y tế địa phương Theo dõi chặt chẽ tình trạng sức khỏe của trẻ sau tiêm chủng. Báo cáo y tế địa phương những trường hợp bất thường để xử lý kịp thời. - Trong thời gian có dịch bệnh xảy ra nếu có nhiều trẻ bị bệnh do dịch thì giáo viên báo cáo	-Y tế phối hợp với trạm y tế để thực hiện -Giáo viên phối hợp	

	nhà trường đề mời y tế đến khám, tìm nguyên nhân, có biện pháp xử lý kịp thời để tránh lây lan. - Thực hiện nghiêm cách phòng chống dịch của bộ y tế trong trường, lớp học an toàn. + <i>Phát hiện sớm và chăm sóc trẻ ốm</i> - Khi đón trẻ và chăm sóc trẻ trong cả ngày, nếu thấy trẻ có gì khác thường phải theo dõi tình hình sức khỏe của trẻ cẩn thận để xử lý kịp thời. - Biết cách xử lí và chăm sóc trẻ ốm tại trường. c. <i>Bảo vệ an toàn và phòng một số bệnh thường gặp:</i> *<i>An toàn thể lực:</i> - Tạo môi trường an toàn cho trẻ khi đến trường, vệ sinh đồ dùng đồ chơi sạch sẽ, sắp xếp giá tủ gọn gàng, ngăn nắp. - Thường xuyên kiểm tra cơ sở vật chất để kịp thời thanh lí, tu sửa, không để trẻ bị xây xước, ngã, trơn trượt, đảm bảo an toàn cho trẻ mọi lúc mọi nơi, không để trẻ bị thương tích. - Quản lí trẻ cẩn thận mọi lúc mọi nơi. * <i>An toàn tính mạng:</i> - Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Nước uống và nước sinh hoạt dùng cho trẻ đảm bảo vệ sinh, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm ảnh hưởng đến tính mạng của trẻ. Không để xảy ra việc thất lạc trẻ. - Đồ chơi ngoài trời, phù hợp với độ tuổi, thường xuyên kiểm tra CSVN đảm bảo an toàn về tính mạng cho trẻ. - Phối hợp với các ban ngành đoàn thể để giữ an toàn giao thông trong giờ đưa đón trẻ. - Tạo tâm lý thoải mái, vui vẻ cho trẻ khi đến lớp. Gần gũi, thân mật với trẻ như ở nhà. Không dọa nạt, quát mắng, đánh trẻ.	với phụ huynh -Giáo viên phối hợp với nhà trường để thực hiện	
--	---	---	--

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH



Nguyễn Thị Lành

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Hương



UBND XÃ AN CHÂU

(Phụ lục 2)

TRƯỜNG TRƯỜNG MẦM NON DIỄN THỊNH

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE TRẺ.

ĐỘ TUỔI 3-4 TUỔI: NĂM HỌC 2025- 2026

(Kèm theo Kế hoạch số 93 /KH-TrMN ngày 26 tháng 10 năm 2025)

Nội dung	Phương pháp hình thức thực hiện	Người thực hiện, người phối hợp thực hiện	Lưu ý/ điều chỉnh
1 Tổ chức bữa ăn	<i>a. Số lượng và chất lượng bữa ăn:</i> + <i>Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 - 1320 Kcal.</i> + <i>Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.</i> - <i>Số bữa ăn tại nhà trường: Một bữa chính và một bữa phụ.</i> + <i>Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày.</i> + <i>Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:</i> - Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần. - Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần. - Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần. - <i>Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).</i> - <i>Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.</i> <i>* Lượng thực phẩm:</i> - <i>Mỗi bữa chính trẻ ăn 280g - 300g cơm và thức ăn với đủ năng lượng và các chất dinh dưỡng cần thiết như: Đạm, bột, béo, đường, vitamin muối khoáng. Bữa ăn của trẻ gồm 2 món mặn, 1 món xào, canh và cơm.</i> <i>* Nước uống:</i>	-Phụ trách dinh dưỡng, nhân viên nuôi dưỡng - Giáo viên và trẻ	-

	- Hàng ngày trẻ được uống nước đầy đủ, nhất là về mùa hè. Lượng nước cần được đưa vào cơ thể trẻ 1,6 - 2 lít nước một ngày (cả trong thức ăn và hoa quả). - Nước uống đựng trong bình âm có nắp đậy kín hoặc nước tinh khiết. Mỗi trẻ có cốc riêng, có kí hiệu riêng từng trẻ. Mùa đông trẻ uống nước đun sôi để ấm, mùa hè trẻ uống nước đun sôi để nguội - Giáo viên cho trẻ uống theo nhu cầu và chia làm nhiều lần trong ngày, hướng dẫn trẻ tự lấy cốc uống nước, uống xong úp cốc đúng nơi quy định. Không để trẻ quá khát mới uống hoặc uống một lần quá nhiều. Không nên cho trẻ uống nhiều nước trước bữa ăn. <i>b. Chăm sóc bữa ăn</i> - <i>Trước khi ăn:</i> + Cô chuẩn bị bàn ghế (cô sắp xếp) + Trẻ được ngồi vào bàn ăn (4-6 trẻ một nhóm) + Cô chuẩn bị đầy đủ số lượng đồ dùng cho trẻ.(thìa, khay, khăn lau, đĩa đựng cơm rơi, giấy lau - <i>Trong khi ăn:</i> + Giáo viên cần vui vẻ, nói năng dịu dàng, tạo không khí thoải mái cho trẻ trong khi ăn. Động viên, khuyến khích trẻ ăn hết suất, kết hợp GD dinh dưỡng, hành vi VS văn minh trong ăn uống. + GV cần quan tâm hơn những trẻ mới đến lớp, trẻ yếu hoặc mới ốm dậy. Nếu thấy trẻ ăn chậm cần tìm hiểu nguyên nhân để báo cho nhà bếp hoặc y tế hay cho bà mẹ biết để chủ động chăm sóc trẻ tốt hơn. Có biện pháp phòng tránh trẻ hóc, sặc trong khi ăn. + Dạy trẻ có một số hành vi văn minh trong ăn uống (Không nói chuyện khi ăn, không dùng tay bốc thức ăn, hắt hơi biết lấy tay che miệng, lấy khay cơm bằng 2 tay...) - <i>Sau khi ăn:</i> + Trẻ biết bỏ khay thìa đúng nơi, súc miệng, lau mặt sạch sẽ .		
--	---	--	--

2. Tổ chức giấc ngủ	a. Trước khi trẻ ngủ: + Giáo viên cho trẻ đi vệ sinh, chuẩn bị chỗ ngủ cho trẻ (thoáng mát về mùa hè, ấm về mùa đông) + Cô kiểm tra trẻ có ngậm thức ăn trong miệng không. + Cởi bớt áo, quần cho trẻ thoải mái để ngủ + Cho trẻ nghe những bài hát ru, dân ca êm dịu để trẻ dễ đi vào giấc ngủ, với những trẻ khó ngủ cô nên vỗ về giúp trẻ dễ ngủ hơn. * Theo dõi trẻ trong khi ngủ: + Trẻ có thói quen ngủ trưa 1 giấc khoảng 150 phút + Khi trẻ ngủ cô bao quát trẻ, vỗ về những trẻ khó ngủ, chú ý đắp chăn, bật quạt cho trẻ ở mức độ vừa phải. + Chú ý trẻ để cho trẻ dậy đi vệ sinh, nếu trẻ tè dầm giáo viên cần quan sát để thay cho trẻ kịp thời và bao quát các tình huống * Chăm sóc sau khi trẻ thức dậy: - Không nên đánh thức trẻ đồng loạt, trẻ nào thức trước cô cho trẻ dậy trước. + Cô cho trẻ đi vệ sinh sau khi ngủ dậy sau đó cho trẻ ăn quà chiều.	Giáo viên	
3. Tổ chức vệ sinh	a. Vệ sinh cô: + Cô trang phục, đầu tóc gọn gàng, sạch sẽ, cô là tấm gương cho học sinh noi theo - Đeo khẩu trang khi chia thức ăn, khi ho, sổ mũi, viêm họng. - Để đồ dùng cá nhân của trẻ riêng biệt, không sử dụng đồ dùng cá nhân của trẻ. - Khám sức khỏe định kỳ hàng năm. b. Vệ sinh cá nhân trẻ + Cô chuẩn bị các đồ dùng vệ sinh cá nhân: khăn lau mặt, xà phòng, dụng cụ đựng khăn.. + Chăm sóc và hướng dẫn trẻ thực hiện vệ sinh cá nhân: - Hướng dẫn trẻ rửa tay bằng xà phòng và lau khô tay theo đúng trình tự, đảm bảo vệ sinh. Với những trẻ mới đến lớp cô nên hướng dẫn tỉ mỉ từng thao tác rửa tay và tập cho trẻ làm quen dần với việc tự phục vụ. - Hướng dẫn trẻ tự lau mặt sạch sẽ trước và sau khi ăn, khi tay và mặt bị bẩn theo đúng qui trình, Mùa lạnh cần chuẩn bị khăn ấm cho trẻ lau. * Vệ sinh răng miệng cho trẻ: - Hướng dẫn trẻ súc miệng nước muối. Tuyên truyền với phụ huynh không nên cho trẻ ăn quà vặt nhất là kẹo, bánh ngọt b) Vệ sinh môi trường:	Giáo viên Giáo viên và trẻ	

	+Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi - Một số đồ dùng phục vụ cho trẻ ăn uống, vệ sinh tại nhóm lớp cần theo quy định: Mỗi trẻ có cốc, bát, thìa, khăn mặt riêng, đảm bảo sạch sẽ, được lau, rửa thường xuyên, sau đó sấy hoặc được phơi ngoài ánh nắng. - Hằng tuần giặt khăn 1 lần bằng nước sôi muối - Bình, thùng đựng nước phải có nắp đậy, được vệ sinh hàng ngày, để nơi sạch sẽ, tránh bụi bẩn. Nước không uống hết sau một ngày phải đổ đi. Tuyệt đối không để trẻ thò tay hoặc uống trực tiếp vào bình đựng nước - Bàn ghế, đồ dùng trong lớp thường xuyên lau sạch sẽ tránh để bụi bẩn - Đồ dùng vệ sinh: Xô, chậu, nước tẩy các loại phải được úp, cất cẩn thận và tránh xa tầm tay của trẻ đối với những chất có chứa chất độc hại. - Đồ chơi phải đảm bảo sạch sẽ, an toàn khi cho trẻ chơi. Hàng tuần vệ sinh đồ chơi ít nhất 01 lần. + Vệ sinh phòng nhóm - Hằng ngày giáo viên vệ sinh quét dọn phòng lớp sạch sẽ. - Phòng vệ sinh thường xuyên được lau chùi sạch sẽ, khô ráo và không có mùi hôi + Xử lý rác thải - Rác thải của nhóm lớp được bỏ vào túi ni lon và bỏ vào thùng rác của lớp. Cuối ngày giáo viên đưa về nơi tập kết rác thải của nhà trường để xử lý rác sạch sẽ. + Giữ sạch nguồn nước: - Nguồn nước phải có nguồn nước sạch : nước tinh khiết đóng bình, nước máy để sử dụng ăn uống	-Giáo viên -Giáo viên -BGH	
4.Chăm sóc sức khỏe và an toàn	a) Chăm sóc sức khỏe + Khám sức khỏe định kỳ và khám chuyên khoa: Khám sức khỏe định kì: Tổ chức khám sức khỏe cho trẻ một năm ít nhất 1 lần; - Khám điều trị chuyên khoa: Phối hợp với các cơ sở y tế có đủ điều kiện tổ chức khám, điều trị theo các chuyên khoa như: Nhi khoa, mắt, tai – mũi – họng, răng – hàm – mặt, cơ – xương – khớp... b. Phòng và xử lý các bệnh thường gặp + Tiêm chủng, phòng dịch - Nhắc nhở và tuyên truyền phụ huynh tiêm phòng đầy đủ cho trẻ theo hướng dẫn của y tế địa phương Theo dõi	-Y tế phối hợp với trạm y tế để thực hiện	

	chặt chẽ tình trạng sức khỏe của trẻ sau tiêm chủng. Báo cáo y tế địa phương những trường hợp bất thường để xử lý kịp thời. - Trong thời gian có dịch bệnh xảy ra nếu có nhiều trẻ bị bệnh do dịch thì giáo viên báo cáo nhà trường để mời y tế đến khám, tìm nguyên nhân, có biện pháp xử lý kịp thời để tránh lây lan. - Thực hiện nghiêm cách phòng chống dịch của bộ y tế trong trường, lớp học. * Theo dõi phát triển thể lực của trẻ qua biểu đồ : Theo dõi biểu đồ phát triển trẻ về chỉ số cân nặng và chiều cao +Theo dõi và đánh giá sự phát triển thể lực của trẻ bằng biểu đồ - Trẻ nhà trẻ theo dõi chiều cao và cân nặng 3 tháng 1 lần; + Theo dõi tình trạng dinh dưỡng: Đối với trẻ suy dinh dưỡng, béo phì theo dõi mỗi tháng 1 lần. + Phát hiện sớm và chăm sóc trẻ ốm - Khi đón trẻ và chăm sóc trẻ trong cả ngày, nếu thấy trẻ có gì khác thường phải theo dõi tình hình sức khỏe của trẻ cẩn thận để xử lý kịp thời. - Biết cách xử lí và chăm sóc trẻ ốm tại trường. c.Bảo vệ an toàn và phòng một số bệnh thường gặp: *An toàn thể lực: - Tạo môi trường an toàn cho trẻ khi đến trường, vệ sinh đồ dùng đồ chơi sạch sẽ,sắp xếp giá tủ gọn gàng, ngăn nắp. -Thường xuyên kiểm tra cơ sở vật chất để kịp thời thanh lí, tu sửa, không để trẻ bị xây xước, ngã, trơn trượt, đảm bảo an toàn cho trẻ mọi lúc mọi nơi,không để trẻ bị thương tích. - Quản lí trẻ cẩn thận mọi lúc mọi nơi. * An toàn tính mạng: - Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Nước uống và nước sinh hoạt dùng cho trẻ đảm bảo vệ sinh, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm ảnh hưởng đến tính mạng của trẻ. Không để xảy ra việc thất lạc trẻ. - Đồ chơi ngoài trời, phù hợp với độ tuổi, thường xuyên kiểm tra CSVC đảm bảo an toàn đảm bảo an toàn về tính mạng cho trẻ.	-Giáo viên phối hợp với phụ huynh Giáo viên phối hợp với nhà trường để thực hiện	
--	--	--	--

	- Phối hợp với các ban ngành đoàn thể để giữ an toàn giao thông trong giờ đưa đón trẻ. - Tạo tâm lý thoải mái, vui vẻ cho trẻ khi đến lớp. Gần gũi, thân mật với trẻ như ở nhà. Không dọa nạt, quát mắng, đánh trẻ.		
--	--	--	--

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH

Nguyễn Thị Lành

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Hương



**KẾ HOẠCH CHĂM SÓC GIÁO DỤC VỆ SINH - DINH DƯỠNG
ĐỘ TUỔI: 4 - 5 TUỔI- NĂM HỌC 2025– 2026.**

[illegible]

	- Hướng dẫn trẻ đồ dùng đúng vào nơi quy định, - Giáo viên lau sàn nhà khô ráo sạch sẽ, sát khuẩn sàn nhà sau khi ăn xong.		
3.2 Tổ chức giấc ngủ	* Chuẩn bị trước khi trẻ ngủ: - Giáo viên chuẩn bị đầy các đồ dùng, tâm thế cho trẻ để chuẩn bị tốt cho giấc ngủ của trẻ. * Theo dõi trẻ trong khi ngủ: - Trẻ có thói quen ngủ trưa 1 giấc khoảng 140- 150 phút - Khi trẻ ngủ: Giáo viên phải thường xuyên có mặt để theo dõi trẻ ngủ; giáo viên quan sát, phát hiện kịp thời và xử lý các tình huống có thể xảy ra trong khi trẻ ngủ. * Chăm sóc sau khi trẻ thức dậy: - Không nên đánh thức trẻ đồng loạt, trẻ nào thức trước cô cho trẻ dậy trước. - Hướng dẫn trẻ tự làm một số việc vừa sức .Sau khi trẻ tỉnh táo cho trẻ ăn quả chiều.	-CBQL chỉ đạo, kiểm tra đôn đốc -Giáo viên thực hiện	
3.3. Tổ chức vệ sinh	1.Vệ sinh cá nhân cô: - Cô giáo phải thường xuyên vệ sinh cá nhân sạch sẽ * Vệ sinh thân thể: - Giáo viên luôn giữ gìn VS thân thể - Quần áo luôn gọn gàng, sạch sẽ. phải thường xuyên mặc quần, áo công tác trong quá trình chăm sóc trẻ. Không mặc quần áo công tác ra đường hoặc về nhà. - Giữ gìn thân thể sạch sẽ, đầu tóc luôn gọn gàng, móng tay cắt ngắn. -Đeo khẩu trang khi chia thức ăn, khi ho, sổ mũi, viêm họng. - Để đồ dùng cá nhân của trẻ riêng biệt, không sử dụng đồ dùng cá nhân của trẻ. - Khám sức khỏe định kỳ hàng năm. 2. Vệ sinh cá nhân trẻ 2.1. Chuẩn bị các đồ dùng vệ sinh cá nhân. - Cô giáo chuẩn bị đầy đủ đồ dùng vệ sinh cho trẻ - Đồ dùng của trẻ có ký hiệu riêng 2.2 Chăm sóc và hướng dẫn trẻ thực hiện VSCN, phòng tránh dịch sốt xuất huyết, dịch đau mắt đỏ, chân tay miệng... - Cô giáo chuẩn bị đầy đủ dụng cụ cho trẻ vệ sinh như: nước sạch, xà phòng, nước sát khuẩn, khăn	- Giáo viên thực hiện - Giáo viên thực hiện	

	sạch để lau tay, khăn để lau mặt, giấy vệ sinh... - Hướng dẫn trẻ tự lau mặt sạch sẽ trước và sau khi ăn, khi mặt bị bẩn theo đúng qui trình. Mùa lạnh cần chuẩn bị khăn ấm cho trẻ lau. - Hướng dẫn trẻ rửa tay và lau khô tay theo đúng trình tự, đảm bảo vệ sinh. Với những trẻ mới đến lớp cô nên hướng dẫn tỉ mỉ từng thao tác rửa tay và tập cho trẻ làm quen dần với việc tự phục vụ. - Tập cho trẻ có thói quen uống nước và súc miệng sau khi ăn. - <i>Vệ sinh răng miệng cho trẻ:</i> - Hướng dẫn trẻ súc miệng nước muối. Tuyên truyền với phụ huynh không nên cho trẻ ăn quà vặt nhất là kẹo, bánh ngọt. - Khám răng định kỳ để phát hiện sớm sâu răng và chữa trị kịp thời. - Hướng dẫn trẻ đi vệ sinh đúng nơi qui định. -Dạy trẻ cách giữ vệ sinh cho bản thân, giữ nhà vệ sinh sạch sẽ, nhắc trẻ dội nước, rửa tay sau khi đi vệ sinh. - <i>VS quần áo dày dẽp:</i> - Không để trẻ mặc quần áo ẩm ướt. Khi trẻ bị nôn hoặc đi đại, tiểu tiện ra quần áo hoặc mồ hôi ra nhiều cần thay ngay cho trẻ. Cởi bớt quần áo khi trời nóng hoặc mặc thêm áo khi trời lạnh. - Nhắc nhở phụ huynh đưa đủ tất, quần áo dự trữ để thay cho trẻ khi cần thiết. Cho trẻ mặc quần áo bằng những loại vải mềm, thấm mồ hôi. Nên dùng loại dày, dẽp vừa chân, mềm, mỏng, nhẹ, có quai sau và dễ cởi tháo. Cất dẽp riêng cho trẻ đi trong lớp sạch sẽ. - Giáo viên hướng dẫn trẻ một số công việc tự chăm sóc sức khỏe cá nhân và tập cho trẻ làm quen dần với việc tự phục vụ. 3. Vệ sinh môi trường: <i>* Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi</i> - Các đồ dùng, đồ chơi trong lớp giáo viên phải rửa sạch, khử khuẩn các loại đồ dùng đồ chơi bằng dung dịch sát khuẩn(Khi có dịch bệnh xảy ra) an toàn và phơi khô ráo - Các đồ dùng phải xếp đặt ngăn nắp - Có lịch VS đồ dùng hằng tuần	- Giáo viên thực hiện	
--	--	------------------------------	--

	- Nhà trường có tủ thuốc và có đủ các loại thuốc thông dụng, có dán nhãn mác và hạn sử dụng của các loại thuốc. Tủ thuốc phải khóa cẩn thận, sạch sẽ, không để các thứ khác vào tủ thuốc. Giáo viên không tự tiện cho trẻ uống các loại kháng sinh, các loại thuốc khác khi không có sự hướng dẫn của nhân viên y tế. 3. Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp. * An toàn thể lực: - Thường xuyên kiểm tra cơ sở vật chất để kịp thời thanh lý, tu sửa kịp thời, không để trẻ bị thương tích. - Quản lý trẻ cẩn thận mọi lúc mọi nơi. Tạo môi trường an toàn cho trẻ khi đến trường. * An toàn tính mạng: - Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Nước uống và nước sinh hoạt dùng cho trẻ đảm bảo vệ sinh, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm. Không để xảy ra việc thất lạc trẻ. - Đồ chơi ngoài trời, phù hợp với độ tuổi, CSVC đảm bảo an toàn đảm bảo an toàn về tính mạng. - Phối hợp với các ban ngành đoàn thể để giữ an toàn giao thông trong giờ đưa đón, trả trẻ.	- Giáo viên thực hiện	
3.5 Chăm sóc trẻ khuyết tật	- Trẻ khuyết tật được chăm sóc, đối xử công bằng như những trẻ khác, không phân biệt, kỳ thị trẻ khuyết tật. (VD- Chân voi) - Có biện pháp GD riêng cho trẻ khuyết tật VD khó khăn, chân phình to khó khăn trong hoạt động của trẻ: Tạo MT cho trẻ khuyết tật học tập, hoà nhập, quan tâm đến trẻ khuyết tật để giúp đỡ trẻ, tạo điều kiện cho trẻ.	Giáo viên; phụ huynh	

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH



Hồ Thị Trang

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Hương



UBND XÃ AN CHÂU
TRƯỜNG MN DIỄN THỊNH

(Phụ lục 2)

**KẾ HOẠCH CHĂM SÓC GIÁO DỤC VỆ SINH – DINH DƯỠNG
ĐỘ TUỔI 5-6 TUỔI- NĂM HỌC 2025-2026**

(Kèm theo Kế hoạch số 93 /KH-TrMN ngày 26 tháng 9 năm 2025 của trường Mầm non Diễn Thịnh)

Nội dung	Phương pháp hình thức thực hiện	Người thực hiện, người phối hợp thực hiện	Lưu ý/điều chỉnh
3.1. Tổ chức bữa ăn	a.Số lượng và chất lượng bữa ăn: - Trẻ ăn tại trường : Một bữa chính và một bữa phụ. + Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal. + Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày. + Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu đầy đủ các chất - Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa. * Lượng thực phẩm: - Mỗi bữa chính trẻ ăn 280g - 300g cơm và thức ăn (khoảng 2 bát) với đủ năng lượng và các chất dinh dưỡng cần thiết như: Đạm, bột, đường, muối khoáng . * Nước uống: - Hàng ngày trẻ được uống nước đầy đủ, nhất là về mùa hè. Lượng nước cần được đưa vào cơ thể trẻ 1,6 – 2,0 lít nước/trẻ/1 ngày (Kể cả trong thức ăn và hoa quả). - Mùa đông cần ủ nước cho ấm. - Giáo viên cho trẻ uống theo nhu cầu và chia làm nhiều lần trong ngày. Không nên cho trẻ uống nhiều nước trước bữa ăn. b. Chăm sóc bữa ăn * Trước khi ăn. - Giáo viên chuẩn bị đầy đủ đồ dùng vệ sinh và hướng dẫn trẻ vệ sinh sạch sẽ, rửa tay sát khuẩn trước khi ngồi vào bàn ăn. - Giáo viên chuẩn bị đầy đủ đồ dùng ăn uống cho trẻ	-CBQL chỉ đạo thực hiện. -GV phối hợp phụ huynh thực hiện	

	và một số đồ dùng khác <i>* Trong khi ăn.</i> - Giáo viên tạo không khí ngon miệng cho trẻ, động viên trẻ ăn hết suất - Dạy trẻ có một số hành vi văn minh trong ăn uống <i>* Sau khi ăn:</i> - Giáo viên hướng dẫn trẻ tự VS răng miệng, uống nước - Giáo viên lau sàn nhà khô ráo sạch sẽ, sát khuẩn sàn nhà sau khi ăn xong.		
3.3. Tổ chức giấc ngủ	<i>* Chuẩn bị trước khi trẻ ngủ:</i> - Giáo viên chuẩn bị đầy đủ các đồ dùng cho giấc ngủ của trẻ, tâm thế cho trẻ phải thoải mái, phù hợp theo mùa <i>* Theo dõi trẻ trong khi ngủ:</i> - Trẻ có thói quen ngủ trưa 1 giấc khoảng 140- 150 phút. Trẻ ngủ ngon giấc, đầy giấc. - Giáo viên nhắc trẻ vào chỗ ngủ nằm đúng tư thế. Khi trẻ ngủ cô phải thường xuyên có mặt để theo dõi trẻ ngủ an toàn, giáo viên thường xuyên quan sát, phát hiện kịp thời và xử lý các tình huống có thể xảy ra trong khi ngủ. <i>* Chăm sóc sau khi trẻ thức dậy:</i> - Không nên đánh thức trẻ đồng loạt, trẻ nào thức trước giáo viên cho trẻ dậy trước. - Giáo viên nhắc nhở trẻ làm một số nhiệm vụ sau khi ngủ dậy, cất đồ dùng vào nơi quy định. Sau khi trẻ tỉnh táo cho trẻ ăn quả chiều.	- Giáo viên thực hiện	
3.3. Tổ chức vệ sinh	1. Vệ sinh cá nhân cô: - Cô giáo phải thường xuyên vệ sinh cá nhân sạch sẽ, không làm lan bệnh tật sang trẻ và cộng đồng. <i>* Vệ sinh thân thể:</i> - Rửa tay sạch bằng xà phòng và nước sạch trước khi cho trẻ ăn hoặc tiếp xúc với thức ăn, sau khi đi vệ sinh.... - Luôn giữ VS khi chăm sóc trẻ. Đeo khẩu trang, tạp dề khi tổ chức bữa ăn cho trẻ. Quần áo gọn gàng, sạch sẽ. Không sử dụng chung đồ dùng của trẻ 2. Vệ sinh cá nhân trẻ 2.1 Chuẩn bị các đồ dùng vệ sinh cá nhân. - Giáo viên chuẩn bị đầy đủ đồ dùng phục vụ cho trẻ vệ sinh cá nhân sạch sẽ - Đồ dùng của trẻ có ký hiệu riêng 2.2 Chăm sóc và hướng dẫn trẻ thực hiện VSCN, phòng tránh dịch sốt xuất huyết, dịch đau mắt đỏ,	-Giáo viên thực hiện	

	<i>bệnh chân tay miệng...</i> - Hướng dẫn trẻ vệ sinh cá nhân, rửa tay bằng xà phòng và lau khô tay theo đúng trình tự, đảm bảo vệ sinh. - Giáo viên hướng dẫn trẻ một số công việc tự chăm sóc sức khỏe cá nhân và tập cho trẻ làm quen dần với việc tự phục vụ. 3. Vệ sinh môi trường: * <i>Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi</i> - Các đồ dùng, đồ chơi trong lớp, trong kho giáo viên phải thường xuyên lau chùi, sắp đặt gọn gàng và đảm bảo an toàn cho trẻ. - Giáo viên có lịch cuối tuần vệ sinh lau rửa các loại đồ dùng đồ chơi an toàn và phơi khô ráo (Rửa bằng nước sát khuẩn khi dịch bệnh xảy ra) - Đồ dùng vệ sinh phải cất đặt gọn gàng, ngăn nắp - Bàn ghế phải cọ rửa vào cuối tuần, phơi khô, xếp đặt gọn gàng. * <i>Vệ sinh phòng nhóm</i> - Giáo viên thường xuyên vệ sinh phòng nhóm sau khi trẻ ăn xong, sau khi trẻ ra về. Phòng phải khô ráo không để trẻ trơn trượt. - Phòng học, phòng kho thường xuyên sạch sẽ, đồ dùng trong kho phải xếp đặt gọn gàng, theo bộ khoa học, dễ thấy, dễ lấy - Phòng vệ sinh thường xuyên được lau chùi sạch sẽ, khô ráo và không có mùi hôi khai. * <i>Xử lý rác, nước thải</i> - Rác thải của nhóm lớp được bỏ vào túi ni lon và bỏ vào thùng rác có nắp đậy của lớp. Cuối ngày giáo viên đưa về nơi tập kết rác thải của nhà trường để xử lý rác sạch sẽ. Phân loại rác theo chất liệu - Thường xuyên khơi thông cống rãnh để thông nguồn nước thải, không để ứ đọng nước thải sau khi rửa xong, không để gây mùi hôi của nước thải, mất vệ sinh. * <i>Giữ sạch nguồn nước</i> - Nguồn nước cho trẻ ăn uống phải đảm bảo đúng quy chuẩn. Cung cấp đủ nước sạch để nấu và sinh hoạt hằng ngày. - Dụng cụ chứa nước đảm bảo sạch sẽ không gây độc, có nắp đậy, dễ cọ rửa, an toàn cho người sử dụng.		
--	---	--	--

3.4. Tổ chức chăm sóc sức khỏe và an toàn	1. Chăm sóc sức khỏe trẻ: * Khám sức khỏe định kì: - Nhà trường kết hợp Trạm y tế xã để kiểm tra sức khỏe cho trẻ (Tháng 9, tháng 3), phát hiện xem những trẻ nào mắc các bệnh thông thường. - Nhân viên y tế nhà trường thường xuyên theo dõi sức khỏe trẻ em, kịp thời phát hiện bệnh tật của trẻ để phối hợp với gia đình có hướng xử lý, chuyển đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo qui định. * Khám điều trị chuyên khoa: - Trong năm học nhà trường phối hợp bác sỹ của Trung tâm y tế huyện, bác sỹ chuyên khoa để khám cho trẻ ít nhất 1 lần trong năm; phát hiện những bệnh có thể nguy hiểm để thông báo cho phụ huynh điều trị theo chuyên khoa kịp thời. * Theo dõi và đánh giá sự phát triển thể lực của trẻ bằng biểu đồ - Giáo viên tổ chức cân cho trẻ và ghi vào biểu đồ tăng trưởng mỗi quý một lần (15/9; 15/12; 15/3); đo chiều cao 3 tháng 1 lần (15/9; 15/12 và 15/3). Đối với trẻ bị suy dinh dưỡng, béo phì theo dõi hàng tháng, 2. Phòng và xử lý các bệnh thường gặp: * Phòng tránh dịch bệnh sốt xuất huyết, đau mắt đỏ, chân tay miệng...: - Giáo viên thực hiện phòng chống dịch sốt xuất huyết, đau mắt đỏ, chân tay miệng... chuẩn bị tốt các điều kiện để phòng chống dịch các loại bệnh xảy ra. - Thực hiện tốt công tác vệ sinh môi trường, vệ sinh nhóm lớp; tuyên truyền tốt với phụ huynh để đảm bảo phòng dịch sốt xuất huyết, dịch đau mắt đỏ, chân tay miệng... * Phát hiện và chăm sóc trẻ ốm: - Giáo viên thường xuyên quan sát trẻ để phát hiện những biểu hiện của trẻ ốm, trao đổi với phụ huynh và nhân viên y tế để chăm sóc trẻ chu đáo; không để trẻ sốt cao nguy hiểm tính mạng. - Phối hợp với phụ huynh cho trẻ ăn uống đảm bảo các chất khi trẻ ốm. * Phát hiện và xử lý ban đầu của một số bệnh thường gặp: - Giáo viên kịp thời phát hiện trẻ có biểu hiện các bệnh thường gặp, phối hợp cùng phụ huynh để cho trẻ uống thuốc theo sự chỉ dẫn của cán bộ phụ trách	Bác sỹ trạm y tế, Nhân viên y tế, giáo viên thực hiện Bác sỹ đa khoa Nhân viên y tế, giáo viên thực hiện Giáo viên thực hiện Giáo viên; Phối hợp phụ huynh thực hiện Nhân viên y tế, giáo viên, phụ huynh	
---	--	--	--

	công tác y tế. -Giáo viên làm tốt việc tuyên truyền về bệnh thường gặp theo mùa cho phụ huynh nắm bắt và đảm bảo sức khỏe cho trẻ. - Nhà trường có tủ thuốc và có đủ các loại thuốc thông dụng, có dán nhãn mác và hạn sử dụng của các loại thuốc. Tủ thuốc có thêm các dụng cụ y tế khác phục vụ cho phòng tránh một số bệnh thường gặp. Tủ thuốc phải khóa cẩn thận, sạch sẽ, không để các thứ khác vào tủ thuốc. 3.Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp. *An toàn thể lực: - Giáo viên thường xuyên kiểm tra cơ sở vật chất để kịp thời thanh lí, tu sửa, đảm bảo an toàn cho trẻ mọi lúc mọi nơi, không để trẻ bị thương tích. - Giáo viên tạo môi trường an toàn, quản lí trẻ cẩn thận mọi lúc mọi nơi. * An toàn tính mạng: - Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Nước uống và nước sinh hoạt dùng cho trẻ đảm bảo vệ sinh, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm ảnh hưởng đến tính mạng của trẻ. Không để xảy ra việc thất lạc trẻ. - Đồ chơi ngoài trời, phù hợp với độ tuổi, CSVN đảm bảo an toàn đảm bảo an toàn về tính mạng. - Phối hợp với các ban ngành đoàn thể để giữ an toàn giao thông trong giờ đưa đón, trả trẻ.	-Giáo viên thực hiện	
3.5. Chăm sóc trẻ khuyết tật	- Trẻ khuyết tật được chăm sóc, đối xử công bằng như những trẻ khác, không phân biệt, kỳ thị trẻ khuyết tật (KT nặng tăng động) - Có biện pháp GD riêng cho trẻ khuyết tật(Tăng động): Tạo MT cho trẻ khuyết tật học tập, hoà nhập, quan tâm đến trẻ khuyết tật để giúp đỡ trẻ, tạo điều kiện cho trẻ.	Giáo viên phối hợp phụ huynh thực hiện	

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH



Hồ Thị Trang

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Hương



KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC CHUYÊN ĐỀ NĂM HỌC 2025-2026

Chuyên đề: Phối hợp giữa gia đình - nhà trường - cộng đồng trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ tại cơ sở GDMN Năm học: 2025-2026;

Chuyên đề: Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm

Chuyên đề : Hướng dẫn tổ chức các hoạt động hỗ trợ trẻ 5 tuổi trong giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học

Chương trình : Tôi yêu Việt Nam

Chuyên đề: Chuyển đổi số, Ứng dụng CNTT trong công tác CSGD trẻ.

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Xây dựng Trường Mầm non Diễn Thịnh trở thành môi trường giáo dục thân thiện, an toàn, kích thích sự chủ động, sáng tạo và phát triển toàn diện của trẻ em, thông qua việc áp dụng hiệu quả quan điểm giáo dục "Lấy trẻ làm trung tâm" vào mọi hoạt động học trong ngày.

Tổ chức chuyên đề để giáo viên hiểu và nắm bắt sâu hơn về nội dung, yêu cầu của chương trình giáo dục mầm non trong năm học, vận dụng phù hợp với lớp mình, phù hợp với khả năng và độ tuổi của trẻ.

- Tăng cường mối quan hệ phối hợp chặt chẽ giữa gia đình – nhà trường – cộng đồng trong mọi hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, lấy trẻ làm trung tâm, tạo cơ hội cho trẻ được học bằng chơi, chơi mà học, phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng sống và thẩm mỹ.

- Đảm bảo sự thống nhất trong nhận thức và hành động giữa các bên; huy động sức mạnh tổng hợp của gia đình, nhà trường, cộng đồng cùng hướng đến mục tiêu mỗi trẻ đều được quan tâm, không trẻ nào bị bỏ lại phía sau, được trải nghiệm, sáng tạo, được tôn trọng sự khác biệt và phát huy tiềm năng riêng.

- Giúp trẻ mẫu giáo lớn (5–6 tuổi) có sự chuẩn bị đầy đủ về tâm thế, kỹ năng, thói quen và kiến thức nền tảng cần thiết, tạo sự tự tin, hứng thú, sẵn sàng bước vào lớp 1. Phối hợp hiệu quả giữa gia đình – nhà trường – cộng đồng trong việc hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho. Rèn kỹ năng sống văn minh, an toàn cho trẻ. trẻ trong quá trình chuyển tiếp.

- Bồi dưỡng cho trẻ các hành vi, kỹ năng sống văn minh, an toàn, góp phần xây dựng lối sống lành mạnh và nhân ái ngay từ lứa tuổi mầm non

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1 Phối hợp xây dựng kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ

100% kế hoạch chăm sóc – giáo dục trẻ của nhà trường được xây dựng trên quan điểm lấy trẻ làm trung tâm, có sự tham gia góp ý của Ban đại diện CMHS và tổ chức cộng đồng.

Trên 80% phụ huynh tham gia ít nhất 02 hoạt động trải nghiệm “Cha mẹ cùng con học tập, vui chơi” trong năm học.

Mỗi năm huy động ít nhất 03 nguồn lực từ gia đình – cộng đồng để bổ sung cơ sở vật chất, cải tạo môi trường học tập an toàn, lành mạnh cho trẻ hoạt động.

2. Kết nối, chia sẻ thông tin

100% nhóm/lớp có kênh thông tin trực tuyến như zalo. Messenger; fbook kết nối với phụ huynh; tối thiểu 2 lần/tháng chia sẻ thông tin về thực đơn, chế độ dinh dưỡng, kế hoạch tuần, hoạt động trải nghiệm của trẻ.

Mỗi học kỳ tổ chức ít nhất 02 hoạt động phối hợp có phụ huynh và cộng đồng tham gia (ngày hội, ngoại khóa, trải nghiệm, hội thảo), gắn với giáo dục kỹ năng sống, dinh dưỡng và sức khỏe.

100% trẻ tham gia ít nhất 01 hoạt động kỹ năng phòng tránh tai nạn thương tích/học kỳ;

100% phụ huynh được tập tuyên truyền về chăm sóc, giáo dục trẻ tại gia đình theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm.

3. Phối hợp chăm sóc, giáo dục trẻ có hoàn cảnh đặc biệt

- 100% trẻ được cân đo, theo dõi tăng trưởng ít nhất 3 lần/năm; trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, khuyết tật hoặc có nhu cầu đặc biệt được xây dựng hồ sơ theo dõi riêng.

- 100% trẻ có hoàn cảnh đặc biệt được lập kế hoạch chăm sóc cá nhân hóa, trong đó phụ huynh và cộng đồng cùng tham gia; đảm bảo không trẻ nào bị bỏ lại phía sau.

- Hằng kỳ có ít nhất 01 cuộc họp phối hợp giữa gia đình – giáo viên – y tế – đoàn thể để trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm.

4. Phối hợp quyết định các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ.

- Nhà trường ký cam kết an toàn, an ninh, PCCC với công an; tổ chức ít nhất 02 buổi diễn tập PCCC – thoát hiểm/năm có phụ huynh tham gia.

- Đảm bảo các điều kiện nước sạch, vệ sinh môi trường, phòng y tế, trang thiết bị y tế, dụng cụ phòng dịch theo tiêu chí LTLTT.

5. Phối hợp đánh giá sự phát triển của trẻ

- Trên 90% phụ huynh tham gia vào hoạt động đánh giá sự phát triển của trẻ (họp PH, sự phản hồi của phụ huynh).
- Đánh giá sự tiến bộ của trẻ dựa trên sự thay đổi cá nhân, không so sánh, phân biệt có sự tham khảo từ phụ huynh để điều chỉnh kế hoạch giáo dục.

III. NỘI DUNG :

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Nội dung	Phân công thực hiện	Đơn vị phối hợp thực hiện	Thời gian	Sản phẩm
	1.2 Phụ huynh phối hợp thực hiện CSGD hàng ngày	- Xây dựng hoạt động giáo dục trẻ có sự tham gia của phụ huynh (01 HĐ/ lớp/ tuần); - Tổ chức hoạt động 'Cha mẹ cùng con trải nghiệm' mỗi học kỳ Tổ chức các hoạt động trải nghiệm theo chủ đề có sự tham gia của phụ huynh và các tổ chức liên quan trên địa bàn (có KH chi tiết kèm theo);	- Phó hiệu trưởng phụ trách bán trú chủ trì; đại diện hội phụ huynh nhà trường; nhân viên nấu ăn phối hợp thực hiện....; - BGH, TTCM	Ban đại diện CMHS	Hàng tháng	Chương trình, KH giáo dục của nhà trường, nhóm lớp tại các lớp - Biên bản họp phụ huynh đầu năm
	1.3 Xây dựng CSVC, môi trường GD	Huy động phụ huynh, cộng đồng tham gia vệ sinh, tu sửa, bổ sung CSVC, tạo môi trường an toàn, sạch đẹp, phù hợp	- Hiệu trưởng chỉ đạo; PHT và các Tổ chuyên môn tham mưu ý tưởng, thiết kế....	- Đoàn thanh niên khu vực thư viện xanh. - Phụ huynh khu vực chơi chợ quê	Tháng 8, 12	Khu trải nghiệm chợ ; Thư viện

2. Kết nối, chia sẻ thông tin	2.1 Công khai hoạt động CSGD trẻ	thông tin đầy đủ các hoạt động của nhà trường về dinh dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, ... - Theo các hình thức công khai qua trang wes; zalo; meseeger; FB; qua bảng công khai của nhà trường, góc tuyên truyền nhà trường, lớp; (TC 1.7 LTLTT).	BGH, GV chủ nhiệm	Ban đại diện CMHS	Hàng tuần, hàng tháng, hàng ngày	Bảng công khai, minh chứng online
	2.3. Thiết kế và tổ chức các hoạt động có sự tham gia của gia đình và cộng đồng	- Xác định các tổ chức tham gia: Đoàn TN, Hội PN, phụ huynh... - Xây dựng dự thảo kế hoạch hoạt động mời phụ huynh, cộng đồng tham gia họp bàn đóng góp ý kiến, ý tưởng Thống nhất kế hoạch, chương trình, nội dung, hình thức - Triển khai thực hiện Mời phụ huynh tham gia vào các hoạt động của trường (làm đồ dùng, tổ chức sự kiện như 'Ngày hội đến trường', 'Vui hội trung thu' : Ngày tết quê em” “ Bé tham gia an toàn giao thông(TC 3.1, 3.2 LTLTT). - Mỗi lớp tổ chức ít nhất 01 hoạt động/tuần (tháng); GV và phụ huynh thiết kế và tổ chức hoạt động. Toàn trường ít nhất 10 hoạt động/tuần (tháng).	BGH, GV, tổ chuyên môn	CMHS, đoàn thể xã	Tháng 9,10,11,12,02; 03	Kế hoạch, báo cáo, hình ảnh
	2.4. Phối hợp tuyên truyền về vị trí, vai trò	- Đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục: + Tổ chức các buổi họp phụ huynh đầu	BGH, tổ PCCC, GV chủ nhiệm	Phụ huynh các nhóm lớp	Tháng 9, 12, 4	Kế hoạch tập huấn, hình ảnh minh chứng

	của GDMN, quan điểm GD lấy trẻ làm trung tâm (bổ sung nội dung của CD LTLTT) và tham gia các hoạt động đảm bảo an toàn, bảo vệ trẻ em tại gia đình, nhà trường và cộng đồng;	năm/cuối kỳ để trao đổi về quan điểm "Lấy trẻ làm trung tâm" và định hướng giáo dục của trường; + Khuyến khích giáo viên thiết kế các chủ đề/dự án dựa trên hứng thú, nhu cầu của trẻ; + Giáo viên khuyến khích trẻ đưa ra những quyết định/ lựa chọn theo khả năng, nhu cầu của bản thân trước và trong khi hoạt động; + Giáo viên lắng nghe và hỗ trợ trẻ kịp thời khi cần thiết; + Thiết kế các hoạt động trải nghiệm phù hợp với khả năng của trẻ và điều kiện thực tế của trường, lớp; + Thiết kế các bài tập dành cho trẻ thiếu hụt và trẻ có hoàn cảnh khó khăn..; + Tăng cường các hoạt động trải nghiệm thực tế, dã ngoại, tham quan; + Đẩy mạnh ứng dụng CNTT tin trong việc hỗ trợ trẻ khám phá và học tập.				
3. Phối hợp chăm sóc, GD trẻ có hoàn	3.1 Nhận diện trẻ có nhu cầu đặc biệt	- Cân đo theo dõi trẻ qua biểu đồ; Khám sức khỏe trẻ- Phối hợp với cha mẹ Quan sát phát hiện, nhận diện một số dấu hiệu bất thường của trẻ khi đến trường, ở nhà. - Xây dựng kế hoạch chăm sóc phục hồi trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì	- Hiệu phó phụ trách nuôi dưỡng chăm sóc sức khỏe; GV chủ nhiệm, y tế học đường	Trạm y tế xã	Tháng 9,12,03	- Hồ sơ sức khỏe của trẻ- Danh sách, hồ sơ nhận diện trẻ cá biệt/khuyết

cảnh đặc biệt		- Chủ động Phối hợp, tuyên truyền tư vấn, trao đổi, chia sẻ với cha mẹ trẻ có chế độ dinh dưỡng, chăm sóc hợp lý, các bài tập luyện phù hợp cho trẻ tại nhà trường và gia đình (TC 3.4 LTLTT).				tật/SDD/thừa cân-
	3.2. Phối hợp tư vấn về chăm sóc và giáo dục trẻ cá biệt, khuyết tật; trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì tại gia đình và nhà trường hoặc tổ chức cộng đồng liên quan	- Phối hợp với Trạm y tế tổ chức hội thảo, mời cha mẹ trẻ đến tham dự tư vấn, trao đổi, chia sẻ với cha mẹ trẻ kiến thức, kỹ năng trong chăm sóc, GD trẻ cá biệt, khuyết tật; trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì - Khuyến khích cha mẹ chia sẻ những suy nghĩ, thắc mắc về sự PT của trẻ; - Lắng nghe, thấu hiểu những chia sẻ của cha mẹ và tư vấn cho cha mẹ trẻ (TC 3.3 LTLTT).	BGH, GV chủ nhiệm	Ban đại diện CMHS, Trạm y tế	Tháng 9,10	KH can thiệp, hỗ trợ cá nhân- Biên bản, báo cáo phối hợp- Hình ảnh, video các buổi khám sức khỏe, họp phụ huynh, hội thảo chuyên đề.
	3.4 Thực hiện đồng bộ hỗ trợ trẻ	- Xây dựng kế hoạch chăm sóc trẻ cá biệt, suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì. - Phối hợp, tuyên truyền tư vấn, trao đổi, chia sẻ với cha mẹ trẻ có chế độ dinh dưỡng hợp lý, các bài tập luyện phù hợp cho trẻ tại nhà trường và gia đình. - Tổ chức hội thảo chia sẻ kinh nghiệm dinh dưỡng, chăm sóc; xây dựng 'Góc cha mẹ' (TC 3.4 LTLTT).	BGH xây dựng kế hoạch, nội dung, chương trình, tổ chuyên môn báo cáo tham luận	Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên	Tháng 9	

4. Phối hợp các hoạt động CSGD trẻ	4.3 Phối hợp công tác ANTT – PCCC	- Xây dựng quy chế phối hợp giữa nhà trường với Ban công an xã. - Tổ chức ký kết. Ban hành thực hiện - Tổ chức diễn tập PCCC, CNCH, thoát hiểm(TC 1.8 LTLTT).	BGH	Công an xã, PCCC, CMHS	Tháng 9 Tháng 12	Hồ sơ Hội CM HS
5: Tham gia đánh giá sự PT của trẻ	5.2 Phụ huynh tham gia đánh giá	- Cung cấp các mục tiêu của chương giáo dục - Phối hợp với phụ huynh nhóm lớp tham gia đánh giá trẻ - Kết quả đánh giá được ghi vào phiếu đánh giá sự phát triển của trẻ, được lưu vào hồ sơ cá nhân và thông báo cho cha mẹ trẻ để cùng phối hợp đưa ra các biện pháp giáo dục phù hợp (TC 4.1, 4.2 LTLTT).	GV chủ nhiệm, tổ chuyên môn	Ban đại diện CMHS	Tháng 05	Biên bản họp, phiếu đánh giá có chữ ký phụ huynh
6. Hỗ trợ trẻ 5 tuổi từ mầm non lên tiểu học	6.1. Thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục mầm non và Chương trình Giáo dục mầm non đối với trẻ 5 tuổi; tạo sự “liên	- Phân công giáo viên đến từng hộ gia đình trên địa bàn để điều tra và vận động trẻ ra lớp - Xây dựng kế hoạch giáo dục độ tuổi 5-6 tuổi theo mục tiêu phát triển của trẻ- Duyệt kế hoạch chủ đề, kế hoạch lớp.	HT, PHT, Gv phối hợp với ban chỉ huy xóm điều tra phổ cập. PHT; GV		Tháng 08 Tháng 09	- Phiếu điều tra các xóm, các biểu mẫu tổng hợp KHGD các độ tuổi, các nhóm lớp,...

	thông” giữa mẫu giáo 5 tuổi và lớp Một	- Kiểm tra, thăm lớp dự giờ. - Tổ chức thao giảng, dạy chuyên đề.				
	6.3. Nâng cao nhận thức cho giáo viên mầm non và giáo viên tiểu học về giai đoạn chuyển tiếp	- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, sinh hoạt chuyên đề cho giáo viên về việc chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1 - Xây dựng kế hoạch tổ chức hội thảo, báo cáo, bài tham luận, tiết dạy trẻ 5 tuổi - Tổ chức hội thảo; Thành phần BGH 2 nhà trường; Giáo viên 5 tuổi và giáo viên tiểu học dạy lớp Cha mẹ trẻ; Lãnh đạo địa phương. Rút kinh nghiệm sau hội thảo, ý kiến tham luận của trường MN, Tiểu học; kết luận bế mạc	- HT chỉ đạo - Hiệu phó, tổ trưởng, tổ phó chuyên môn xây dựng kế hoạch. - Triển khai thực hiện	-BGH; GV 5T -BGH; GV dạy lớp 1 TTH. -Lãnh đạo địa phương	Tháng 12	Kế hoạch , chương trình Phối hợp (Hội thảo)giữa nhà trường với các ban ngành, địa phương, phụ huynh
7. Chương trình "Tôi yêu Việt Nam"	7.4. Tổ chức các hoạt động cho trẻ thực hành trải nghiệm về ATGT	- Xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động các nội dung, hình thức, kinh phí tổ chức - Phối hợp với các đoàn thể và các tổ chức trong cộng đồng như hội cha mẹ học sinh, Đoàn thanh niên, Công an xã tham gia chương trình - Triển khai kế hoạch - Tổ chức thực hiện - Đánh giá rút kinh nghiệm	Phụ huynh, công an xã; Đoàn TN	Tháng 03	Công An xã	- Kế hoạch và tài liệu tuyên truyền về chương trình “Tôi yêu Việt Nam”- Hình ảnh, video, minh chứng các hoạt động (- Báo cáo kết quả thực hiện chuyên

						đề/chương trình- Bộ hồ sơ, minh chứng lưu trữ phục vụ đánh giá, kiểm tra- Biên bản phối hợp với phụ huynh, cộng đồng (nếu có)
8. Chuyển đổi số, ứng dụng CNTT trong công tác CSGD trẻ	Nâng cao chất lượng quản lý và CSGD trẻ qua ứng dụng CNTT	1.Công tác tuyên truyền – nâng cao nhận thức- Tập huấn, bồi dưỡng cho CBQL, GV, NV về chuyển đổi số, kỹ năng sử dụng CNTT trong chăm sóc – giáo dục trẻ.- Tuyên truyền cho phụ huynh về lợi ích và cách phối hợp trong ứng dụng CNTT để theo dõi sự phát triển của trẻ. 2. Ứng dụng CNTT trong quản lý và chăm sóc – giáo dục- Sử dụng phần mềm quản lý trẻ, quản lý hồ sơ, sức khỏe, dinh dưỡng.- Ứng dụng CNTT trong xây dựng kế hoạch, soạn giảng điện tử; 3. Đổi mới phương pháp dạy học, tổ chức hoạt động cho trẻ- Sử dụng thiết bị công nghệ (máy chiếu, bảng tương tác, màn hình thông minh...) trong giờ học- Thiết kế các hoạt động	- BGH, Tổ trưởng chuyên môn, GV cốt cán, tham mưu và xây dựng kế hoạch- Giáo viên thực hiện ở các lớp- Phối hợp các trung tâm phần mềm hỗ trợ khi thực hiện			- Kế hoạch, tài liệu tập huấn về chuyển đổi số và ứng dụng CNTT.- Hệ thống phần mềm/ứng dụng phục vụ quản lý và giáo dục trẻ (sổ liên lạc điện tử, phần mềm dinh dưỡng, phần mềm quản lý trẻ)- Bài giảng điện tử, học liệu số, video, e-

		trải nghiệm số: trò chơi học tập, video minh họa, ứng dụng học tập dành cho trẻ mầm non- Kết hợp hình thức trực tiếp và trực tuyến (nếu cần thiết) để đảm bảo trẻ được tiếp cận đa dạng nguồn học liệu. 4. Phối hợp, chia sẻ nguồn lực- Kết nối với phụ huynh, cộng đồng trong việc trang bị cơ sở vật chất, thiết bị CNTT.- Chia sẻ học liệu điện tử, video, tài liệu hướng dẫn phụ huynh hỗ trợ trẻ tại nhà. 5. Đánh giá và cải tiến- Theo dõi, đánh giá hiệu quả ứng dụng CNTT trong công tác CSGD- Điều chỉnh, bổ sung giải pháp để phù hợp với điều kiện của nhà trường.				learning áp dụng trong dạy học.- Minh chứng bằng hình ảnh, video về hoạt động ứng dụng CNTT trong lớp học- Báo cáo tổng kết, đánh giá hiệu quả ứng dụng CNTT trong công tác CSGD- Sản phẩm của trẻ qua hoạt động ứng dụng CNTT (tranh vẽ số, clip, SP học tập trên phần mềm)
--	--	--	--	--	--	---



UBND XÃ AN CHÂU
TRƯỜNG MN DIỄN THỊNH

Phụ lục 04

KẾ HOẠCH

TỔ CHỨC DẠY HỌC TĂNG CƯỜNG NGOÀI GIỜ CHÍNH KHÓA (NĂNG KHIẾU MÚA, THỂ DỤC EROBIC CHO TRẺ MẪU GIÁO NĂM HỌC 2025 – 2026

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch

- Căn cứ Nghị quyết số 31/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân Tỉnh Nghệ An về việc quy định tối đa các khoản thu dịch vụ phục vụ, Hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở công lập, mức thu dịch vụ tuyển sinh các cấp học trên địa bàn Tỉnh Nghệ An;
- Căn cứ Thông tư Số: 04/2014/TT-BGDĐT, ngày 28 tháng 02 năm 2014 của Bộ GD&ĐT Quy định Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.
- Căn cứ công văn số 2379 /SGD&ĐT-GDNN-GDTX ngày 21/8/2025 V/v hướng dẫn thực hiện Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ mẫu giáo và Chương trình tăng cường trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Nghệ
- Căn cứ vào nhu cầu thực tế của phụ huynh học sinh và việc thực hiện nhiệm vụ năm học 2025 – 2026 của trường mầm non Diên Thịnh.

II. Chương trình thể dục Aerobic dành cho trẻ mẫu giáo

Địa chỉ: Nhà ở liền kề LK4, Chung cư Trung Đức Tower, Đường Lý Thường Kiệt, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An.

Đại diện ông: Nguyễn Văn Điệp- Giám đốc

(Có hồ sơ kèm theo)

Giáo viên giảng dạy của Trung tâm Aerobic Sao Vàng được cấp phép và thẩm định hồ sơ bởi Sở GD&ĐT Nghệ An

*. Danh sách giáo viên

TT	Nội dung	Tên chương trình học	Đối tượng tham gia	Hình thức phối hợp	Giáo viên, trình độ	Thời lượng, thời gian	Địa điểm tổ chức
1	Hoạt động phát triển năng khiếu	Chương trình học tập Thể dục thể thao Aerobic	Trẻ MG 5-6 tuổi: 81 trẻ - Số lớp: 3	Phối hợp với Trung tâm Giáo dục thể chất Sao Vàng	- Lữ Thị Hằng: CCSPMN, chứng chỉ chuyên môn Aerobic- Cao Thị Vinh: CCSPMN, chứng chỉ chuyên môn Aerobic	60 tiết/năm; 2 tiết/tuần; - các ngày thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, Buổi chiều sau giờ học chính khóa	Phòng HĐ âm nhạc; Khu phát triển vận động
2	Hoạt động phát triển năng khiếu	Chương trình học tập Thể dục thể thao Aerobic	Trẻ MG 4-5 tuổi: 50 trẻ - Số lớp: 2	Phối hợp với Trung tâm Giáo dục thể chất Sao Vàng	- Cao Thị Vinh: CCSPMN, chứng chỉ chuyên môn Aerobic	60 tiết/năm; 2 tiết/tuần; - các ngày thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, Buổi chiều sau giờ học chính khóa	Phòng HĐ âm nhạc; Khu phát triển vận động
3	Hoạt động phát triển năng khiếu	Chương trình học tập Thể dục thể thao Aerobic	Trẻ MG 3- 4 tuổi: 29 trẻ - Số lớp: 1	Phối hợp với Trung tâm Giáo dục thể chất Sao Vàng	- Lữ Thị Hằng: CCSPMN, chứng chỉ chuyên môn Aerobic	60 tiết/năm; 2 tiết/tuần; - các ngày thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, Buổi chiều sau giờ học chính khóa	Phòng HĐ âm nhạc; Khu phát triển vận động

III. Chương trình Nung khiếu múa dành cho trẻ mẫu giáo

Nhà trường phối hợp với Trung tâm tâm Kỹ năng sống & và bồi dưỡng kiến thức

Master Kids(*Có hồ sơ kèm theo*)

Đại diện: Bà Đặng Thị Thanh Huyền- Giám đốc

Địa chỉ: Phường Vinh Tân, Tp Vinh, tỉnh Nghệ An.

*. Danh sách giáo viên

TT	Nội dung	Tên chương trình học	Đối tượng tham gia	Hình thức phối hợp	Giáo viên, trình độ	Thời lượng, thời gian	Địa điểm tổ chức
1	Hoạt động phát triển năng khiếu múa	Chương trình học tập Múa	Trẻ MG 5-6; 4-5 tuổi tuổi: 30 trẻ - Số lớp: 1	Trung tâm tâm Kỹ năng sống & và bồi dưỡng kiến thức Master Kids:	- Cao Thị Dung CĐVHNT, chứng chỉ NVSPMN, chứng chỉ chuyên môn múa	60 tiết/năm; 2 tiết/tuần; - các ngày thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, Buổi chiều sau giờ học chính khóa	Phòng Giáo dục âm nhạc;
2	Hoạt động phát triển năng khiếu múa	Chương trình học tập Múa	Trẻ MG 3-4 tuổi: 23 trẻ - Số lớp: 1	Trung tâm tâm Kỹ năng sống & và bồi dưỡng kiến thức Master Kids:	- Cao Thị Dung CĐVHNT, chứng chỉ NVSPMN, chứng chỉ chuyên môn múa	60 tiết/năm; 2 tiết/tuần; - các ngày thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, Buổi chiều sau giờ học chính khóa	Phòng Giáo dục âm nhạc;

IV. Dự trù kinh phí thu, chi

(Theo NQ số 31/2020/HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh).

- Tiền học phí: Thu theo tình hình thực tế tại địa phương, chương trình học bao gồm chi phí trang phục biểu diễn ngày báo cáo kết quả.

Học phí:

TRUNG TÂM KỸ NĂNG SỐNG & BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC MASTER KIDS

18.000 đ/tiết học (bao gồm chi phí trang phục biểu diễn).

- Thời lượng là 30 phút/tiết. 2 tiết/tuần . Cả năm là 60 tiết

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ GIÁO DỤC SAO VÀNG

- 17.000 đ/tiết học

- Thời lượng là 30 phút/tiết. 2 tiết/tuần . Cả năm là 60 tiết

2. Chế độ miễn giảm học phí:

- Giảm 100% học phí cho trẻ là con hộ nghèo, mồ côi cả cha lẫn mẹ,

- Giảm 50% cho trẻ là con giáo viên trong nhà trường.

B) Dự kiến chi

- Chi cho Quản lý và giáo viên giảng dạy trực tiếp của trung tâm: Nhà trường sẽ ủy nhiệm chi sang tài khoản của Trung tâm là 75% tổng học phí.

- Chi Cho Công tác quản lý, giám sát và giáo viên trợ giảng bên trường và CSVN là 25% tổng học phí.

+ Chi phí cơ sở vật chất: 4%

+ Chi công tác quản lý: 6%

+ Chi GVCN hỗ trợ quản lý trẻ: 9%

+ Chi bộ phận tài vụ thu tiền học phí: 4%

+ Các chi phí liên quan: 2%

Cam kết chuẩn đầu ra (có bản cam kết kèm theo)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với Trung tâm và Giáo viên của trung tâm phối hợp giảng dạy

- Trung tâm phải thực hiện đúng các quy định tại Thông báo số 2379 /SGD&ĐT-GDNN-GDTX ngày 21/8/2025 V/v hướng dẫn thực hiện Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ mẫu giáo và Chương trình tăng cường trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Nghệ

- Phối hợp với nhà trường xây dựng kế hoạch, biên soạn, điều chỉnh kế hoạch dạy học, kế hoạch bài dạy tổ chức Chương trình; sau khi ký hợp đồng trung tâm phải phối hợp với các cơ sở giáo dục báo cáo về SGD&ĐT và UBND xã
- Tổ chức thực hiện theo đúng hợp đồng đã ký kết với các cơ sở giáo dục.
- Phối hợp với nhà trường tổ chức đánh giá kết quả học tập của học sinh theo chuẩn đầu ra đã cam kết trong Hợp đồng.
- Thực hiện nghiêm túc các quy định của Nhà nước, địa phương và các cơ sở giáo dục trong quá trình triển khai Kế hoạch.
- Thực hiện dạy học theo TKB phân công của nhà trường, thực hiện tốt các yêu cầu về nề nếp chuyên môn. Quản lý học sinh trong các tiết học đảm bảo an toàn, nề nếp.
- Phối hợp với nhà trường thực hiện hiệu quả việc xây dựng môi trường năng khiếu cho trẻ.

1. Đối với nhà trường

- Tổ chức cho phụ huynh tự nguyện đăng ký tham gia học và hợp phụ huynh các lớp để triển khai nội dung.
- Xây dựng kế hoạch, tổ chức, quản lý dạy học chương trình giáo dục tăng cường(múa, thể dục erobic) cho trẻ mầm non trong nhà trường.
- Tổ chức truyền truyền, công khai kế hoạch tổ chức dạy học chương trình giáo dục tăng cường(múa, thể dục erobic) cho trẻ mầm non, cam kết chất lượng đầu ra với phụ huynh học sinh.
- Lựa chọn và ký hợp đồng với trung tâm theo đúng quy định.
- Phối hợp với Trung tâm sắp xếp thời khóa biểu.
- Theo dõi sự tiến bộ của HS.
- Thường xuyên thu nhập ý kiến của học sinh, phụ huynh và báo cáo về Sở GD.
- Hoàn thiện hồ sơ báo cáo tình hình và kết quả triển khai kế hoạch của trường.
- Giám sát công tác dạy học cũng như đánh giá chất lượng học sinh hàng năm và báo cáo chất lượng về SGD&ĐT; UBND xã
- Công khai khoản thu, chi và chất lượng của các hoạt động thuộc Chương trình trong nhà trường theo quy định hiện hành.

3. Với giáo viên chủ nhiệm:

- GVCN: Tham gia công tác trợ giảng, quản lý học sinh các tiết học giáo dục tăng cường(múa, thể dục erobic).

Trên đây là Kế hoạch liên kết tổ chức dạy học chương trình giáo dục tăng cường(múa, thể dục erobic)cho trẻ mẫu giáo của Trường Mầm non Diên Thịnh phối hợp với Trung tâm Kỹ năng sống và Bồi dưỡng kiến thức Master Kids, Công ty đầu tư giáo dục sao vàng năm học 2025-2026, yêu cầu các bộ phận, cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. Ban Giám hiệu thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện kế hoạch này; tổng hợp kết quả, định kỳ báo cáo Sở GD&ĐT; UBND xã theo quy định.